

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

# HỒ SƠ

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ  
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN  
NGÀNH XÂY DỰNG

*Lai Châu, năm 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

# HỒ SƠ

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ  
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN  
NGÀNH XÂY DỰNG

*Lai Châu, năm 2026*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 6200075490**

*Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 02 năm 2014*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 17 tháng 07 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam*

Điện thoại: 0845986289

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

**3. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Năm tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 500.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: VŨ HOÀNG TINH

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 26/10/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân : 034070009694

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 10, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Phạm Hồng Khanh*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH LAI CHÂU  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Số:



### GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Lai Châu  
Địa chỉ trụ sở: P Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam  
Điện thoại: 0213 3876 438 Fax:  
Email: [dkkdlaichau@gmail.com](mailto:dkkdlaichau@gmail.com) Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG  
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 6200075490

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.	7410
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan khác - Lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; lập tổng mức đầu tư, dự toán, tổng dự toán, tư vấn quản lý dự án, thẩm tra, thẩm định dự án, tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, đánh giá tác động môi trường công trình Giao thông, dân dụng, thủy lợi, cấp thoát nước sinh hoạt, công trình thủy điện, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đường dây tải điện đến 35KV. - Thiết kế công trình: Giao thông, cảng đường thủy; thiết kế tổng mặt bằng xây dựng, thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc. - Tư vấn giám sát các công trình: Dân dụng, giao thông, Công nghiệp, thủy lợi - thủy điện	7110(Chính)
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

STT	Tên ngành	Mã ngành
5	Xây dựng công trình công ích	4220
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
7	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
8	Phá dỡ	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
11	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
17	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
19	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
20	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
21	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
22	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
25	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
26	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
28	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
29	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Đầu tư công trình thủy điện vừa và nhỏ, xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV.	3510
30	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
31	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
33	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Vệ sinh môi trường, đô thị, quét dọn đường phố, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải đô thị, phun nước chống bụi đường phố	8129
34	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật - Kiểm định, kiểm tra chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Thí nghiệm vật liệu xây dựng, thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình, thử tải công trình.	7120

STT	Tên ngành	Mã ngành
35	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ khoan đá, nổ mìn, vận chuyển vật liệu nổ bằng ô tô</li> <li>- Cung cấp, lắp đặt các thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cầu thang máy</li> <li>- Dịch vụ chống mối</li> <li>- Quản lý vận hành, khai thác sử dụng hệ thống điện chiếu sáng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông đô thị</li> <li>- Quản lý vận hành các công trình thủy lợi, hồ chứa nước</li> <li>- Duy tu, bảo dưỡng, khai thác vận hành công trình giao thông đường bộ.</li> <li>- Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, cung cấp dịch vụ phụ trợ cho Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ</li> </ul>	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

**Nơi nhận:**

- CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG. Địa chỉ: Tô 01, Phường Quyết Tiến, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

.....;

- Lưu: Phạm Hải Đường.....



**TRƯỞNG PHÒNG**

*Nguyễn Đình Hùng*

UBND TỈNH LAI CHÂU  
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1493 /GCN-SXD

Lai Châu, ngày 16 tháng 8 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 54/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 tháng 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu;*

*Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Anh Dũng và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Đoàn đánh giá thực tế theo Quyết định số 83/QĐ-SXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu.*

**CHỨNG NHẬN:**

**1. Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Anh Dũng:**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200075490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 17/02/2014.

Địa chỉ: Tổ 01, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Tổ 05, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Bảng danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

**2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 34.001.**

**3. Thời hạn: Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.**

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng (đề b/c);
- Trang thông tin điện tử - Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu;
- Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Anh Dũng;
- Lưu: VT, QLXD.

**GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: Sở Xây dựng  
Cơ quan: Tỉnh Lai Châu  
Thời gian ký: 16/08/2024 16:38:33



**Hoàng Đại Thắng**



**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH (LAS-XD/34.001)**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 1493/GCN-SXD ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
<b>I</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15
4	Xác định độ giãn nở Autoclave và Lechatelier	TCVN 8877:2021; TCVN 6017:2015
5	Độ tách nước và độ tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:1993
6	Hàm lượng cặn không tan	TCVN 141:2008
7	Hàm lượng mất khí nung	TCVN 141-2008
8	Xác định độ nở Sunfat	TCVN 2068:2004
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
9	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
10	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:93
11	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
12	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
13	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93
14	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:93
15	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
16	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
17	Xác định độ mài mòn	TCVN 3113:93
18	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:93
19	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:93
20	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
21	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
22	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:93
23	Xác định cường độ lắng trụ và modun đàn hồi khi nén	TCVN 5762:93
24	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12
25	Xác định độ PH của vữa và bê tông	TCVN 9339:12
26	Xác định hàm lượng hạt có kích thước nhỏ hơn 75 $\mu$ m (cát nghiền)	TCVN 9205:2012
27	Xác định hàm lượng sét (cát nghiền)	TCVN 344:1985
28	Thù độ co	TCVN 3117:2022
29	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu liên kết chất kết dính	TCVN 8862:2011
30	Xác định độ chảy của vữa bơm	ASTM C939
31	Xác định độ trương nở và tách nước của vữa bơm	ASTM C940
<b>III</b>	<b>VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI</b>	
32	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
33	Xác định thành phần thanh lọc	TCVN 7572-3:06
34	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
35	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
36	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6; TCVN 10322:14
37	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06; TCVN 10321:14
38	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572:-8:06
39	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
40	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
41	Xác định độ nén đập trong và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
42	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
43	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06

<b>TT</b>	<b>TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM</b>	<b>TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)</b>
44	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic	TCVN 7572-14:06
45	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:06
46	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN -16:06
47	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
48	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
49	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
50	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91
51	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883-99
<b>IV</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>	
52	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
53	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
54	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
55	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
56	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12
57	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
58	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; 22TCN 59:1984
59	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
60	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06; TCVN 8821:11
61	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01
62	Xác định hệ số thấm K	AASHTO-T49; ASTM D2434:06
63	Xác định đẳng trọng tan rã của đất	TCVN 8718:12
64	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12
65	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012
<b>V</b>	<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG</b>	
66	Thử kéo	TCVN 197:2014
67	Thử uốn	TCVN 1651:08; TCVN 198:08

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
68	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10
69	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10
70	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:10
71	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
72	Thép dùng trong bê tông cốt thép - Phương pháp thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:97
73	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:00
74	Thử nghiệm lực căng của tấm lưới (dùng làm rọ đá)	ASTM A 975-03; ASTM A83
75	Thử kéo bu lông - đai ốc	TCVN 1916:95; TCVN 256:85; ASTM A370:02
76	Thử ứng suất neo	TCVN 8870:2011
77	Thép B40 - Phương pháp thử nghiệm kéo, nén, giãn dài, khối lượng tăng phủ	TCVN 1824:1993; TCVN 4392:1986
<b>VI</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>	
78	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
79	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11
80	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
81	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
82	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
83	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
84	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
85	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
86	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
87	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
88	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
89	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
90	Bộ khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984
91	Kiểm tra hình dáng bên ngoài	22TCN 58:1984
<b>VII</b>	<b>NHỰA BI TUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỰA TƯƠNG AXÍT</b>	
92	Xác định độ kim lún và chỉ số kim lún PI ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7495:05
93	Xác định độ kéo dài ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7496:05
94	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
95	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-1:11
96	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 <sup>0</sup> C trong 5 giờ	TCVN 7499:05
97	Xác định tỷ lệ độ kim lún nhựa đường sau khi đun nóng ở 163 <sup>0</sup> C trong 5 giờ so với độ kim lún ở 25 <sup>0</sup> C	22TCN 279:01
98	Xác định độ hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05
99	Xác định khối lượng riêng ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7501:05
100	Xác định độ nhớt động, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05; TCVN 8818-5:11
101	Xác định hàm lượng paraphin bằng phương pháp chung cất	TCVN 7503:05
102	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
<b>VIII</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>	
103	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02-71; TCVN 8729:12
104	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12
105	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
106	Xác định modul đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11
107	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
108	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
109	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:12
110	Phương pháp điện tử xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12
111	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
112	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12
113	Phương pháp không phá hủy kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12
114	Đo lún công trình, chuyển dịch ngang, độ nghiêng công trình bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9360:12; TCVN 9399:12; TCVN 9400:12
115	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM D4429:92
116	Thí nghiệm Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ PH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định; lượng mất nước	TCVN 9395:12.
117	Sức kháng trượt xác định bằng con lắc Anh	TCVN 10271:2014
118	Xác định cường độ kéo nhỏ neo	TCVN 9490:2012
<b>IX</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
119	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
120	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:03
121	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
122	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
123	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03
124	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
125	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:03

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
126	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:03
127	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
<b>X</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH</b>	
128	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09
129	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
130	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
131	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
132	Xác định khối lượng thể tích	TCVN6355-5:09
133	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
134	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16
135	Gạch bê tông nhẹ - bê tông khí không chưng áp - phương pháp thử	TCVN 9030:2011
136	Gạch bê tông nhẹ - bê tông khí chưng áp AAC - PP thử	TCVN 7959:2011
137	Thử nghiệm cơ gạch Terrazzo	TCVN 7744:2013
<b>XI</b>	<b>THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ</b>	
138	Thí nghiệm gỗ: Xác định số vòng năm; độ ẩm khi thử cơ lý; độ hút ẩm; độ hút nước và độ giãn dài; độ co nứt; khối lượng thể tích; giới hạn bền kéo, nén; giới hạn bền khi uốn tĩnh; giới hạn bền khi trượt và cắt	TCVN 357:70; TCVN 367:70; TCVN 361:70; TCVN 8048:09
<b>XII</b>	<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP XI MĂNG ĐÁT</b>	
139	Xác định độ đầm chặt phương pháp khô và ướt	ASTM D559:96
140	Xác định độ bền theo thời gian	ASTM D560:96
141	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633:00
142	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634:00
<b>XIII</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA LÝ CHO XÂY DỰNG</b>	
143	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:12
144	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88
145	Độ PH	TCVN 6492:11

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
146	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
147	Hàm lượng ion sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	TCVN 6200:96
148	Hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:96
149	Hàm lượng natri và Kali	TCVN 61933-3:00
150	Kiểm trang vàng dầu mỡ và màu sắc	TCVN 4506:2012
<b>XIV</b>	<b>KÍNH XÂY DỰNG</b>	
151	Xác định khuyết tật ngoại quan, chiều dày	TCVN 7219-2002
152	Xác định độ bền nhiệt	TCVN 7364-2004
<b>XV</b>	<b>VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM</b>	
153	Xác định độ dày tiêu chuẩn	ASTM D5199:1991
154	Xác định khối lượng riêng đơn vị diện tích	ASTM D5261:1991
155	Kích thước lỗ lọc của vải	ASTM D4751:1991
156	Cường độ xé rách chiều cuộn; Cường độ xe rách chiều khổ; Độ giãn dài kéo đứt chiều khổ, kéo đứt chiều cuộn; Độ giãn dài ứng với cường độ chịu kéo tính toán ≤10%	ASTM D4533:1991; ASTM D4595:1991
157	Khả năng chống xuyên CBR của vải địa kỹ thuật	ASTM D4833:1991
158	Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp rơi côn	BS 6906 P6:1997
159	Xác định hệ số thấm đơn vị	ASTM D4491:1991
160	Cường độ bền chịu kéo giật, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật, bác thẩm	ASTM D 4632:1991

**Ghi chú:** (\*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng  
Anh Dũng.  
Số: 01/QĐ-CTAD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thành lập phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng.

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/2014 của Quốc hội;

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng;

Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Phòng Thí nghiệm thuộc Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng, tên giao dịch: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

**Điều 2.** Cán bộ, nhân viên và Trưởng phòng thí nghiệm do Giám đốc Công ty phân công, điều hành.

**Điều 3.** Phòng thí nghiệm có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các phép thử được Sở Xây dựng công nhận và Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng công bố đảm bảo tính khách quan, trung thực.

**Điều 4.** Các ông Trưởng phòng các bộ phận chuyên môn Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



**Vũ Hoàng Tinh**

Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng  
Anh Dũng  
Số: 02/QĐ-CTAD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

V/v: Bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/2014 của Quốc hội;

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng;

Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng;

Xét trình độ chuyên môn và năng lực của cán bộ,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Bổ nhiệm Ông Đồng Phú Khanh Trình độ chuyên môn Đại học xây dựng giữ chức vụ trưởng phòng Thí nghiệm thuộc Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng.

**Điều 2:** Ông Đồng Phú Khanh có trách nhiệm báo cáo đầy đủ và chịu trách nhiệm cá nhân trước Giám đốc công ty về các hoạt động của phòng thí nghiệm theo quy định của công ty.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Cá nhân có tên tại Điều 1, các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở xây dựng tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT.



Vũ Hoàng Tinh

**Danh sách nhân viên thí nghiệm :**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Chứng chỉ thí nghiệm viên (số, ngày cấp, nơi cấp)</b>
1	Đồng Phú Khanh	26-1-1981	KS Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu xây dựng	Trưởng phòng thí nghiệm	140612 ngày 20/02/2014 của trường Đại học xây dựng
2	Bùi Văn Nam	27/7/1987	Cao đẳng	Cán bộ thí nghiệm	Số:4000858419 LDTBXH-DN ngày 08/5/2017 của trường CĐ giao thông vận tải
3	Kiều Duy Văn	3/10/1986	Cao đẳng	Cán bộ thí nghiệm	Số:000858433, LDTBXH-DN ngày 08/05/2007 của trường CĐ giao thông vận tải
4	Hù Chà Đường	08/02/2000	Đào tạo nghề	Cán bộ thí nghiệm	Số : 2025/GT1-123/VKHCN ngày 22/01/2025 của viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng- Tổng hội xây dựng Việt Nam
5	Nguyễn Văn Quyền	8/10/1998	Đào tạo nghề	Cán bộ thí nghiệm	Số : 2026/GT1-514/VKHCN ngày 2/03/2026 của viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng- Tổng hội xây dựng Việt Nam
6	Đào Ngọc Thanh	18/4/1987	Cao đẳng giao thông	Cán bộ thí nghiệm	Số:000858427, LDTBXH-DN ngày 08/05/2007 của trường CĐ giao thông vận tải

Lai Châu, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**Vv. Phân công công việc cho các cá nhân trong phòng thí nghiệm.**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng

Căn cứ yêu cầu tổ chức của công ty và trình độ chuyên môn và năng lực  
cán bộ của Phòng thí nghiệm. /

**Bảng phân công nhiệm vụ, công việc của cán bộ phòng thí nghiệm;**

Lĩnh vực phụ trách	Họ và tên	Chức vụ	Chức năng - Nhiệm vụ	Ghi chú
Quản lý phòng thí nghiệm	Đông Phú Khanh	Trưởng phòng	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của các phòng thí nghiệm</li><li>- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng, trước ban lãnh đạo công ty và trước pháp luật.</li><li>- Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty xây dựng chính sách chất lượng, định hướng phát triển của phòng thí nghiệm, xây dựng mối quan hệ với khách hàng</li><li>- Tổ chức sắp xếp, tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất</li><li>- Trực tiếp điều động nhân sự trong phòng thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của công việc</li><li>- Điều hành hoạt động của các Trạm thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm.</li><li>- Quản lý trang thiết bị thí nghiệm, có kế hoạch trong phòng thí nghiệm đảm bảo công tác quản lý tài sản của Công ty.</li><li>- Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định.</li><li>- Trực tiếp tham gia thí nghiệm và chịu</li></ul>	

			<p>trách nhiệm về các kết quả thí nghiệm của mình khi yêu cầu công việc cần sự đáp ứng về tiến độ, trình độ năng lực</p> <p>- Đề xuất với Ban lãnh đạo công ty về các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên.</p> <p>- Quản lý trực tiếp quản lý hồ sơ, kết quả thí nghiệm, tiến độ các công trình mà công ty tham gia thí nghiệm.</p>	
<p>Tiếp nhận mẫu, theo dõi và lưu mẫu, trả hồ sơ</p>	<p>Bùi Văn Nam</p> <p>Lê Xuân Tùng</p> <p>Đông Phú Khanh</p> <p>Kiều Duy Văn</p>	<p>Trưởng phòng thí nghiệm hiện trường</p>	<p>Phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của các phòng thí nghiệm hiện trường</p> <p>Tiếp nhận tất cả các yêu cầu, thông tin phản ánh đến của khách hàng kể cả các thông tin khiếu nại của khách hàng để báo cáo Ban lãnh đạo Công ty,</p> <p>Tiếp nhận mẫu, Mã hóa mẫu thí nghiệm, chuyển đến cho cán bộ thí nghiệm, vào sổ lưu mẫu, theo dõi quá trình lưu mẫu, làm biên bản hủy mẫu theo quy định</p> <p>Trả Hồ sơ, kết quả thí nghiệm cho khách hàng và theo dõi Hồ sơ kết quả thí nghiệm</p> <p>Theo dõi, Quản lý các mẫu lưu theo định của công ty và của yêu cầu khách hàng.</p> <p>Theo dõi công nợ khách hàng, làm các Hồ sơ thanh toán các hợp đồng thí nghiệm</p>	
<p>1, Thử nghiệm cơ lý xi măng</p> <p>2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng</p> <p>3, Thí nghiệm cốt liệu cát, đá, sỏi, bột khoáng (Cốt liệu). Cấp phối</p> <p>4, Thử nghiệm vữa xây</p> <p>5, Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của nhựa và bê tông nhựa</p>	<p>Bùi Văn Nam</p> <p>Đông Phú Khanh</p> <p>Kiều Duy Văn</p> <p>Hù Chà Đường</p> <p>Đào Ngọc Thanh</p> <p>Nguyễn Văn Quyền</p>	<p>Nhân Viên thí nghiệm</p>	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thử nghiệm cơ lý xi măng</p> <p>2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng</p> <p>3, Thí nghiệm (Cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi, bột khoáng Cốt liệu...</p> <p>4, Thử nghiệm vữa xây dựng</p> <p>5, Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của nhựa và bê tông nhựa</p> <p>- Nhiệm vụ:</p> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận để trả kết</p>	

			<p>quả cho khách hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</li> <li>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</li> <li>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</li> <li>+ Hỗ trợ các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của cấp trên.</li> </ul>	
<p>1, Thí nghiệm tại hiện trường 2. thí nghiệm ống nhựa, kính, gỗ, bentonine, vải địa, ..</p>	<p>Bùi Văn Nam Đông Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền</p>	<p>Nhân viên thí nghiệm</p>	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm tại hiện trường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</li> <li>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</li> <li>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</li> <li>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</li> <li>+ Thực hiện các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của trưởng phòng thí nghiệm</li> </ul>	
<p>1, Thí nghiệm Thép – Kim loại và mối hàn</p>	<p>Bùi Văn Nam Đông Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh</p>	<p>Nhân viên thí nghiệm</p>	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm Thép – Kim loại và mối hàn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện</li> </ul>	

	Nguyễn Văn Quyền		<p>thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Thực hiện các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của trưởng phòng thí nghiệm</p>	
1, Thí nghiệm Hóa nước cho xây dựng	<p>Bùi Văn Nam</p> <p>Đông Phú Khanh</p> <p>Kiều Duy Văn</p> <p>Hù Chà Đường</p> <p>Đào Ngọc Thanh</p> <p>Nguyễn Văn Quyền</p>	Nhân viên thí nghiệm	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm các chỉ tiêu phân tích hóa nước cho xây dựng</p> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Thực hiện các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của</p>	

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF

NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has conferred

# THE DEGREE OF ENGINEER

**Building Materials Engineering Technology**

Upon: **Ms. DONG PHU KHANH**

Date of birth: **02 March 1988**

Year of graduation: **2014**

Degree classification: **Ordinary**

Mode of study: **Full - time**

**Hanoi, 20 February 2014**

Reg. No: 176QD-DT  
20-02-2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

cấp

# BẰNG KỸ SƯ

**Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu xây dựng**

Cho: **Ông ĐỒNG PHÚ KHANH**

Ngày sinh: **02 / 3 / 1988**

Năm tốt nghiệp: **2014**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014.



Số hiệu: **146012**

Số vào sổ cấp bằng: 176QD-DT  
20-02-2014



TS. Lê Văn Thành

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN  
KHOA HỌC GIÁO DỤC



Chữ ký của người được cấp bằng nhận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG NHẬN**  
**BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ**  
Quản Lý Phòng Thi Nghiệp Chuyên Ngành  
Xây Dựng

Cấp cho Ông / Bà: **Đông Phú Khanh**

Ngày sinh: **02/03/1988**

Quê quán: **Bắc Giang**

Đã hoàn thành: **Chương Trình Bồi Dưỡng Nghiệp Vụ**

Bình Định, ngày **05** tháng **02** năm **2021**

**TRUỞ MIỀN TRƯỞNG**  
**Đ. VĂN TRƯỜNG**



[www.huanluoyenic.edu.vn](http://www.huanluoyenic.edu.vn)

Số liệu: 26352.....

Số vào sổ cấp chứng nhận: 26352SCNHTC/2021

INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR  
TROPICAL BUILDING MATERIALS



It is here by certified that  
Mr/Ms: DONG PHU KHANH  
Has successfully passed the training course on  
Testing Methods for Determining  
Physical and Mechanical Properties of concrete  
and building materials.

In Sep 2017

Ref. No.: 1709-0001103B/VND-CC



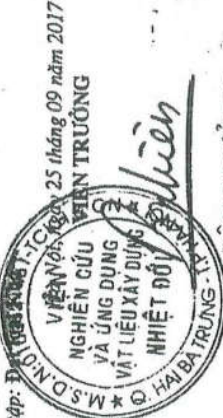
Hàng A Vàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP  
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHIỆT ĐỚI  
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: ĐÔNG PHÚ KHANH  
Ngày sinh: 02/03/1988  
Quê quán: An Hà - Lạng Giang - Bắc Giang  
Đã tốt nghiệp khoá đào tạo thí nghiệm về:  
Phương pháp xác định tính chất cơ - lý của  
Bê tông và vật liệu xây dựng.  
Do Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt  
Đới - Trường Đại học Xây dựng tổ chức.  
Thời gian đào tạo: Tháng 09/2017  
Kết quả học tập: Đạt



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Chiên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG NGHỀ

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 000858419

ILĐT BXH - DN



Trường:.....CAO ĐẲNG.....  
.....GIAO THÔNG VẬN TẢI.....

Cấp cho:.....BÙI VĂN NAM.....

Sinh ngày: 27...07...1987.....

Nguyên quán: Phú Xuyên...Hà Tây.....

Nghề đào tạo: TNY..Kiểm tra chất lượng đường bộ

Từ ngày 26/10/05 đến ngày 26/04/2007

Đạt trình độ thợ bậc: 3A.....

Tốt nghiệp hạng: Trung bình.....

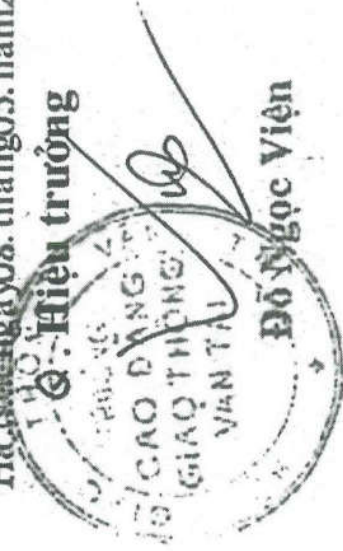
Theo quyết định số: 666/QĐ-CDGT.VT.....

Ngày 26 tháng 04 năm 2007..

Hà Nội ngày 08 tháng 05 năm 2007

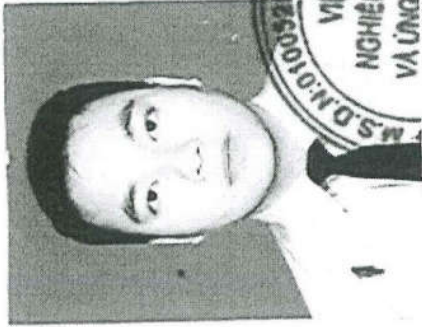
Hiệu trưởng

Chữ ký của người được cấp bằng



Vào số số:.....2772.....  
Ngày 08...tháng 05...năm 2007

**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI**  
**INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR**  
**TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)**



It is here by certified that:  
**Mr/Mrs: BUI VAN NAM**  
Has successfully passed Training Course on  
**Field experiments checking integrity and load bearing**  
capacity of piles  
In December 2019

Ref. N°:2922-A2328B/VND-TNY

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**

**VIỆN TRƯỞNG**

**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI**

**CHỨNG NHẬN**

Ông/Bà: **BUI VĂN NAM**

Ngày sinh: 27/07/1987

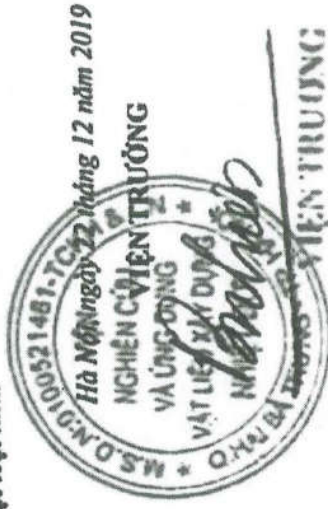
Thường trú: Hà Nội

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

**Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc**  
**Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới**  
**Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.**

Thời gian đào tạo: Tháng 12 năm 2019

**Kết quả học tập: Đạt loại khá.**



**PGS.TSKH. Phạm Đình Thiện**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**TỔNG CỤC DẠY NGHỀ**

**BẰNG NGHỀ**

Số hiệu:

000858427

LDTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HIỆU TRƯỞNG**

Trưởng: **CAO ĐĂNG**

**GIẢO THÔNG VĂN TÀI**

Cấp cho: **BÀO NGỌC THANH**

Sinh ngày: 18.04.1987

Nguyên quán: Quảng Xương - Thanh Hoá

Nghề đào tạo: T.N.V. Kiến tra chất lượng đường bộ

Từ ngày 25/10/03 đến ngày 26/04/2007

Đạt trình độ thạc sĩ

Tốt nghiệp hàng Trung bình

Theo quyết định số: 666/QĐ-CĐQTVT

Ngày 26 tháng 04 năm 2007

Vào số: 2781  
Ngày 08 tháng 05 năm 2007

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. N°: 2025/GT1-123/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

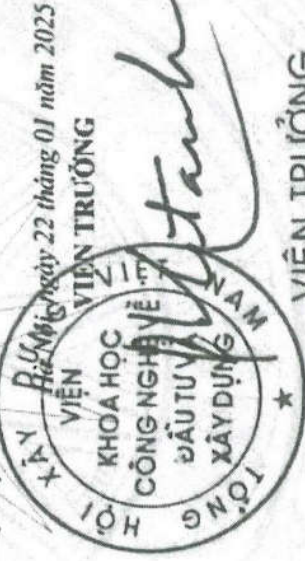
VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

Ông : HUU CHA DUONG  
Ngày sinh : 08/02/2000  
Quê quán : Lai Châu  
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông

Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức  
Thời gian đào tạo: Từ 11/01/2025 đến 18/01/2025  
Kết quả học tập: Đạt loại Giỏi



VIỆN TRƯỞNG  
*Ts. Phùng Tú Việt Anh*

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT  
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI

Website: [www.dtb.com.vn](http://www.dtb.com.vn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHỨNG CHỈ

### BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

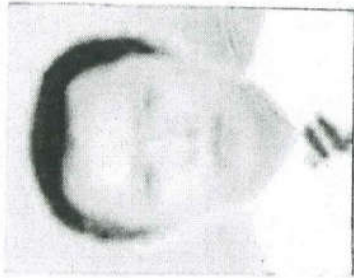
Cấp cho Ông/ Bà: **KIỀU DUY VĂN**

Sinh ngày: **03 - 10 - 1986**

Quốc quán: **HÀ NỘI**

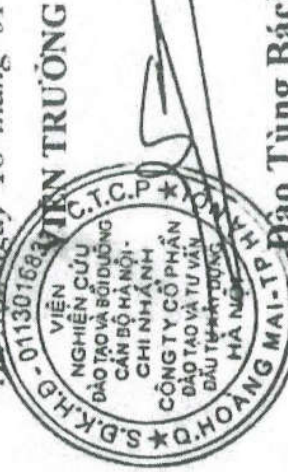
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:  
*Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy.*

Thời gian tổ chức: *Tháng 01 năm 2015.*



(Chữ ký của người được cấp)

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2015



Số: **QD 02/2015/TNV**

**Đào Tùng Bách**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN  
VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

-----00000-----  
Số: 06/QĐ-AD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----00000-----

Lai Châu, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
(V/v: Áp dụng Hệ thống QLCL Phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 6200075490 đăng ký lần đầu, ngày 17 tháng 5 năm 2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 17/07/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở tài chính tỉnh Lai Châu.
- Căn cứ điều lệ hoạt và quy chế hoạt động của Công ty.
- Căn cứ quy chế hoạt động của trung tâm thí nghiệm.
- Xét đề xuất của Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình, về việc chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 17025:2005;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nay áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO 17025:2005 cho toàn bộ các hoạt động của phòng thí nghiệm theo các quy trình đã được phòng thí nghiệm xây dựng sửa đổi và trình ký.

**Điều 2:** Các ông/bà Trưởng phòng thí nghiệm, Phòng Hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Vật tư, các phòng ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN  
VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG



Vũ Hoàng Tinh

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

(V/v: Thành lập tổ soạn thảo Hệ thống QLCLISO/EIC -17025 Phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 6200075490 đăng ký lần đầu, ngày 17 tháng 5 năm 2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 17/07/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở tài chính tỉnh Lai Châu.
- Căn cứ quy chế hoạt động của trung tâm thí nghiệm.
- Xét đề xuất của Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình, về việc chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 17025:2005;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Thành lập tổ soạn thảo Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO 17025:2005 phân công cho các đồng chí có tên sau đây nhận nhiệm vụ soạn thảo hệ thống quản lý chất lượng cho phòng thí nghiệm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nhiệm vụ
1	Đồng Phú Khanh	26-1-1988	Chủ nhiệm, chịu trách nhiệm chính về nội dung
2	Kiều Duy Văn	3/10/1986	Nhân viên soạn thảo các quy trình
3	Hù Chà Đường	08/02/2000	Nhân viên soạn thảo các quy trình

**Điều 2:** Các ông/bà Trưởng phòng thí nghiệm cá nhân trước giám đốc công ty về hoạt động của mình theo quy định của công ty.

**Điều 3:** Quyết định này có quyết định từ ngày ký, cá nhân có tên tại điều 1, các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hành quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.



## DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ , DỤNG CỤ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Xuất xứ
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN – JINGYUAN-Chiết Giang-TQ; Model: WE-1000B; (Ngàm kẹp thủy lực) Bao gồm: Máy chính, 1 bộ thớt nén, bộ gối uốn BT và thép, tủy ô thủy lực. –Dải đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN – Kéo thép tròn từ D6 – D45 và thép dẹt dày từ 0 – 40mm; - Hành trình piston 150mm. – Điện áp 3pha/380V	1	bộ	Trung Quốc
2	Máy nén bê tông 3000 KN - Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN- Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam- Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết quả nén bằng đồng hồ hai kim.- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	1	ch	ITALIA
3	Bộ gá uốn mẫu BT 2 điểm- T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
4	Khuôn trụ đk150 x 300 -T.TECH	3	ch	T-TECH; Việt nam
5	Vòng đo lực 30 kN	1	cái	T-TECH; Việt nam
6	Khuôn lập phương 150x150x150-VN	3	ch	T-TECH; Việt nam
7	Vòng đo lực 50 kN	1	ch	T-TECH; Việt nam
8	Bàn rung mẫu bê tông 600x900 - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
9	Khuôn bê tông 200x200x200 -VN;	3	ch	T-TECH; Việt nam
10	Máy xác định độ thấm bê tông-Trung quốc; Model: HS-4; Áp lực làm việc 4MPa, nguồn 380V, 120W; kiểm tra 6 mẫu đồng thời, mẫu cao 150mm (chưa kèm bộ gá mẫu)	1	ch	Trung Quốc
11	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150x cao150 cho máy thấm - T.TECH;	6	ch	T-TECH; Việt nam
12	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ, theo tiêu chuẩn Việt nam, kiểu dáng Châu Âu - T.TECH	6	bộ	T-TECH; Việt nam
13	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX - Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đầm, ca xúc mẫu.	1	bộ	T-TECH; Việt nam
14	Bộ ép chẻ mẫu bê tông hình trụ - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
15	Nhớt ké VEBÉ, Tiêu chuẩn BS -T.TECH Gọn nhẹ, chính xác, dễ sử dụng; Nguồn điện: 220V/50Hz	1	bộ	T-TECH; Việt nam
16	Búa thử độ cứng bê tông : C380 matter italy , Thích hợp cấu kiện bê tông có độ cứng: 10-70N/mm <sup>2</sup> Khối lượng: 2Kg	1	bộ	ITALIA
17	Máy siêu âm bê tông C369N. Máy siêu âm bê tông, loại cầm tay nhỏ. cường độ của bê tông.Phím On/Off, phím tăng giảm Máy sử dụng 4 pin loại 1,5V. Báo hiệu pin yếu Khoảng đo: 0...1999,9μgiây Độ chính xác: 0,1μgiây Biên độ xung: 800V đỉnh Máy cung cấp với hai đầu dò 55kHz, hai cáp nối 3,5m, thanh chuẩn máy, mỡ tiếp xúc, 4 pin và hộp đựng.Kích thước 170 x 90 x 50mm, nặng 900g.	1	bộ	ITALIA

18	Máy nén, uốn xi măng - T.TECH - Khả năng nén/vạch chia: 100KN/0,2KN- Khả năng nén/vạch chia: 25KN/0,05KN; - 2 Đồng hồ chỉ thị đk 260mm, 2 kim; - Linh kiện ngoại nhập; - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	1	ch	T-TECH; Việt nam
19	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160 - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
20	Bộ gá nén mẫu XM 40x40 - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
21	Bộ gá uốn mẫu gạch xây - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
22	Dụng cụ VICA - T.TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	bộ	T-TECH; Việt nam
23	Máy xác định độ mài mòn bê tông - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
24	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
25	Bộ xi lanh nén đập đá D75-T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
26	Bộ xi lanh nén đập đá D150-T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
27	Phễu xác định độ xốp của đá - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
28	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
29	Hộc đong 1 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
30	Hộc đong 2 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
31	Hộc đong 3 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
32	Hộc đong 5 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
33	Hộc đong 10 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
34	Hộc đong 15 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
35	Hộc đong 20 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
36	Bộ xác định đương lượng cát (không kèm máy lắc) - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
37	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - T.TECH;	1	ch	T-TECH; Việt nam
38	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - T.TECH;	1	ch	T-TECH; Việt nam
39	Bảng màu chuẩn - T-TECH	5	ch	
40	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm, đáy và nắp	9	ch	Trung Quốc
41	Bộ sàng đá đk200mm bao gồm: 75; 60; 50; 40; 30; 25; 20; 15; 10; 5; 3; đáy+nắp - TQ	12	ch	Trung Quốc
42	Bộ sàng đá cấp phối đk200mm gồm: 37,5; 25; 12,5; 4,75; 2,0; 0,425; 0,075; đáy+nắp - TQ	8	ch	Trung Quốc
43	Máy lấy sàng - TQ; Model: 8411, dùng cho sàng tiêu chuẩn D200mm Nguồn điện: 220V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
44	Máy thử độ bền nén CBR / Marshall Khuôn CBR đĩa phân cách, giấy lọc, cung lực,	1	bộ	T-TECH; Việt nam
45	Bộ giới hạn dẻo của đất, tấm kính, bình xịt, cốc dao, hộp đựng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
46	Thiết bị giới hạn chảy Casagrande. Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bảo trộn, hộp đựng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
47	Cối Procto cải tiến	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
48	Chày Procto cải tiến	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
49	Cối Procto tiêu chuẩn	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
50	Chày Procto tiêu chuẩn	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam

51	Bộ đo E bằng tấm ép tinh . Tấm ép 34cm kích thủy lực đồng hồ thiên phân kế	1	bộ	T-TECH; Việt nam
52	Bộ cân benkenman, kiểu dáng châu âu, 3 đoạn rút	1	bộ	T-TECH; Việt nam
53	Bộ dao vòng lấy mẫu đất / chày, thanh dẫn, 3 dao	1	bộ	T-TECH; Việt nam
54	Phễu rót cát hiện trường	1	bộ	T-TECH; Việt nam
55	Thước 3m đo độ vồng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
56	Máy khoan bê tông D100, D150, D75 mm	1	bộ	T-TECH; Việt nam
57	Máy nén đất Tam liên / quả cân, dao cắt, đá thấm	1	bộ	Trung Quốc
58	Máy cắt đất 2 tốc độ MĐ EDJ - J quả cân, dao cắt, đá thấm, đồng hồ	1	bộ	Trung Quốc
59	Mát kiểm tra vải địa kỹ thuật, cao su, MĐ LD-5 Dài kéo 5000N	1	bộ	T-TECH; Việt nam
60	Thiết bị giãn dài nhựa / tốc độ kéo 50,8mm/phút kéo dài 120 mm	1	bộ	T-TECH; Việt nam
61	Khuôn mẫu chuẩn số 8 bằng đồng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
62	Thiết bị kim lún / Đồng hồ chỉ thị 50mmx0,01mm, cốc, 02 kim, bình giữ nhiệt	1	bộ	T-TECH; Việt nam
63	Thiết bị tổn thất khi nung / giá quay, hộp mẫu	1	bộ	T-TECH; Việt nam
64	Thiết bị hóa mềm / cốc thủy tinh, giá đỡ, bi 02 viên	1	bộ	T-TECH; Việt nam
65	Bếp gia nhiệt, bếp cát, bếp ga	1	bộ	T-TECH; Việt nam
66	Bình hút chân không thủy tinh	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
67	Cốc đong thủy tinh có vòi 250 ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
68	Cốc đong thủy tinh có vòi 500 ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
69	Cốc đong thủy tinh có vòi 1000 ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
70	Pi Pét 5ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
71	Pi Pét 10ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
72	Pi Pét 15ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
73	Pi Pét 25ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
74	Pi Pét 50ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
75	Thiết bị đo hàm lượng bọt khí bê tông - TQ; HC-7	1	ch	Trung Quốc
76	Máy chiết nhựa lý tâm	1	ch	Trung Quốc
77	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Dung tích: 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380; Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	1	ch	T-TECH; Việt nam
78	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ;	3	bộ	Trung Quốc
79	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn - TQ Model: JJ-5 (ZT-96) Dung tích: 5 lít; Điện áp nguồn: 380V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
80	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn -TQ; Biên độ rung: 15 +/- 0,3mm; Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
81	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ	6	ch	Trung Quốc
82	Bình tỷ trọng xi măng - TQ	6	ch	Trung Quốc
83	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200 - TQ	1	ch	Trung Quốc
84	Tủ dưỡng hệ mẫu xi măng - TQ; Model: SHBY-40B (HBY-40B) Nhiệt độ và độ ẩm tiêu chuẩn; Nguồn điện: 220V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
85	Bàn dẫn vữa xi măng - T.TECH; kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	bộ	T-TECH; Việt nam

86	Phễu xác định khả năng giữ độ lưa động của vữa - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
87	Thiết bị thí nghiệm tỷ diện xi măng (Blaine); Model DBT-127	1	bộ	Trung Quốc
88	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-T.TECH; với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút;kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, và 1 khay hứng mẫu	1	ch	T-TECH; Việt nam
89	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
90	Bộ kim sắt xác định độ phong hóa - VN	1	bộ	T-TECH; Việt nam
91	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
92	Dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
93	Kích ép cọc 300 tấn - T.TECH kèm bơm thủy lực bằng tay, đồng hồ chỉ thị áp, cáp mềm dài 5m; đồng hồ 50mm	1	ch	T-TECH; Việt nam
94	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 100 C - TQ	1	ch	Trung Quốc
95	ống đong 50 ml	1	ch	Trung Quốc
96	ống đong 100 ml	1	ch	Trung Quốc
97	ống đong 250 ml	1	ch	Trung Quốc
98	ống đong 500 ml,	1	ch	Trung Quốc
99	ống đong 1000 ml	1	ch	Trung Quốc
100	Bình tam giác 50ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
101	Bình tam giác 100ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
102	Bình tam giác 250ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
103	Bình tam giác 500ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
104	Bình tam giác 1000ml;-TQ	1	ch	Trung Quốc
105	Khay trộn mẫu 300x220x50mm	6	ch	Trung Quốc
106	Khay trộn mẫu 550x550x50- T.TECH	3	ch	Trung Quốc
107	Bình hút ẩm D240 - TQ	1	ch	Trung Quốc
108	Bộ cối chày bằng sứ - TQ	1	bộ	Trung Quốc
109	Chày cao su - T.TECH	1	ch	Trung Quốc
110	Bơm chân không - TQ	1	ch	Trung Quốc
111	Bình hút chân không 8 lít - TQ	1	ch	Trung Quốc
112	ống cao su	1	m	Trung Quốc
113	Đồng hồ chỉ thị áp - TQ	1	ch	Trung Quốc
114	Bàn cân thủy tinh tiêu chuẩn - T.TECH có bàn nâng di động, kiểu dáng hiện đại, tời quay tay nâng hạ.	1	ch	T-TECH;
115	Rọ cân trong nước - T.TECH	1	ch	T-TECH;
116	Kính lúp	1	Chiếc	Việt nam
117	Cân điện tử 6000g x 0.2g - Nhật (G7)	1	ch	Nhật
118	Cân điện tử 15kg x 0.5g - OHAUS (Mỹ); Model: BC15	1	ch	Mỹ
119	Cân điện tử 30kg x1g - OHAUS (Mỹ); Model: BC30	1	ch	Mỹ
120	Tủ sấy 300°C, model 101-1; 70 lít - TQ	1	ch	Trung Quốc
121	Con lắc Anh thí nghiệm độ chống trượt Modden BM-III	1	bộ	Trung Quốc
122	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường	1	bộ	Trung Quốc

123	Lò nung 1000độ C Model 4-10	1	bộ	Trung Quốc
124	Máy bơm chân không 650 mhg model; 2XZ-1	1	bộ	Trung Quốc
125	Ống cao su	1	bộ	Trung Quốc
126	Đồng hồ chỉ thị áp - TQ	1	bộ	Trung Quốc
127	Máy đầm Marshall tự động	1	bộ	Trung Quốc
128	Bộ đầm Marshall bằng tay	1	bộ	Trung Quốc
129	Bộ dao vong lấy đất	1	bộ	Trung Quốc
130	Bộ dao vong lấy đất	1	bộ	Trung Quốc
131	Các thiết bị văn phòng: Máy tính, máy in và các thiết bị khác ...			

T-TECH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM

Trụ sở TP. HN: Tầng 24 Tòa nhà Vinacore 9, đường Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
Nhà máy: Lô CN 4-6.1, KCN Thach Thất - Quốc Oai, H. Thach Thất, Thành phố Hà Nội;
Chi nhánh TP. HCM: 722 Lê Văn Khương, Khu Phố 7, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;
CN Đà Nẵng: Số 161, đường Nguyễn Chánh, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

ĐT: 04.35533622; Fax: 04.35533038
ĐT: 04.33689255; Fax: 04.33689256
ĐT: 08.62593016; Fax: 08.62593017
ĐT: 0511.3736566; Fax: 0511.3736567

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày: 21 tháng 6 năm 2014

Mẫu số: 01GTKT3/005

Ký hiệu: TT/14P

Số: 0000028

Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM

Mã số thuế: 0101479607-001

Địa chỉ: 722 Lê Văn Khương, Khu Phố 7, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08.62593016 Số tài khoản: 45010002399661 tại NH TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Hà Tây

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng hiện đại

Địa chỉ: 70 Đường Nguyễn Cửu, TP. HCM, Quận 12

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TT/CK Mã số thuế: 02.000.75.4.90

Table with 6 columns: STT, Tên hàng hóa, dịch vụ, Đơn vị tính, Số lượng, Đơn giá, Thành tiền. Row 1: 1, 2, 3, 4, 5, 6=4x5. Row 2: Xerox tài liệu kỹ thuật, số lượng: 103, đơn giá: 520, thành tiền: 53560.000.

Cộng tiền hàng: 53560.000

Thuế suất GTGT 10 %

Tiền thuế GTGT: 5356.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 58916.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn đồng chẵn

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

Người đồng ý đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI/FAX



(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Kiểm Thị Đồng Kiên

In tại Công ty TNHH in và thương mại Linh Gia - MST: 0101862231 - ĐT: 04. 3557. 9572

# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: DK/HIP

Số: 0000362

Liệt kê: 15 báo cho người mua

Ngày ..... tháng ..... năm ..... 2014

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH ĐĂNG KHOA YÊN VIÊN**

Mã số thuế: **0105563987**

Địa chỉ: **Thôn Trùng Quán, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Điện thoại: **04.3698.3679**

Fax: **04.3698.3697**

Số tài khoản: **102010001381315** tại Ngân hàng công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: *Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Anh Dũng*

Mã số thuế: *62.000.75490*

Địa chỉ: *Tổ 1, phường Quyết Tiến, thành phố Kim Chung, huyện Lạc Chân*

Hình thức thanh toán: *T.M* Số tài khoản: .....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1	<i>Cửa nhôm kính H&amp;H - kính cường lực</i>	<i>chuyen</i>	<i>01</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>

Cộng tiền hàng: *15.000.000*

Thuế suất GTGT: *10* % Tiền thuế GTGT: *1.500.000*

Tổng cộng tiền thanh toán: *16.500.000*

Số tiền viết bằng chữ: *Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng*

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Nguyễn Thị Tuyết Nhung*

*[Signature]*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

=== o0o ===

**BẢN SAO**

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN THIẾT BỊ

Số: 103/2014/HĐKT

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại.
- Căn cứ vào nhiệm vụ, khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 2 năm 2014, tại TP.HCM, chúng tôi gồm:

**BÊN A: CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Địa chỉ: Tổ 01, phường Quyết Tiến Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

Tel: 01645986289 Fax:

MST: 6200075490

Số TK: 36210000209036. Tại ngân hàng: BIDV Lai Châu

Do Ông: **Vũ Hoàng Tinh** - Giám đốc - Làm đại diện

**BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM**

Địa chỉ: B21- Đường Lê Thị Riêng - P. Thới An - Q.12 - TP.HCM

Tel: 08.62593016 ; fax: 08.62593017

MST: 01 01 479 607-001

Số TK: 45010002399661 tại Ngân hàng BIDV Hà Tây - Hà Nội

Do Ông: **Phí Văn Thuận** - Phó Giám đốc - làm đại diện

Hai bên cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản như sau:

### Điều 1: Nội dung hợp đồng

1/ Bên B nhận Tư vấn hồ sơ và xin công nhận dấu las-xd cho bên A.

2/ Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán thiết bị theo danh mục cụ thể như sau.

TT	Mã	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	XX	SL	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
	T06	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG					
	A	CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA THÉP					

1	T06.005	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - LUDA Model:WE-1000B;(Ngàm kẹp thủy lực) Khả năng tải lớn nhất: 1000KN Sai số: ±1% Dải đo: 0 - 200KN/0.4KN, 0 - 500/1KN, 0 - 1000kN/2KN Khoảng cách thử kéo lớn nhất: 500mm Khoảng cách thử nén lớn nhất: 500mm Chiều dày mẫu thép dẹt: 0 - 40mm Đường kính mẫu thép tròn: Ø6 - Ø60mm Hành trình piston: 200mm Tốc độ lên piston không tải: 0-80mm/min Công suất motor: 2.1 kW Trọng lượng: 3300kg Thân máy chính: L870 x W600 x H2200mm Bộ điều khiển: L600 x W660 x H1778mm Tiếng ồn: ≤75 dB Bao gồm: Máy chính, 1 bộ thử nén, 3 bộ má kẹp; 1 bộ giá đỡ gối uốn dưới; 1 gối uốn trên; tủy ô thủy lực.	TQ	1	bộ	200.000.000	200.000.000	B	
<b>T08</b>		<b>THIẾT BÍ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG</b>							
<b>A</b>		<b>THIẾT BÍ</b>						<b>9.800.000</b>	
2	T08.037	Khuôn bê tông lập phương 150mm, kép 3, bằng thép	VN	6	bộ	1.000.000	6.000.000		
3	T08.043	Khuôn bê tông trụ D150 x 300, thép	VN	6	ch	480.000	2.880.000		
4	T08.052	Côn thử độ sụt bê tông NI bằng INOX - T.TECH Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đảm, ca xúc mẫu.	VN	1	bộ	1.000.000	1.000.000		
<b>C</b>		<b>THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG - KẾT CẤU CÔNG TRÌNH</b>							
5	T08.300	Búa thử độ cứng bê tông Model: C380 Matest-Italy. Thích hợp với kết cấu có độ cứng 10-70N/mm <sup>2</sup> . Năng lượng va đập của lò xo 2.207J. Đơn vị đo N/mm <sup>2</sup> (MPa). Kích thước 80 x 340mm. Kèm: túi đựng bằng vải, đá mài, hướng dẫn sử dụng.	Ý	1	ch	10.800.000	10.800.000	B	

26

6	T08.306	Máy siêu âm bê tông-Matest-Italy. Model C369N Khoảng đo: 0 - 3000 giấy; Biên độ xung: 250 - 1000V Độ chính xác: 0,1 giây; Độ phân giải: 0,1 giây Màn hình LCD: lớn, nhiều dòng, có đèn chiếu sáng Lưu trữ dữ liệu: 30000 số đo Cổng giao tiếp: Mini USB Hai cổng ra cho oscilloscope Ngôn ngữ: Ý, Anh, Pháp, Đức, T.B. Nha Chế độ đo: đơn lẻ (lưu dữ liệu bằng tay); liên tục (lưu dữ liệu tự động) Ứng dụng đo: đo thời gian truyền, đo mô đun đàn hồi Vỏ máy: bằng nhựa, cao su chống sốc Nguồn nuôi: pin sạc NiMH 4,8V, 2000mA Bao gồm: máy chính, 02 đầu đo 55kHz, 02 cáp 3.5m, thanh chuẩn, mỡ tiếp xúc, pin sạc gắn sẵn và bộ sạc pin 230V, 50Hz	Ý	1	ch	36.500.000	36.500.000	TS	
	T09	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM XI MĂNG VỮA,							
7	T09.001	Máy nén, uốn xi măng - T.TECH; Khả năng nén/vạch chia: 100KN/0,2KN; Đồng hồ chỉ thị 2 kim đường kính 26cm; Linh kiện ngoại nhập; Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha (Chưa bao gồm bộ gá uốn, gá nén)	VN	1	ch	30.000.000	30.000.000	TS	
8	T09.019	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	VN	1	bộ	1.200.000	1.200.000	4-2/10.000	
9	T09.020	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	VN	1	bộ	1.200.000	1.200.000		
10	T09.013	Dụng cụ VICA - T.TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh	VN	1	bộ	1.200.000	1.200.000		
11	T09.021	Khuôn 40x40x160 kép 3,	VN	1	bộ	460.000	460.000		
12	T09.028	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250ml	TQ	1	ch	150.000	150.000		
	T10	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (CÁT-ĐÁ-SOI)							30.540.000
13	T10.001	Máy thử độ mài mòn Los Angeles- T.TECH; với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử, kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, và 1 khay hứng mẫu. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút;	VN	1	ch	19.900.000	19.900.000		
14	T10.005	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150	VN	1	bộ	1.000.000	1.000.000		
15	T10.006	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75	VN	1	bộ	500.000	500.000		

Handwritten signature or mark.

16	T10.007	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đựng	VN	1	ch	1.000.000	1.000.000	
17	T10.008	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đựng	VN	1	ch	500.000	500.000	
18	T10.010	Thùng dung trọng 2 lít( Hộc đóng)	VN	1	ch	300.000	300.000	
19	T10.012	Thùng dung trọng 5 lít( Hộc đóng)	VN	1	ch	400.000	400.000	
20	T10.014	Thùng dung trọng 10 lít( Hộc đóng)	VN	1	ch	500.000	500.000	
21	T10.020	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	1	ch	1.000.000	1.000.000	
22	T10.021	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	1	ch	800.000	800.000	
23	T10.022	Bảng mẫu chuẩn	VN	1	ch	40.000	40.000	
24		Bộ sàng đá cấp phối D300mm (40; 37,5; 25;20; 19;15 ; 12.5; 10; 9,5; 5; 4,75; 2,5; 2,36; 2; 1,25; 1,18; 0,6; 0,425; 0,3; 0,15;0,09; 0,075; đáy+nắp)	TQ	1	Bộ	4.600.000	4.600.000	
	<b>T11</b>	<b>THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG</b>						<b>14.680.000</b>
25	T11.006	<b>Khuôn CBR - T.TECH;</b> Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so.	VN	3	bộ	1.640.000	4.920.000	
26	T11.007	Đĩa phân cách	VN	1	ch	300.000	300.000	
27	T11.009	Giấy lọc D150	VN	1	hộp	300.000	300.000	
28	T11.011	Cung lực 50KN - Dial 0,01mm.	TQ	1	ch	4.800.000	4.800.000	
29	T11.012	<b>Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất - T.TECH</b> Bao gồm: Tấm kính, bình xít, 6 cốc âm, dao trộn, hộp đựng.	VN	1	bộ	800.000	800.000	
30	T11.014	<b>Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande</b> Gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng	VN	1	ch	1.360.000	1.360.000	
31	T11.018	<b>Cối Proctor cải tiến</b>	VN	1	ch	600.000	600.000	
32	T11.020	<b>Chày Proctor cải tiến</b>	VN	1	ch	600.000	600.000	
33	T11.017	<b>Cối Proctor tiêu chuẩn</b>	VN	1	ch	500.000	500.000	
34	T11.019	<b>Chày Proctor tiêu chuẩn</b>	VN	1	ch	500.000	500.000	
	<b>T12</b>	<b>THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>						<b>34.340.000</b>
35	T12.001	<b>Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - T.TECH</b> Bao gồm: Tấm ép dk340mm, tấm tự lực, kích thủy lực 32tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phân ké, 02 thiên phân ké	VN	1	bộ	8.000.000	8.000.000	
36	T12.004	<b>Bộ cân Benkenman - T.TECH</b> Kiểu dáng Châu Âu Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX , rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, dễ sử dụng	VN	1	bộ	6.000.000	6.000.000	

*Handwritten signature*

37	T12.005	Bộ dao vòng lấy mẫu đất 200cm <sup>3</sup> , gồm Chày, Thanh dẫn, 3 lưỡi dao.	VN	1	bộ	2.000.000	2.000.000	
38	T12.006	Phễu rót cát hiện trường - T.TECH kèm bình cát chuẩn, tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ-T.TECH	VN	1	bộ	800.000	800.000	
39	T12.009	Thước 3m với thước đo độ vòng	TQ	1	bộ	1.500.000	1.500.000	
40	T12.046	Máy khoan bê tông D100 - HQ Model: DK-5V Khoan được mọi vị trí, mọi hướng, được dùng cho thủy điện, thủy lợi, cầu cống....; Hoạt động bằng động cơ điện 220V/50Hz(chưa kèm mũi khoan)	HQ	1	ch	16.000.000	16.000.000	
T15		<b>THÍ NGHIỆM ĐẤT - ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH</b>						
41	T15.004	Máy nén đất tam liên-TQ; (Áp trung); Kèm PK: quả cân, đá thấm, dao cắt..	TQ	1	bộ	19.600.000	19.600.000	
42	T15.006	Máy cắt đất 2 tốc độ - TQ; Model: EDJ - 1 (ZJ) Kèm PK: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ	TQ	1	bộ	16.200.000	16.200.000	
43	T19.001	Máy kiểm tra vải địa kỹ thuật, cao su. Model: LD-5, Dài kéo: 5000N	TQ	1	bộ	46.000.000	46.000.000	
T16		<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM NHỰA - BÊ TÔNG NHỰA</b>						
A		<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM</b>						
44	T16.001	Thiết bị giãn dài nhựa - T.TECH Tốc độ kéo tiêu chuẩn 50,8mm/phút, kéo dài max 1200mm, Động cơ 220V/50Hz. (Chưa kèm khuôn và đế khuôn.)	VN	1	ch	12.500.000	12.500.000	
45	T16.002	Khuôn mẫu chuẩn hình số 8 bằng đồng	VN	1	ch	300.000	300.000	
46	T16.006	Thiết bị kim lún nhựa - T.TECH; Đồng hồ chỉ thị 50mm x 0,01 mm; kèm cốc mẫu, cốc bảo ôn giữ nhiệt, 02 kim	VN	1	bộ	5.500.000	5.500.000	
47	T16.008	Thiết bị tổn thất khí nung-T.TECH Bao gồm: mô tơ tốc độ chuẩn, giá quay, 9 hộp mẫu.	VN	1	bộ	3.000.000	3.000.000	
48	T16.011	Thiết bị hoá mềm nhựa-T.TECH gồm cốc thủy tinh, giá đỡ, 2 bộ khâu, 2 viên bí chuẩn	VN	1	bộ	800.000	800.000	
49	T16.012	Bếp gia nhiệt bằng điện (bếp cách cát): gồm 1 bếp điện đơn+1 khay 20x20	TQ	1	ch	580.000	580.000	

26

72	T25.252	Bình hút chân không D300mm, thủy tinh	TQ	1	ch	550.000	550.000
73	T25.286	Cốc đong thủy tinh có vòi 250ml	TQ	1	ch	60.000	60.000
74	T25.287	Cốc đong thủy tinh có vòi 500ml	TQ	1	ch	80.000	80.000
75	T25.288	Cốc đong thủy tinh có vòi 1000ml	TQ	1	ch	120.000	120.000
76	T25.331	Đồng hồ bấm giây điện tử	TQ	1	ch	280.000	280.000
77	T25.336	Đũa thủy tinh	VN	1	ch	20.000	20.000
78	T25.338	Găng tay chịu nhiệt	VN	1	đôi	120.000	120.000
79	T25.353	Hộp nhôm D80x52	TQ	10	ch	60.000	600.000
80	T25.368	Kẹp mẫu INOX	VN	1	ch	50.000	50.000
81	T25.370	Kính lúp	TQ	1	ch	200.000	200.000
82	T25.401	Nhiệt kế kim loại 100C	HQ	1	ch	150.000	150.000
83	T25.405	Nhiệt kế kim loại 350C	HQ	1	ch	150.000	150.000
84	T25.411	Nhiệt kế thủy tinh 100C	TQ	1	ch	40.000	40.000
85	T25.413	Nhiệt kế thủy tinh 300C	TQ	1	ch	80.000	80.000
86	T25.421	Ống đong thủy tinh 50ml	TQ	1	ch	30.000	30.000
87	T25.422	Ống đong thủy tinh 100ml	TQ	1	ch	50.000	50.000
88	T25.423	Ống đong thủy tinh 200ml	TQ	1	ch	60.000	60.000
89	T25.424	Ống đong thủy tinh 250ml	TQ	1	ch	60.000	60.000
90	T25.425	Ống đong thủy tinh 500ml	TQ	1	ch	80.000	80.000
91	T25.426	Ống đong thủy tinh 1000ml	TQ	1	ch	120.000	120.000
92	T25.470	PIPETTE 5 ML	TQ	1	ch	50.000	50.000
93	T25.471	PIPETTE 10 ML	TQ	1	ch	80.000	80.000
94	T25.472	PIPETTE 25 ML	TQ	1	ch	60.000	60.000
95	T25.473	PIPETTE 50 ML	TQ	1	ch	80.000	80.000
96	T25.481	Quạt hơi ấm	TQ	1	ch	460.000	460.000
97	T25.503	Thước kẹp 300mm	TQ	1	ch	400.000	400.000
98	T25.541	Ống cao su	VN	2	m	30.000	60.000
99	T25.542	Đồng hồ áp	TQ	1	ch	220.000	220.000
100	T25.550	Thìa xúc mẫu	VN	1	ch	30.000	30.000
		<b>CỘNG</b>					557.330.000
		<b>THUẾ VAT 10%</b>					55.733.000
		<b>TỔNG (1)</b>					<b>613.063.000</b>
		<b>Phí kiểm định thiết bị</b>		17		17.000.000	17.000.000
		<b>THUẾ VAT 5%</b>					850.000
		<b>TỔNG (2)</b>					<b>17.850.000</b>
		<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>630.913.000</b>

*Tổng giá trị hợp đồng: 630.913.000 VNĐ*

*Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi triệu, chín trăm mười ba ngàn đồng.*

Giá trên là giá đã bao gồm thuế VAT.

**Điều 2: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:**

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại Cơ quan bên mua.

**Điều 3: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:**

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng từ 04 đến 08 tuần kể từ ngày đặt hàng (với điều kiện Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng Điều 4 của Hợp đồng này).

- Địa điểm bàn giao thiết bị: tại kho hàng của Bên B tại Hà Nội



HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Mẫu số (Form): 1  
Ký hiệu (Serial No): C22TAA  
Số (No): 28

Ngày (Date): 11 tháng (month) 02 năm (year) 2022  
MÃ QGT CẤP: 00AF1066A0A7004D95BCB9D72F72A6B9E1

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM  
Mã số thuế (Tax code): 0108654054  
Địa chỉ (Address): Số nhà 6, ngõ 109/7, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Số tài khoản (Account No): 4501.000.6352.666 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây  
Điện thoại (Tel): 0965.230.666

Họ tên người mua hàng (Customer Name):  
Tên đơn vị (Company): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG  
Mã số thuế (Tax code): 6200075490  
Địa chỉ (Address): Tô 01, Phường Quyết Tiến, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu  
Số tài khoản (Account No): Tại:  
Hình thức thanh toán (Payment Method): Chuyển khoản Số điện thoại (Tel):  
Đồng tiền thanh toán (Payment currency.): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Total amount)	Thuế suất GTGT (%) (VAT rate %)
1	Hộp nhôm D55x35	chiếc	36	35.000	1.260.000	10%
2	Sàng D300mm các cỡ	chiếc	12	220.000	2.640.000	10%
3	Phễu rót cát hiện trường	bộ	2	800.000	1.600.000	10%
4	Nhiệt kế kim loại 1000C	chiếc	3	150.000	450.000	10%
5	Nhiệt kế thủy tinh 100C	chiếc	3	40.000	120.000	10%
6	Tủ sấy 3000C, Model: 101-2A	chiếc	1	7.000.000	7.000.000	10%
7	Lò nung 10000C; Model: 4-10	chiếc	1	6.800.000	6.800.000	10%
8	Bơm chân không 650mmhg Model: 2XZ-1	chiếc	1	3.000.000	3.000.000	10%
9	Ổng cao su	m	1	50.000	50.000	10%
10	Đồng hồ áp chân không	chiếc	1	250.000	250.000	10%
11	Ván đóng cho hệ thống hút chân không	chiếc	1	100.000	100.000	10%
12	Nhiệt kế kim loại 2500C	chiếc	1	150.000	150.000	10%
13	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150xH300mm (Loại bỏ đôi 2 nửa)	chiếc	36	160.000	5.760.000	10%
14	Côn thu độ sụt bê tông	bộ	4	800.000	3.200.000	10%
15	Nhiệt kế kim loại 3500C	chiếc	4	150.000	600.000	10%
16	Máy đầm MARSHALL tự động Model: LHMJ-II (ZMJ-II)	chiếc	1	20.000.000	20.000.000	10%
17	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay	bộ	1	3.200.000	3.200.000	10%
18	Bộ dao vòng lấy mẫu đất	bộ	1	1.600.000	1.600.000	10%
19	Máy nén bê tông 2000KN - LONGCHEN Model: TYA-2000	chiếc	1	45.000.000	45.000.000	10%
20	Máy nén bê tông 2000KN	chiếc	1	50.000.000	50.000.000	10%

Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total amount without VAT):	152.780.000
Tổng thuế (Total tax) 0%:	
Tổng thuế (Total tax) 5%:	
Tổng thuế (Total tax) 10%:	15.278.000
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng (Total value added tax):	15.278.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):	168.058.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm sáu mươi tám triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng ./.



HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Mẫu số (Form): 1  
Ký hiệu (Serial No): C22TAA  
Số (No): 34

Ngày (Date) 16 tháng (month) 02 năm (year) 2022  
MÃ QGT CẤP: 0077950577CAA04AD98252BEB67D803A52

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM  
Mã số thuế (Tax code): 0108654054  
Địa chỉ (Address): Số nhà 6, ngõ 109/7, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Số tài khoản (Account No): 4501.000.6352.666 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây  
Điện thoại (Tel): 0965.230.666

Họ tên người mua hàng (Customer Name):  
Tên đơn vị (Company's): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG  
Mã số thuế (Tax code): 6200075490  
Địa chỉ (Address): Tổ 01, Phường Quyết Tiến, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu  
Số tài khoản (Account No): Tại:  
Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Số điện thoại (Tel):  
Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Total amount)	Thuế suất GTGT (%) (VAT rate %)
1	Bộ dụng cụ thí nghiệm CBR hiện trường	bộ	1	14.814.815	14.814.815	8%

Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total amount without VAT): 14.814.815  
Tổng thuế (Total tax) 0%:  
Tổng thuế (Total tax) 5%:  
Tổng thuế (Total tax) 10%:  
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng (Total value added tax): 1.185.185  
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 16.000.000  
Số tiền viết bằng chữ (In words): Mười sáu triệu đồng /.

Người mua hàng (Buyer)  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature and full name)

Người bán hàng (Seller)  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature and full name)

Signature valid  
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH  
THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT  
NAM  
Ngày ký: 16-02-2022

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 16 tháng 11 năm 2023

Ký hiệu: 1C23TPA

Số: 531

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Mã số thuế: 6200075490

Địa chỉ: Tổ 01, Phường Quyết Tiến, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Con tắc Anh thí nghiệm độ chống trượt, model: BM-III	Chiếc	1	12.763.636	12.763.636	10%	1.276.364	14.040.000
www.kiemdinh.com Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ: 12.763.636					anphat.com	1.276.364	14.040.000	
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>								

Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%:

Tổng tiền chịu thuế 8%:

Tổng tiền chịu thuế 10%: 12.763.636

Tổng tiền thuế GTGT 5%:

Tổng tiền thuế GTGT 8%:

Tổng tiền thuế GTGT 10%: 1.276.364

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature valid  
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT  
Ký ngày 16/11/2023

Mô của cơ quan thuế: 0030109-0E1D898740638F-103231117C 0910

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel). MST: 0106109106  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vatsoviet.vn/activities/invoice-search>. Mã số bí mật: BG73N9FL1LKDX9Y2



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 20 tháng 03 năm 2024

Ký hiệu: IC24TPA

Số: 263

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Mã số thuế: 6200075490

Địa chỉ: Tổ 01, Phường Quyết Tiến, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Chi phí hiệu chuẩn thiết bị	Lô	1	10.950.000	10.950.000	5%	547.500	11.497.500
2	Mũi khoan lấy mẫu vật liệu 4.0	Chiếc	1	2.000.000	2.000.000	10%	200.000	2.200.000
3	Ắc quy nguồn 6V/5AH	Cái	4	300.000	1.200.000	10%	120.000	1.320.000
4	Dây curoa máy nén	Cái	1	250.000	250.000	10%	25.000	275.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					14.400.000		892.500	15.292.500

Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%: 10.950.000

Tổng tiền chịu thuế 8%:

Tổng tiền chịu thuế 10%: 3.450.000

Tổng tiền thuế GTGT 5%: 547.500

Tổng tiền thuế GTGT 8%:

Tổng tiền thuế GTGT 10%: 345.000

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature valid  
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT  
Ký ngày 20/03/2024

Mô của cơ quan thuế: 00D40026E4882746719C2A4131C8ED7847

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106  
Tras của hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/addres/invoice-search>. Mã số bí mật: QH1HFUB66672PU



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TPA

Số: 935

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388 Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Mã số thuế: 6200075490

Địa chỉ: Tổ 01, Phường Quyết Tiến, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Chi phí hiệu chuẩn thiết bị	Lô	1	15.604.167	15.604.167	8%	1.248.333	16.852.500
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					15.604.167		1.248.333	16.852.500
					Tổng cộng tiền thanh toán:			

Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%:

Tổng tiền chịu thuế 8%: 15.604.167

Tổng tiền chịu thuế 10%:

Tổng tiền thuế GTGT 5%:

Tổng tiền thuế GTGT 8%: 1.248.333

Tổng tiền thuế GTGT 10%:

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN

THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Ký ngày 30/06/2025

Mã của cơ quan thuế: 00E584475BAFF048B59110AFF40CB5C9DE

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật: O4G3LRLZ50QSM1Q



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số (No.): 00003406

Ngày (Date) 26 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 007D0EAB6D077C44879A2272229970BB0C

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế (Tax code): 0107506448

Địa chỉ (Address): Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: <https://tatechco.com.vn> & [tatechco.vn](https://tatechco.vn)

Email: [ketoan.tatechcovn@gmail.com](mailto:ketoan.tatechcovn@gmail.com)

Số tài khoản: 228 66 88 68 - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Hà Nội

: 88 666 888 222 68 - Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Mã số thuế (Tax code): 6200075490

MSĐVCQHNS (Budgetary unit code):

Địa chỉ (Address): Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam.

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Khuôn gia cố xi măng 2 mảnh, Kích thước 152x117mm	Cái	6,00	750.000,00	4.500.000
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					4.500.000
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		360.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					4.860.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH

THIẾT BỊ KỸ THUẬT

VÀ SẢN XUẤT

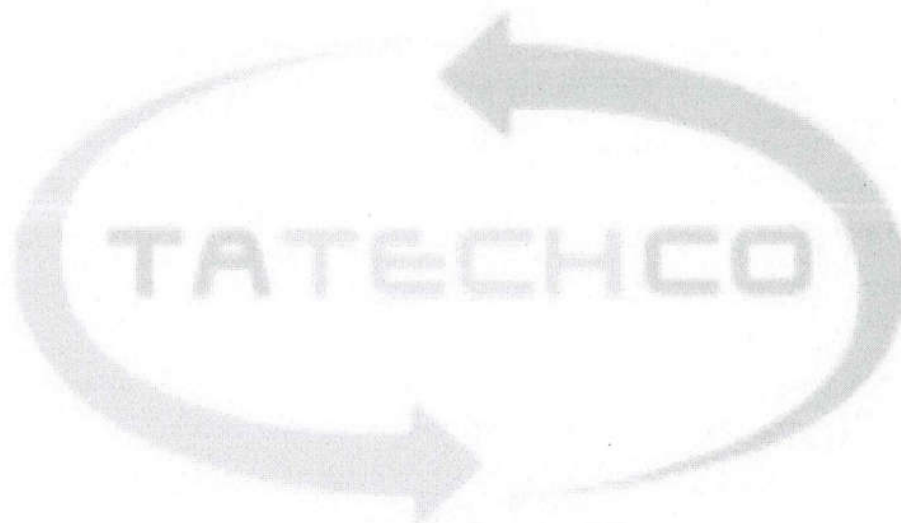
TRUNG ANH

Ký ngày (Signing Date): 26/12/2025

Tra cứu tại Website (*Search in website*): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (*Invoice code*): 23HBF9VPR\_JX

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (*You need to check invoice when issuing, delivering and receiving*)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



TRUNG ANH TECHNICAL CO., LTD



# HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Mẫu số (Form): 1  
Ký hiệu (Serial No): C22TAA  
Số (No): 28

Ngày (Date) 11 tháng (month) 02 năm (year) 2022  
MÃ CQT CẤP: 00AF1066A0A7004D95BCB9D72F72A6B9E1

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DO LƯỜNG VIỆT NAM**  
Mã số thuế (Tax code): **0108654054**  
Địa chỉ (Address): **Số nhà 6, ngõ 109/7, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**  
Số tài khoản (Account No): **4501.000.6352.666** Tại: **Ngân hàng TMCP Dầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây**  
Điện thoại (Tel): **0965.230.666**

Họ tên người mua hàng (Customer Name):  
Tên đơn vị (Company's): **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
Mã số thuế (Tax code): **6200075490**  
Địa chỉ (Address): **Tổ 01, Phường Quyết Tiến, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu**  
Số tài khoản (Account No): **Tại:**  
Hình thức thanh toán (Payment Method): **Chuyển khoản** Số điện thoại (Tel):  
Đồng tiền thanh toán (Payment currency): **VND**

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Total amount)	Thuế suất GTGT(%) (VAT rate %)
1	Hộp nhôm D55x35	chiếc	36	35.000	1.260.000	10%
2	Sàng D300mm các cỡ	chiếc	12	220.000	2.640.000	10%
3	Phễu rót cát hiện trường	bộ	2	800.000	1.600.000	10%
4	Nhiệt kế kim loại 1000C	chiếc	3	150.000	450.000	10%
5	Nhiệt kế thủy tinh 100C	chiếc	3	40.000	120.000	10%
6	Tủ sấy 3000C, Model: 101-2A	chiếc	1	7.000.000	7.000.000	10%
7	Lò nung 10000C; Model: 4-10	chiếc	1	6.800.000	6.800.000	10%
8	Bơm chân không 650mmhg Model: 2XZ-1	chiếc	1	3.000.000	3.000.000	10%
9	Ống cao su	m	1	50.000	50.000	10%
10	Đồng hồ áp chân không	chiếc	1	250.000	250.000	10%
11	Van đồng cho hệ thống hút chân không	chiếc	1	100.000	100.000	10%
12	Nhiệt kế kim loại 2500C	chiếc	1	150.000	150.000	10%
13	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150xH300mm (Loại bỏ đôi 2 nửa)	chiếc	36	160.000	5.760.000	10%
14	Côn thử độ sụt bê tông	bộ	4	800.000	3.200.000	10%
15	Nhiệt kế kim loại 3500C	chiếc	4	150.000	600.000	10%
16	Máy đầm MARSHALL tự động Model: LHMJ-II (ZMJ-II)	chiếc	1	20.000.000	20.000.000	10%
17	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay	bộ	1	3.200.000	3.200.000	10%
18	Bộ dao vòng lấy mẫu đất	bộ	1	1.600.000	1.600.000	10%
19	Máy nén bê tông 2000KN - LONGCHEN Model: TYA-2000	chiếc	1	45.000.000	45.000.000	10%
20	Máy nén bê tông 2000KN	chiếc	1	50.000.000	50.000.000	10%

Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total amount without VAT):	152.780.000
Tổng thuế (Total tax) 0%:	
Tổng thuế (Total tax) 5%:	
Tổng thuế (Total tax) 10%:	15.278.000
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng (Total value added tax):	15.278.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):	168.058.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm sáu mươi tám triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng /.

(Signature and full name)

(Signature and full name)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH  
THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT  
NAM

Ngày ký: 11-02-2022

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Chuỗi xác thực (Digest Value): 1g+S9LS5ej50Ik4ATmEFBMMIqUz1HXm36v23JmWKNuE=

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi: Công ty cổ phần công nghệ thuế Nacocomm. Mã số thuế: 0103930279.

Trà cứu hóa đơn tại địa chỉ trang web: <https://hoadon78.nacocomm.vn>

Công ty TNHH thiết bị và  
đo lường Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 12 tháng 02 năm 2022

### BIÊN BẢN BÀN GIAO MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ

**Địa điểm:** Tổ 01 phường quyết tiến TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

**Thành phần tham gia:**

**1. Đại diện bên bán:** Công ty TNHH thiết bị và đo lường Việt Nam.

Ông: Nguyễn Thanh Tùng

Chức vụ: CBKT

Ông: Hồ Văn Khánh

Chức vụ: Lái xe 29h15472

**2. Đại diện bên mua:** Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng.

Ông: Đào Ngọc Thanh

Chức vụ: CBKT

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Hộp nhôm D55x35	Chiếc	36	
2	Sàng D300mm các cỡ	Chiếc	12	
3	Phễu rót cát hiện trường	Bộ	2	
4	Nhiệt kế kim loại 1000C	Chiếc	3	
5	Nhiệt kế thủy tinh 100C	Chiếc	3	
6	Tủ sấy 3000C, Model:101-2A	Chiếc	1	
7	Lò Nung 10000C, Model 4-10	Chiếc	1	
8	Bơm chân không 650mmhg, model:2XZ-1	Chiếc	1	
9	Ống cao su	m	1	
10	Đồng hồ áp chân không	Chiếc	1	
11	Van đồng cho hệ thống hút chân không	Chiếc	1	
12	Nhiệt kế kim loại 2500C	Chiếc	1	
13	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150xH300mm	Chiếc	36	
14	Côn thử độ sụt bê tông	Bộ	4	
15	Nhiệt kế kim loại 3500C	Chiếc	4	
16	Máy đầm Marshall tự động Model: LHMJ-11	Chiếc	1	
17	Bộ đầm mẫu Marshall bằng tay	Bộ	1	
18	Bộ dao vòng lấy mẫu đất	Bộ	1	
19	Máy nén bê tông 2000KN-Longchen Model: TYA-2000	Chiếc	1	
20	Máy nén bê tông 2000KN	Chiếc	1	

--	--	--	--	--

- Bên mua đã nhận đầy đủ máy móc và thiết bị theo nội dung trong bảng kê, các máy móc và thiết bị không hỏng hóc và hoạt động bình thường. Biên bản này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ một bản có giá trị như nhau./.

**Đại diện Bên mua**



**Đào Ngọc Thanh**

**Đại diện Bên bán**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Công ty cổ phần thiết bị kiểm định  
An Phát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 16 tháng 11 năm 2023

**BIÊN BẢN BÀN GIAO MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ**

**Địa điểm:** Tổ 01 phường quyết tiến TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

**Thành phần tham gia:**

**1. Đại diện bên bán:** Công ty cổ phần thiết bị kiểm định An Phát.

Ông: Ngô Thị Hiền

Chức vụ: Cán bộ kinh doanh

**2. Đại diện bên mua:** Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Anh Dũng.

Ông: Đào Ngọc Thanh

Chức vụ: CBKT

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Con lắc thí nghiệm độ chống trượt model. BM-III	cái	01	

- Bên mua đã nhận đầy đủ máy móc và thiết bị theo nội dung trong bảng kê, các máy móc và thiết bị không hỏng hóc và hoạt động bình thường. Biên bản này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ một bản có giá trị như nhau./.

**Đại diện Bên mua**

**Đào Ngọc Thanh**

**Đại diện Bên bán**

**Ngô Thị Hiền**

CÔNG TY CỔ PHẦN TV \$ XD

ANH DŨNG

Số HĐ: NV42 /HDLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*Căn cứ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012*

*Căn cứ Nghị định 05/2015 NĐ-CP ngày 12/1/2015*

*Căn cứ Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành*

Chúng tôi, một bên là : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
Đại diện là Ông: Vũ Hoàng Tinh Quốc tịch: Việt nam  
Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ văn phòng: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Lai Châu  
Mã số thuế đơn vị: 6200075490  
Điện thoại:  
Và một bên là ông (Bà): **Lê Xuân Tùng** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày tháng năm sinh: 12/03/1987  
Tại: Nam Định  
Nghề nghiệp: CB kỹ thuật  
Địa chỉ nơi thường trú: Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội  
CMND "036087008772 Ngày cấp 10/11/2021 Nơi cấp Hà Nội

**Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau:**

### **Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng:**

-**Loại hợp đồng:** Không xác định thời hạn, từ 02 tháng trở lên;

-**Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01/01/2026

-**Địa điểm làm việc:** Văn phòng và các công trình, dự án đơn vị đang thi công, đầu tư xây dựng

-**Chức danh chuyên môn:** **CB kỹ thuật**

Công việc phải làm: Đảm nhận các công việc cụ thể do Giám đốc Công ty giao cho như lập hồ sơ dự thầu, hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán A-B, đọc nghiên cứu bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công, lập và đề xuất các phương án tổ chức thi công hiện trường, tham gia kiểm tra chất lượng vật liệu, chất lượng công trình theo tiêu chuẩn hiện hành;

### **Điều 2: Chế độ làm việc**

-**Thời gian làm việc:** 08 giờ/ngày, nghỉ lễ, tết, ốm đau không quá 07 ngày/tháng được hưởng nguyên lương

-**Thời gian thử việc:** Áp dụng cho CBCNV ký hợp đồng lao động lần đầu tiên với Công ty thì thời gian thử việc là 01 tháng, khi hết thời gian thử việc nếu xét thấy người lao động có đủ điều kiện để tuyển dụng sẽ tiến hành ký hợp đồng, đối với người lao động đã làm việc tại công ty sau thời gian nghỉ việc gián đoạn nếu quay lại làm việc thì không áp dụng thời gian thử việc;

### **Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động**

#### **1/Quyền lợi:**

a. **Phương tiện đi lại làm việc:** Người lao động tự túc mua sắm phương tiện đi lại

b. **Chi phí công tác:** Theo quy định của Công ty (Nếu có)

c. **Lương và các khoản trợ cấp**

c1. Lương cơ bản: 4.200.000 đồng/tháng

c2. Lương cố định: Tính bằng số ngày công làm việc ngày bình thường x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Trong đó: Được hưởng nguyên lương đối với những ngày nghỉ lễ, tết, ốm đau

c3. Lương không cố định gồm: Các khoản thu nhập mang tính chất không thường xuyên, trong đó gồm:

-Lương làm việc ngày chủ nhật = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Lương làm việc ngày nghỉ lễ, tết = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Lương làm việc thêm giờ = số giờ làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày/8h)

c4. Các khoản trợ cấp:

-Tiền xăng xe: 300.000 đồng/tháng

-Tiền điện thoại: 200.000 đồng/tháng

-Tiền ăn ca: 25.000 đồng/ngày

-Trợ cấp BHXH bằng tiền: 50.000 đồng/tháng

d.Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt, hàng tháng được trả lương chậm nhất không quá ngày 10 tháng liền kề;

e.Bảo hộ lao động: Trợ cấp bằng tiền theo đối tượng do Công ty quy định;

f.BHXH, BHYT, BHTN: Theo quy định hiện hành;

g.Chế độ đào tạo: Công ty chịu trách nhiệm 100% các khoản chi phí đào tạo do Công ty đăng ký hoặc tổ chức đào tạo cho người lao động, có thời gian đào tạo dưới 1 tháng, các loại hình đào tạo do người lao động tự đăng ký thì chi phí liên quan do người lao động gánh chịu;

h.Những thoả thuận khác: Khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng lao động phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày, người lao động có thời gian làm việc trên 3 tháng mới được đề nghị chấm dứt HĐLĐ; hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì không được thanh toán tiền lương;

2/Nghĩa vụ:

Người lao động phải tuyệt đối tuân thủ, chấp hành lệnh điều động của Công ty và người phụ trách trực tiếp, chấp hành nghiêm chỉnh lệnh điều hành sản xuất - Kinh doanh, đồng thời phải chủ động tổ chức an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh chung;

Chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị vật chất có tính chất tương đương tại thời điểm xác định bồi thường, phạt vi phạm kỷ luật theo quy định pháp luật Lao động hiện hành;

#### **Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động**

a/Nghĩa vụ:

Đảm bảo bố trí việc làm cho người lao động theo cam kết, thanh toán đầy đủ quyền lợi cho người lao động;

b/Quyền hạn:

Có quyền được sa thải hoặc đề nghị cơ quan luật pháp can thiệp giải quyết khi người lao động vi phạm kỷ luật.

Tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ khi Công ty thay đổi hình thức, phương án, cơ cấu, quy mô kinh doanh;

#### **Điều 5: Điều khoản thi hành**

Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị, nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể ngày ký HĐLĐ, khi có sự thay đổi bất kỳ nội dung nào của hợp đồng này thì phụ lục hợp đồng hoặc các quyết định được coi là một phần cấu thành nội dung hợp đồng này;

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần TV \$ XD Anh Dữ

Ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

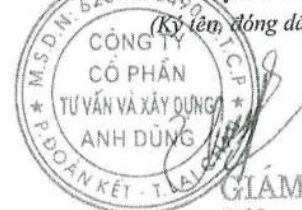
**NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Xuân Tùng

**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**

Vũ Hoàng Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN TV \$ XD

ANH DŨNG

Số HĐ: NV41 /HĐLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*Căn cứ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012*

*Căn cứ Nghị định 05/2015 NĐ-CP ngày 12/1/2015*

*Căn cứ Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành*

Chúng tôi, một bên là : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
Đại diện là Ông: Vũ Hoàng Tinh Quốc tịch: Việt nam  
Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ văn phòng: Số 318 Đường Bé Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Lai Châu  
Mã số thuế đơn vị: 6200075490  
Điện thoại:  
Và một bên là ông (Bà): **Đông Phú Khanh** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày tháng năm sinh: 02/03/1988  
Tại: Bắc Giang  
Nghề nghiệp: CB kỹ thuật  
Địa chỉ nơi thường trú: An Hà, Lạng Giang, Bắc Giang  
CMND 24088011831 Ngày cấp 14/02/2022 Nơi cấp Bắc Giang

**Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau:**

### **Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng:**

-**Loại hợp đồng:** Không xác định thời hạn, từ 02 tháng trở lên;

-**Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01/01/2026

-**Địa điểm làm việc:** Văn phòng và các công trình, dự án đơn vị đang thi công, đầu tư xây dựng

-**Chức danh chuyên môn:** CB kỹ thuật

Công việc phải làm: Đảm nhận các công việc cụ thể do Giám đốc Công ty giao cho như lập hồ sơ dự thầu, hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán A-B, đọc nghiên cứu bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công, lập và đề xuất các phương án tổ chức thi công hiện trường, tham gia kiểm tra chất lượng vật liệu, chất lượng công trình theo tiêu chuẩn hiện hành;

### **Điều 2: Chế độ làm việc**

-**Thời gian làm việc:** 08 giờ/ngày, nghỉ lễ, tết, ốm đau không quá 07 ngày/tháng được hưởng nguyên lương

-**Thời gian thử việc:** Áp dụng cho CBCNV ký hợp đồng lao động lần đầu tiên với Công ty thì thời gian thử việc là 01 tháng, khi hết thời gian thử việc nếu xét thấy người lao động có đủ điều kiện để tuyển dụng sẽ tiến hành ký hợp đồng, đối với người lao động đã làm việc tại công ty sau thời gian nghỉ việc gián đoạn nếu quay lại làm việc thì không áp dụng thời gian thử việc;

### **Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động**

#### **1/Quyền lợi:**

a. **Phương tiện đi lại làm việc:** Người lao động tự túc mua sắm phương tiện đi lại

b. **Chi phí công tác:** Theo quy định của Công ty (Nếu có)

c. **Lương và các khoản trợ cấp**

c1. Lương cơ bản: 4.200.000 đồng/tháng

c2. Lương cố định: Tính bằng số ngày công làm việc ngày bình thường x (Lương cơ bản/26 ngày)

-*Trong đó: Được hưởng nguyên lương đối với những ngày nghỉ lễ, tết, ốm đau*

- c3. Lương không cố định gồm: Các khoản thu nhập mang tính chất không thường xuyên, trong đó gồm
- Lương làm việc ngày chủ nhật = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)
  - Lương làm việc ngày nghỉ lễ, tết = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)
  - Lương làm việc thêm giờ = số giờ làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày/8h)

c4. Các khoản trợ cấp:

-Tiền xăng xe:	300.000	đồng/tháng
-Tiền điện thoại:	200.000	đồng/tháng
-Tiền ăn ca:	25.000	đồng/ngày
-Trợ cấp BHLĐ bằng tiền:	50.000	đồng/tháng

d.Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt, hàng tháng được trả lương chậm nhất không quá ngày 10 tháng liền kề;

e.Bảo hộ lao động: Trợ cấp bằng tiền theo đối tượng do Công ty quy định;

f.BHXH, BHYT, BHTN: Theo quy định hiện hành;

g.Chế độ đào tạo: Công ty chịu trách nhiệm 100% các khoản chi phí đào tạo do Công ty đăng ký hoặc tổ chức đào tạo cho người lao động, có thời gian đào tạo dưới 1 tháng, các loại hình đào tạo do người lao động tự đăng ký thì chi phí liên quan do người lao động gánh chịu;

h.Những thỏa thuận khác: Khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng lao động phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày, người lao động có thời gian làm việc trên 3 tháng mới được đề nghị chấm dứt HĐLĐ; hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì không được thanh toán tiền lương;

2/Nghĩa vụ:

Người lao động phải tuyệt đối tuân thủ, chấp hành lệnh điều động của Công ty và người phụ trách trực tiếp, chấp hành nghiêm chỉnh lệnh điều hành sản xuất - Kinh doanh, đồng thời phải chủ động tổ chức an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh chung;

Chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị vật chất có tính chất tương đương tại thời điểm xác định bồi thường, phạt vi phạm kỷ luật theo quy định pháp luật Lao động hiện hành;

#### **Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động**

a/Nghĩa vụ:

Đảm bảo bố trí việc làm cho người lao động theo cam kết, thanh toán đầy đủ quyền lợi cho người lao động;

b/Quyền hạn:

Có quyền được sa thải hoặc đề nghị cơ quan luật pháp can thiệp giải quyết khi người lao động vi phạm kỷ luật.

Tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ khi Công ty thay đổi hình thức, phương án, cơ cấu, quy mô kinh doanh;

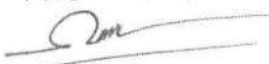
#### **Điều 5: Điều khoản thi hành**

Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị, nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể ngày ký HĐLĐ, khi có sự thay đổi bất kỳ nội dung nào của hợp đồng này thì phụ lục hợp đồng hoặc các quyết định được coi là một phần cấu thành nội dung hợp đồng này;

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần TV \$ XD Anh Dữ

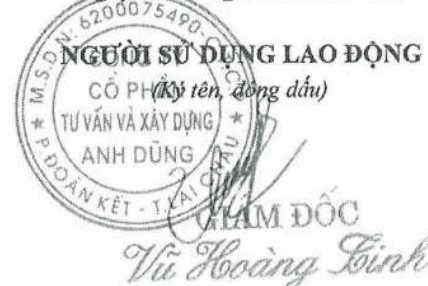
**NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đồng Phú Khanh

Ngày 01 tháng 01 năm 2026./.



CÔNG TY CỔ PHẦN TV & XD

ANH DŨNG

Số HD: NV2 /HDLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*Căn cứ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012*

*Căn cứ Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015*

*Căn cứ Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành*

Chúng tôi, một bên là : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
Đại diện là Ông: **Vũ Hoàng Tinh** Quốc tịch: Việt nam  
Chức vụ: **Giám đốc**  
Địa chỉ văn phòng: **Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Lai Châu**  
Mã số thuế đơn vị: **6200075490**  
Điện thoại:  
Và một bên là ông (Bà): **Kiều Duy Văn** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày tháng năm sinh: **03/10/1986**  
Tại: **Hà Nội**  
Nghề nghiệp: **CB kỹ thuật**  
Địa chỉ nơi thường trú: **Độ 4, thôn Cát Thué, Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội**  
CMND "001086026391 Ngày cấp 02/11/2022 Nơi cấp Hà Nội

**Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau:**

### **Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng:**

-Loại hợp đồng: Không xác định thời hạn, từ 02 tháng trở lên;

-Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2026

-Địa điểm làm việc: Văn phòng và các công trình, dự án đơn vị đang thi công, đầu tư xây dựng

-Chức danh chuyên môn: **CB kỹ thuật**

Công việc phải làm: Đảm nhận các công việc cụ thể do Giám đốc Công ty giao cho như lập hồ sơ dự thầu, hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán A-B, đọc nghiên cứu bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công, lập và đề xuất các phương án tổ chức thi công hiện trường, tham gia kiểm tra chất lượng vật liệu, chất lượng công trình theo tiêu chuẩn hiện hành;

### **Điều 2: Chế độ làm việc**

-Thời gian làm việc: 08 giờ/ngày, nghỉ lễ, tết, ốm đau không quá 07 ngày/tháng được hưởng nguyên lương

-Thời gian thử việc: Áp dụng cho CBCNV ký hợp đồng lao động lần đầu tiên với Công ty thì thời gian thử việc là 01 tháng, khi hết thời gian thử việc nếu xét thấy người lao động có đủ điều kiện để tuyển dụng sẽ tiến hành ký hợp đồng, đối với người lao động đã làm việc tại công ty sau thời gian nghỉ việc gián đoạn nếu quay lại làm việc thì không áp dụng thời gian thử việc;

### **Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động**

#### **1/Quyền lợi:**

a. Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự túc mua sắm phương tiện đi lại

b. Chi phí công tác: Theo quy định của Công ty (Nếu có)

c. Lương và các khoản trợ cấp

c1. Lương cơ bản: 4.000.000 đồng/tháng

c2. Lương cố định: Tính bằng số ngày công làm việc ngày bình thường x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Trong đó: Được hưởng nguyên lương đối với những ngày nghỉ lễ, tết, ốm đau

c3. Lương không cố định gồm: Các khoản thu nhập mang tính chất không thường xuyên, trong đó gồm:

-Lương làm việc ngày chủ nhật = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Lương làm việc ngày nghỉ lễ, tết = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Lương làm việc thêm giờ = số giờ làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày/8h)

c4. Các khoản trợ cấp:

-Tiền xăng xe: 200.000 đồng/tháng

-Tiền điện thoại: 300.000 đồng/tháng

-Tiền ăn ca: 25.000 đồng/ngày

-Trợ cấp BHLĐ bằng tiền: 50.000 đồng/tháng

d.Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt, hàng tháng được trả lương chậm nhất không quá ngày 10 tháng liền kề;

e.Bảo hộ lao động: Trợ cấp bằng tiền theo đối tượng do Công ty quy định;

f.BHXH, BHYT, BHTN: Theo quy định hiện hành;

g.Chế độ đào tạo: Công ty chịu trách nhiệm 100% các khoản chi phí đào tạo do Công ty đăng ký hoặc tổ chức đào tạo cho người lao động, có thời gian đào tạo dưới 1 tháng, các loại hình đào tạo do người lao động tự đăng ký thì chi phí liên quan do người lao động gánh chịu;

h.Những thoả thuận khác: Khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng lao động phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày, người lao động có thời gian làm việc trên 3 tháng mới được đề nghị chấm dứt HĐLĐ; hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì không được thanh toán tiền lương;

2/Nghĩa vụ:

Người lao động phải tuyệt đối tuân thủ, chấp hành lệnh điều động của Công ty và người phụ trách trực tiếp, chấp hành nghiêm chỉnh lệnh điều hành sản xuất - Kinh doanh, đồng thời phải chủ động tổ chức an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh chung;

Chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị vật chất có tính chất tương đương tại thời điểm xác định bồi thường, phạt vi phạm kỷ luật theo quy định pháp luật Lao động hiện hành;

**Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động**

a/Nghĩa vụ:

Đảm bảo bố trí việc làm cho người lao động theo cam kết, thanh toán đầy đủ quyền lợi cho người lao động;

b/Quyền hạn:

Có quyền được sa thải hoặc đề nghị cơ quan luật pháp can thiệp giải quyết khi người lao động vi phạm kỷ luật.

Tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ khi Công ty thay đổi hình thức, phương án, cơ cấu, quy mô kinh doanh;

**Điều 5: Điều khoản thi hành**

Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị, nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể ngày ký HĐLĐ, khi có sự thay đổi bất kỳ nội dung nào của hợp đồng này thì phụ lục hợp đồng hoặc các quyết định được coi là một phần cấu thành nội dung hợp đồng này;

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần TV \$ XD Anh Dữ

Ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

**NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiều Duy Văn

**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**

Vũ Hoàng Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN TV & XD

ANH DŨNG

Số HD: NV40 /HDLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Căn cứ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012

Căn cứ Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015

Căn cứ Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

Chúng tôi, một bên là : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
Đại diện là Ông: **Vũ Hoàng Tinh** Quốc tịch: Việt nam  
Chức vụ: **Giám đốc**  
Địa chỉ văn phòng: **Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Lai Châu**  
Mã số thuế đơn vị: **6200075490**  
Điện thoại:  
Và một bên là ông (Bà): **Bùi Văn Nam** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày tháng năm sinh: **27/07/1987**  
Tại: **Hà Nội**  
Nghề nghiệp: **CB kỹ thuật**  
Địa chỉ nơi thường trú: **Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội**  
CMND 1087003904 Ngày cấp 10/07/2021 Nơi cấp Hà Nội

**Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau:**

### **Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng:**

-Loại hợp đồng: Không xác định thời hạn, từ 02 tháng trở lên;

-Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2026

-Địa điểm làm việc: Văn phòng và các công trình, dự án đơn vị đang thi công, đầu tư xây dựng

-Chức danh chuyên môn: **CB kỹ thuật**

Công việc phải làm: Đảm nhận các công việc cụ thể do Giám đốc Công ty giao cho như lập hồ sơ dự thầu, hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán A-B, đọc nghiên cứu bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công, lập và đề xuất các phương án tổ chức thi công hiện trường, tham gia kiểm tra chất lượng vật liệu, chất lượng công trình theo tiêu chuẩn hiện hành;

### **Điều 2: Chế độ làm việc**

-Thời gian làm việc: 08 giờ/ngày, nghỉ lễ, tết, ốm đau không quá 07 ngày/tháng được hưởng nguyên lương

-Thời gian thử việc: Áp dụng cho CBCNV ký hợp đồng lao động lần đầu tiên với Công ty thì thời gian thử việc là 01 tháng, khi hết thời gian thử việc nếu xét thấy người lao động có đủ điều kiện để tuyển dụng sẽ tiến hành ký hợp đồng, đối với người lao động đã làm việc tại công ty sau thời gian nghỉ việc gián đoạn nếu quay lại làm việc thì không áp dụng thời gian thử việc;

### **Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động**

#### **1/Quyền lợi:**

a. Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự túc mua sắm phương tiện đi lại

b. Chi phí công tác: Theo quy định của Công ty (Nếu có)

c. Lương và các khoản trợ cấp

c1. Lương cơ bản: 4.200.000 đồng/tháng

c2. Lương cố định: Tính bằng số ngày công làm việc ngày bình thường x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Trong đó: Được hưởng nguyên lương đối với những ngày nghỉ lễ, tết, ốm đau

- c3. Lương không cố định gồm: Các khoản thu nhập mang tính chất không thường xuyên, trong đó gồm:
- Lương làm việc ngày chủ nhật = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)
  - Lương làm việc ngày nghỉ lễ, tết = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)
  - Lương làm việc thêm giờ = số giờ làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày/8h)

c4. Các khoản trợ cấp:

-Tiền xăng xe:	300.000	đồng/tháng
-Tiền điện thoại:	200.000	đồng/tháng
-Tiền ăn ca:	25.000	đồng/ngày
-Trợ cấp BHLĐ bằng tiền:	50.000	đồng/tháng

d.Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt, hàng tháng được trả lương chậm nhất không quá ngày 10 tháng liền kề;

e.Bảo hộ lao động: Trợ cấp bằng tiền theo đối tượng do Công ty quy định;

f.BHXH, BHYT, BHTN: Theo quy định hiện hành;

g.Chế độ đào tạo: Công ty chịu trách nhiệm 100% các khoản chi phí đào tạo do Công ty đăng ký hoặc tổ chức đào tạo cho người lao động, có thời gian đào tạo dưới 1 tháng, các loại hình đào tạo do người lao động tự đăng ký thì chi phí liên quan do người lao động gánh chịu;

h.Những thoả thuận khác: Khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng lao động phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày, người lao động có thời gian làm việc trên 3 tháng mới được đề nghị chấm dứt HĐLĐ; hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì không được thanh toán tiền lương;

2/Nghĩa vụ:

Người lao động phải tuyệt đối tuân thủ, chấp hành lệnh điều động của Công ty và người phụ trách trực tiếp, chấp hành nghiêm chỉnh lệnh điều hành sản xuất - Kinh doanh, đồng thời phải chủ động tổ chức an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh chung;

Chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị vật chất có tính chất tương đương tại thời điểm xác định bồi thường, phạt vi phạm kỷ luật theo quy định pháp luật Lao động hiện hành;

#### Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động

a/Nghĩa vụ:

Đảm bảo bố trí việc làm cho người lao động theo cam kết, thanh toán đầy đủ quyền lợi cho người lao động;

b/Quyền hạn:

Có quyền được sa thải hoặc đề nghị cơ quan luật pháp can thiệp giải quyết khi người lao động vi phạm kỷ luật

Tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ khi Công ty thay đổi hình thức, phương án, cơ cấu, quy mô kinh doanh;

#### Điều 5: Điều khoản thi hành

Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị, nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể ngày ký HĐLĐ, khi có sự thay đổi bất kỳ nội dung nào của hợp đồng này thì phụ lục hợp đồng hoặc các quyết định được coi là một phần cấu thành nội dung hợp đồng này;

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần TV \$ XD Anh Dữ

Ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

**NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Bùi Văn Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN TV \$ XD

ANH DŨNG

Số HD: NV43 /HDLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Căn cứ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012

Căn cứ Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015

Căn cứ Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

Chúng tôi, một bên là : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
Đại diện là Ông: Vũ Hoàng Tinh Quốc tịch: Việt nam  
Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ văn phòng: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Lai Châu  
Mã số thuế đơn vị: 6200075490  
Điện thoại:  
Và một bên là ông (Bà): **Hù Chả Đường** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày tháng năm sinh: 08/02/2000  
Tại: Lai Châu  
Nghề nghiệp: CB kỹ thuật  
Địa chỉ nơi thường trú: Xã Can Hồ, Huyện Mường Tè, Lai Châu  
CMND "012200006655 Ngày cấp 21/02/2024 Nơi cấp Lai Châu

**Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau:**

### **Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng:**

-Loại hợp đồng: Không xác định thời hạn, từ 02 tháng trở lên;

-Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2026

-Địa điểm làm việc: Văn phòng và các công trình, dự án đơn vị đang thi công, đầu tư xây dựng

-Chức danh chuyên môn: **CB kỹ thuật**

Công việc phải làm: Đảm nhận các công việc cụ thể do Giám đốc Công ty giao cho như lập hồ sơ dự thầu, hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán A-B, đọc nghiên cứu bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công, lập và đề xuất các phương án tổ chức thi công hiện trường, tham gia kiểm tra chất lượng vật liệu, chất lượng công trình theo tiêu chuẩn hiện hành;

### **Điều 2: Chế độ làm việc**

-Thời gian làm việc: 08 giờ/ngày, nghỉ lễ, tết, ốm đau không quá 07 ngày/tháng được hưởng nguyên lương

-Thời gian thử việc: Áp dụng cho CBCNV ký hợp đồng lao động lần đầu tiên với Công ty thì thời gian thử việc là 01 tháng, khi hết thời gian thử việc nếu xét thấy người lao động có đủ điều kiện để tuyển dụng sẽ tiến hành ký hợp đồng, đối với người lao động đã làm việc tại công ty sau thời gian nghỉ việc gián đoạn nếu quay lại làm việc thì không áp dụng thời gian thử việc;

### **Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động**

#### **1/Quyền lợi:**

a. Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự túc mua sắm phương tiện đi lại

b. Chi phí công tác: Theo quy định của Công ty (Nếu có)

c. Lương và các khoản trợ cấp

c1. Lương cơ bản: 4.200.000 đồng/tháng

c2. Lương cố định: Tính bằng số ngày công làm việc ngày bình thường x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Trong đó: Được hưởng nguyên lương đối với những ngày nghỉ lễ, tết, ốm đau

c3. Lương không cố định gồm: Các khoản thu nhập mang tính chất không thường xuyên, trong đó gồm:

-Lương làm việc ngày chủ nhật = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Lương làm việc ngày nghỉ lễ, tết = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Lương làm việc thêm giờ = số giờ làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày/8h)

c4. Các khoản trợ cấp:

-Tiền xăng xe: 300.000 đồng/tháng

-Tiền điện thoại: 200.000 đồng/tháng

-Tiền ăn ca: 25.000 đồng/ngày

-Trợ cấp BHLĐ bằng tiền: 50.000 đồng/tháng

d.Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt, hàng tháng được trả lương chậm nhất không quá ngày 10 tháng liền kề;

e.Bảo hộ lao động: Trợ cấp bằng tiền theo đối tượng do Công ty quy định;

f.BHXH, BHYT, BHTN: Theo quy định hiện hành;

g.Chế độ đào tạo: Công ty chịu trách nhiệm 100% các khoản chi phí đào tạo do Công ty đăng ký hoặc tổ chức đào tạo cho người lao động, có thời gian đào tạo dưới 1 tháng, các loại hình đào tạo do người lao động tự đăng ký thì chi phí liên quan do người lao động gánh chịu;

h.Những thỏa thuận khác: Khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng lao động phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày, người lao động có thời gian làm việc trên 3 tháng mới được đề nghị chấm dứt HĐLĐ; hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì không được thanh toán tiền lương;

2/Nghĩa vụ:

Người lao động phải tuyệt đối tuân thủ, chấp hành lệnh điều động của Công ty và người phụ trách trực tiếp, chấp hành nghiêm chỉnh lệnh điều hành sản xuất - Kinh doanh, đồng thời phải chủ động tổ chức an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh chung;

Chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị vật chất có tính chất tương đương tại thời điểm xác định bồi thường, phạt vi phạm kỷ luật theo quy định pháp luật Lao động hiện hành;

#### **Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động**

a/Nghĩa vụ:

Đảm bảo bố trí việc làm cho người lao động theo cam kết, thanh toán đầy đủ quyền lợi cho người lao động;

b/Quyền hạn:

Có quyền được sa thải hoặc đề nghị cơ quan luật pháp can thiệp giải quyết khi người lao động vi phạm kỷ lu.

Tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ khi Công ty thay đổi hình thức, phương án, cơ cấu, quy mô kinh doanh;

#### **Điều 5: Điều khoản thi hành**

Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị, nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể ngày ký HĐLĐ, khi có sự thay đổi bất kỳ nội dung nào của hợp đồng này thì phụ lục hợp đồng hoặc các quyết định được coi là một phần cấu thành nội dung hợp đồng này;

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần TV \$ XD Anh Dữ

Ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

**NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hù Chá Đường

**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**

Vũ Hoàng Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN TV S XD  
ANH DŨNG

Số HD: NV44 /HDLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Căn cứ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012

Căn cứ Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015

Căn cứ Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

Chúng tôi, một bên là : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
Đại diện là Ông: Vũ Hoàng Tinh Quốc tịch: Việt nam  
Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ văn phòng: Số 318 Đường Bé Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Lai Châu  
Mã số thuế đơn vị: 6200075490  
Điện thoại:  
Và một bên là ông (Bà): Nguyễn Văn Quyền Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày tháng năm sinh: 08/10/1998  
Tại: Lai Châu  
Nghề nghiệp: CB kỹ thuật  
Địa chỉ nơi thường trú: Séo Xin Chải, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu  
CMND "012098004795 Ngày cấp 03/09/2024 Nơi cấp Lai Châu

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau:

### Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng:

-Loại hợp đồng: Không xác định thời hạn, từ 02 tháng trở lên;

-Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2026

-Địa điểm làm việc: Văn phòng và các công trình, dự án đơn vị đang thi công, đầu tư xây dựng

-Chức danh chuyên môn: CB kỹ thuật

Công việc phải làm: Đảm nhận các công việc cụ thể do Giám đốc Công ty giao cho như lập hồ sơ dự thầu, hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán A-B, đọc nghiên cứu bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công, lập và đề xuất các phương án tổ chức thi công hiện trường, tham gia kiểm tra chất lượng vật liệu, chất lượng công trình theo tiêu chuẩn hiện hành;

### Điều 2: Chế độ làm việc

-Thời gian làm việc: 08 giờ/ngày, nghỉ lễ, tết, ốm đau không quá 07 ngày/tháng được hưởng nguyên lương

-Thời gian thử việc: Áp dụng cho CBCNV ký hợp đồng lao động lần đầu tiên với Công ty thì thời gian thử việc là 01 tháng, khi hết thời gian thử việc nếu xét thấy người lao động có đủ điều kiện để tuyển dụng sẽ tiến hành ký hợp đồng, đối với người lao động đã làm việc tại công ty sau thời gian nghỉ việc gián đoạn nếu quay lại làm việc thì không áp dụng thời gian thử việc;

### Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

#### 1/Quyền lợi:

a. Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự túc mua sắm phương tiện đi lại

b. Chi phí công tác: Theo quy định của Công ty (Nếu có)

c. Lương và các khoản trợ cấp

c1. Lương cơ bản: 4.200.000 đồng/tháng

c2. Lương cố định: Tính bằng số ngày công làm việc ngày bình thường x (Lương cơ bản/26 ngày)

-Trong đó: Được hưởng nguyên lương đối với những ngày nghỉ lễ, tết, ốm đau

c3. Lương không cố định gồm: Các khoản thu nhập mang tính chất không thường xuyên, trong đó gồm:

- Lương làm việc ngày chủ nhật = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)
- Lương làm việc ngày nghỉ lễ, tết = số ngày công làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày)
- Lương làm việc thêm giờ = số giờ làm việc x (Lương cơ bản/26 ngày/8h)

c4. Các khoản trợ cấp:

-Tiền xăng xe:	300.000	đồng/tháng
-Tiền điện thoại:	200.000	đồng/tháng
-Tiền ăn ca:	25.000	đồng/ngày
-Trợ cấp BHLĐ bằng tiền:	50.000	đồng/tháng

d.Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt, hàng tháng được trả lương chậm nhất không quá ngày 10 tháng liền kề;

e.Bảo hộ lao động: Trợ cấp bằng tiền theo đối tượng do Công ty quy định;

f.BHXH, BHYT, BHTN: Theo quy định hiện hành;

g.Chế độ đào tạo: Công ty chịu trách nhiệm 100% các khoản chi phí đào tạo do Công ty đăng ký hoặc tổ chức đào tạo cho người lao động, có thời gian đào tạo dưới 1 tháng, các loại hình đào tạo do người lao động tự đăng ký thì chi phí liên quan do người lao động gánh chịu;

h.Những thỏa thuận khác: Khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng lao động phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày, người lao động có thời gian làm việc trên 3 tháng mới được đề nghị chấm dứt HĐLĐ; hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì không được thanh toán tiền lương;

## 2/Nghĩa vụ:

Người lao động phải tuyệt đối tuân thủ, chấp hành lệnh điều động của Công ty và người phụ trách trực tiếp, chấp hành nghiêm chỉnh lệnh điều hành sản xuất - Kinh doanh, đồng thời phải chủ động tổ chức an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh chung;

Chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị vật chất có tính chất tương đương tại thời điểm xác định bồi thường, phạt vi phạm kỷ luật theo quy định pháp luật Lao động hiện hành;

## Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động

### a/Nghĩa vụ:

Đảm bảo bố trí việc làm cho người lao động theo cam kết, thanh toán đầy đủ quyền lợi cho người lao động;

### b/Quyền hạn:

Có quyền được sa thải hoặc đề nghị cơ quan luật pháp can thiệp giải quyết khi người lao động vi phạm kỷ luật;

Tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ khi Công ty thay đổi hình thức, phương án, cơ cấu, quy mô kinh doanh;

## Điều 5: Điều khoản thi hành

Hợp đồng lao động được lập thành 02 bản có giá trị, nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể ngày ký HĐLĐ, khi có sự thay đổi bất kỳ nội dung nào của hợp đồng này thì phụ lục hợp đồng hoặc các quyết định được coi là một phần cấu thành nội dung hợp đồng này;

Hợp đồng này làm tại Công ty cổ phần TV \$ XD Anh Dữ

Ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

**NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Quyền



**GIÁM ĐỐC**

Vũ Hoàng Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Hôm nay, ngày 1 tháng 1 năm 2026; Tại : Tổ 5, Phường Tân Phong , Tỉnh Lai Châu.

**Chúng tôi gồm:**

**1.Đại diện bên cho thuê (Bên A):**

- Bà: **Lò Thị Ngọc** Sinh ngày: 26/2/1987
- Nơi đăng ký HK: Tổ 5, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu
- CMND số: 011187007148 Cấp ngày 09/05/2021 Tại: CQLHCVTTXH
- Số điện thoại: 0976330592
- Số tài khoản: 3620469104 Ngân hàng BIDV Lai Châu

**2. Bên thuê (Bên B): Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Anh Dũng**

- Đại Diện : **ông Vũ Hoàng Tinh**
- Địa chỉ: Số 318 Đường Bé Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu.
- ĐT: 0963.870.563
- Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình LAX XD
- Địa chỉ: Tổ 05, phường Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu
- ĐT: 0963.870.563

**Sau khi bàn bạc trên tinh thần dân chủ, hai bên cùng có lợi, cùng thống nhất như sau:**

Bên A đồng ý cho bên B thuê nhà tại địa chỉ: Mặt đường Nguyễn Chí Thanh – tổ 5 P.Tân Phong, TP Lai Châu, Tỉnh Lai Châu.

**Giá thuê: 4.000.000/tháng**

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thanh toán 12 tháng/lần = **48.000.000 đồng** vào ngày đầu tiên của quý.

Thời gian thuê là 5 năm, sau khi kết thúc hợp đồng mà bên thuê muốn tiếp tục thuê thì hai bên thỏa thuận lại.

Tiền điện và nước đã bao gồm trong tiền thuê nhà .

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2025 đến hết ngày 1 tháng 06 năm 2030

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

**\* Trách nhiệm của bên A:**

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để bên B thực hiện theo hợp đồng..

**\* Trách nhiệm của bên B:**

- Thanh toán đầy đủ các khoản tiền theo đúng thỏa thuận. Nếu quá 15 ngày mà bên B không thanh toán đầy đủ thì hợp đồng tự động hết giá trị.

- Bảo quản các trang thiết bị và cơ sở vật chất của bên A trang bị cho ban đầu (làm hỏng phải sửa, mất phải đền).
- Không được tự ý sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất khi chưa được sự đồng ý của bên A.
- Giữ gìn vệ sinh xung quanh khu vực thuê, tự chịu trách nhiệm với công việc kinh doanh của mình
- Phải đăng ký tạm trú tạm vắng với cơ quan sở tại và đóng phí môi trường, phí vệ sinh theo quy định.
- Bên B phải chấp hành mọi quy định của pháp luật Nhà nước và quy định của địa phương.
- Mọi hình thức sang nhượng, mua bán ngoài phạm vi hợp đồng đều không có giá trị.

### TRÁCH NHIỆM CHUNG

- Hai bên phải tạo điều kiện cho nhau thực hiện hợp đồng.
- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực nếu bên nào vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận thì bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, nếu sự vi phạm hợp đồng đó gây tổn thất cho bên bị vi phạm hợp đồng thì bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên kia ít nhất 30 ngày và hai bên phải có sự thống nhất.
- Bên nào vi phạm điều khoản chung thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên cố gắng cùng nhau bàn bạc các biện pháp giải quyết trên tinh thần hòa giải, có thiện chí và hợp tác. Nếu vẫn không thống nhất cách giải quyết thì hai Bên sẽ đưa vụ việc ra Tòa án Kinh tế Phường đoàn Kết , toàn bộ chi phí xét xử do Bên thua chịu.
- Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Lo Thi Ngoc

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**

Vũ Hoàng Linh

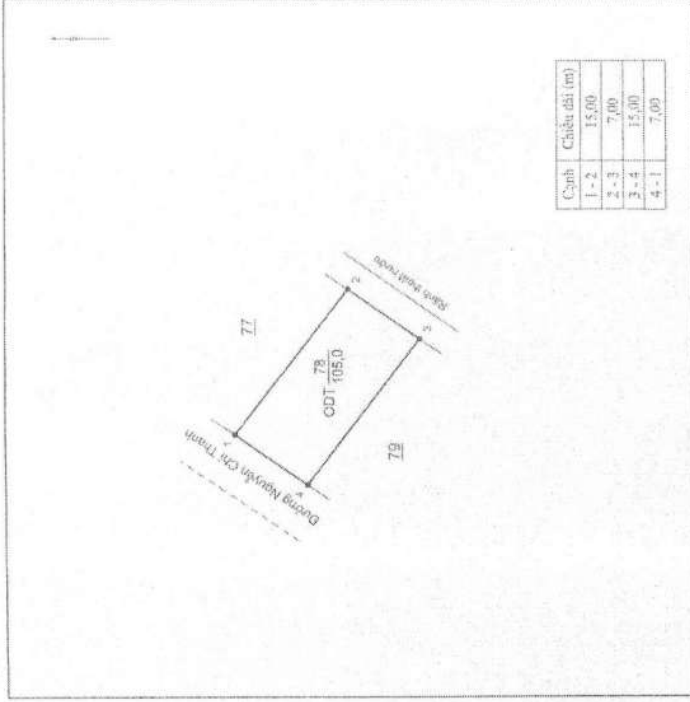
II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 78, tờ bản đồ số: 43  
 b) Địa chỉ: Phường Tân Phương, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu  
 c) Diện tích: 105m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Một trăm linh năm mét vuông)  
 d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng  
 đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị  
 e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài  
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-  
 3. Công trình xây dựng khác: -/-  
 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-  
 5. Cây lâu năm: -/-  
 6. Ghi chú:

Cấp đổi từ GCNQSD đất số BX792124

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Lai Châu, ngày 28 tháng 3, năm 2022

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU

TU. GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Châu

Số vào sổ cấp GCN: CS03681

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Chuyển nhượng cho Bà Lò Thị Ngọc, Sinh năm: 1987, CCCD số: 0111187007148, địa chỉ thường trú: Tổ 9, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; theo hồ sơ số 003681.CN.001



Nguyễn Văn Châu



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông Lê Quang Tuất**  
Năm sinh: 1982, CCCD số: 036082015045  
Địa chỉ thường trú: Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

**Bà Trần Thị Ngọc**  
Năm sinh: 1985, CCCD số: 012185000957  
Địa chỉ thường trú: Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

CS 134151

2. Nội dung thay đổi, và cơ sở pháp lý

Người sử dụng đất: Đối địa chỉ thường trú từ Tổ 9, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên chuyển từ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, theo hồ sơ số: 003681.DT.004

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Ngày 05/04/2023

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải làm lại ngay với cơ quan cấp Giấy.



033872903681

Kèm theo giấy chứng nhận này có hàng hồ sơ số: 01




TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 78

Tờ bản đồ số: 43

Số phát hành GCN: CS134151

Số vào sổ cấp giấy: CS03681

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Lai Châu, địa chỉ: Tổ 27, Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu theo hồ sơ số 003681.TC.002</p>	<p>Ngày 04/11/2022</p>  <p><i>Nguyễn Văn Hải</i></p>
<p>Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 04/11/2022 theo hồ sơ số 003681.XC.003</p>	<p>Ngày 30/3/2023</p>  <p><i>Đào Thế An</i></p>
<p>Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lai Châu - PGD Đoàn Kết, địa chỉ: Số nhà 82, 84 đường Vũ A Dính, Phường Đoàn Kết, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu theo hồ sơ số 003681.TC.005</p>	<p>Ngày 14/4/2023</p>  <p><i>Nguyễn Văn Hải</i></p>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

Trang bổ sung số:..1...

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Địa chỉ: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu

Số điện thoại: 0919,918,518 – 0963.870.563

=====OOOOOOOOO=====


**SỔ TAY CHẤT LƯỢNG**

Mã số: STCL  
Lần ban hành: 01

Lai Châu, tháng 2 năm 2026





 ISO 17025:2005 Mã số: STCL	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 4/22

## PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

### I. Giới thiệu Công ty

Tên cơ quan: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Anh Dũng**

Địa chỉ: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu

Mobile: 0919,918,518 – 0963.870.563

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.


Địa chỉ: Tổ 05, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu

Mobile: 0919918518 – 0963.870.563

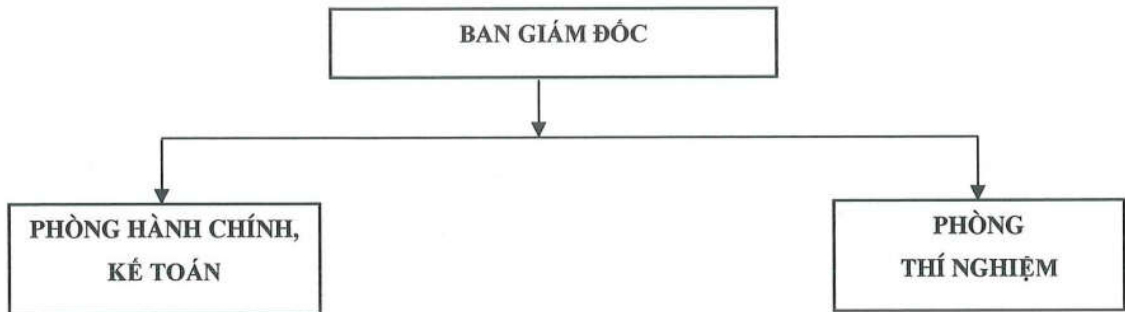
### II. Phạm vi áp dụng của hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL)

HTQLCL theo ISO 17025:2005 của Công ty được áp dụng trong lĩnh vực hoạt động sau đây:

**“Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình”**

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 5/22

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



### 1. Tổ chức bộ máy quản lý

#### a/ Ban Giám đốc công ty.

- Cơ cấu Ban giám đốc công ty:
  - + Giám đốc: 01 người
  - + Phó giám đốc chuyên môn: 01 người
- Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ đã được cụ thể hóa tại Điều lệ công ty.
- Phó giám đốc Công ty do Giám đốc công ty đề xuất, Hội đồng quản trị phê duyệt và ra quyết định. Phó giám đốc có các quyền và nhiệm vụ theo quyết định phân công công tác. Phó giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

#### b/ Các phòng ban chức năng

- Có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ do Ban Giám đốc giao, hoàn thành các công việc được giao theo đặc điểm riêng của từng phòng. Các phòng, ban và các đơn vị có cơ cấu như sau:
- Các phòng chức năng nghiệp vụ trong Công ty bao gồm:
  - Phòng Hành Chính – Kế Toán
  - Phòng Thí nghiệm LAS-XD

Mọi hoạt động của các phòng ban phải xây dựng phải tuân thủ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và Quy chế nội bộ của Công ty.

Các tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công Đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty Cổ phần hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Điều lệ của Công Đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội LHPN Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội.

- Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để cho các tổ chức trên hoạt động đúng điều lệ của các tổ chức đó và quy định của Pháp luật.



ISO 17025:2005

Mã số: STCL

**CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

**SỔ TAY CHẤT LƯỢNG**

Ngày ban hành: 02/02/2026

Lần ban hành: 01

Trang: 6/22

- Trong quá trình hoạt động, Công ty căn cứ vào tình hình thực tế của từng giai đoạn phát triển để lựa, bố trí cán bộ, nhân viên và thành lập hoặc giải thể các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ cho phù hợp nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trên cơ sở định biên đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

## **2. Phân cấp quản lý:**

Mọi hoạt động của Công ty được điều hành theo quy định của Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.


- Giám đốc công ty do Chủ tịch hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm điều hành, quản lý mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về những quyết định điều hành của mình.
- Phó Giám đốc công ty do Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc công ty. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những việc được phân công hoặc được Giám đốc ủy quyền.
- Các trưởng, phó phòng công ty do Giám đốc Công ty bổ nhiệm, là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những công việc được giao.

## **3 Phòng Hành chính – Kế toán**

### **1. Chức năng**

- Kiểm tra, kiểm soát việc chi tiêu đúng với quy định của Nhà nước về chế độ quản lý tài chính.
- Đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán thống kê phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc các phòng ban, các đội xây dựng thu thập hồ sơ chứng từ để phục vụ công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn.
- Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ tình hình, kết quả hoạt động của Công ty. Lập đầy đủ và gửi đúng hạn các báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán của Công ty theo đúng chế độ quy định.
- Thông qua công tác tài chính kế toán, tham gia nghiên cứu cải tiến tổ chức, cải tiến quản lý kinh doanh nhằm khai thác khả năng tiềm tàng. Khai thác sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn vào sản xuất, đảm bảo phát huy sự tự chủ tài chính của đơn vị
- Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.
- Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty
- Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty


### **2. Nhiệm vụ**

 ISO 17025:2005 Mã số: STCL	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 7/22

- Tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả hoạt động sản xuất của Công ty.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện thu, chi tài chính, kế hoạch vốn của Công ty. Phát hiện và đề xuất biện pháp ngăn ngừa kịp thời những hành vi tham ô lãng phí, vi phạm chính sách chế độ tài chính của nhà nước.
- Tổ chức phổ biến và hướng dẫn thi hành kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính, kế toán của nhà nước và các quy định của cấp trên về thống kê, thông tin kinh tế cho các đơn vị trực thuộc. Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ của các bộ phận kế toán trong công ty.
- Tham gia soạn thảo các văn bản pháp quy, các quy định của Công ty về quản lý tài chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Tham gia xem xét các dự án đầu tư, các phương án kinh doanh, đóng góp ý kiến để đảm bảo việc bảo toàn và tăng trưởng vốn.
- Công tác nội vụ của cơ quan, tiếp nhận, tổng hợp thông tin. Xử lý các thông tin theo chức năng, quyền hạn của phòng, báo cáo lãnh đạo khi không xử được.
- Tiếp khách, tiếp nhận tổng hợp các thông tin từ bên ngoài đến công ty. Xử lý các thông tin đó theo chức năng, quyền hạn của mình
- Tổ chức hội nghị và các buổi họp, đào tạo của Công ty.
- Soạn thảo văn bản, trình giám đốc ký các văn bản đối nội, đối ngoại và phải chịu trách nhiệm trước giám đốc về giá trị pháp lý của văn bản đó.
- Phát hành, lưu trữ, bảo mật con dấu cũng như các tài liệu đảm bảo chính xác, kịp thời, an toàn.
- Công tác tổ chức, chế độ chính sách: giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân sự theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể là:
- Tuyển dụng, quản lý nhân lực, điều động, chuyển chuyên người lao động.
- Giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo luật định và quy chế công ty.
- Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật của công ty.
- Lưu giữ và bổ sung hồ sơ CBCNV kịp thời, chính xác
- Là thành viên thường trực trong hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật, HD lương, khoa học kỹ thuật
- Tổ chức các lớp học, đào tạo bồi dưỡng kiến thức, nâng bậc thợ cho người lao động
- Quản lý công tác vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khu vực văn phòng và công cộng.
- Lập kế hoạch, kiểm tra, theo dõi, duy trì việc thực hiện chế độ bảo hộ lao động trong toàn công ty theo quy chế
- Bảo vệ tài sản công ty và tài sản người lao động trong địa phận công ty.
- Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự trị an trong toàn công ty.
- Quản lý nhân lực thực hiện theo luật nghĩa vụ quân sự.
- Đảm nhận việc cung cấp các nhu cầu phục vụ công tác văn phòng
- Thực hiện các nhiệm vụ khác có tính đột xuất theo lệnh của giám đốc công ty

### 3. Định biên:

- 01 Trưởng phòng

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 8/22

- 01 CBNV: 01 Kế toán tổng hợp kiêm kế toán thanh toán kiêm kế toán ngân hàng kiêm thủ quỹ
- 01 Cán bộ Hành chính – Nhân sự

#### 4. Phòng thí nghiệm

##### 1. Công tác đảm bảo chất lượng.

###### a, Quy định chung:

- Qua thực tế thí nghiệm nhận thấy: Một kết quả thí nghiệm phải trải qua nhiều công đoạn các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu (đất, đá, cát vv...) chúng thường có sự liên quan với nhau. Do đó các số liệu được ghi chép đầy đủ, rõ ràng, không được tẩy xoá.

- Số liệu ghi không chính xác yêu cầu gạch bỏ và ghi bằng số liệu khác bên cạnh số liệu cũ.

- Các phép thử phải được thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn của ngành, tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn Quốc tế quy định (AASHTO và ASTM)

- Trưởng các bộ phận và kỹ thuật viên thực hiện các phép thử chịu trách nhiệm về kết quả phép thử của mình. Trưởng phòng, Phó phòng là người phê duyệt kết quả thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết luận của P.T.N đối với phép thử do phòng thí nghiệm thực hiện.

###### b, Chế độ kiểm tra đối chứng các phép thử.

- Đối với các công trình quan trọng (trọng điểm) số liệu yêu cầu có độ chính xác cao, P.T.N lập đề cương thí nghiệm đề xuất gửi mẫu đến phòng thí nghiệm kiểm tra đối chứng tại các trung tâm thí nghiệm khác.

- Các nhân viên thí nghiệm phải thành thạo các phép thử. Khi nhận thấy nghi ngờ về kết quả phép thử, P.T.N yêu cầu nhân viên TN thực hiện lại phép thử để kiểm tra độ chính xác của phép thử.

###### c, Xác nhận hồ sơ TN.

- Hồ sơ thí nghiệm phải có đầy đủ xác nhận sau đây:

- Chữ ký của người thí nghiệm, người phụ trách bộ phận hoặc soát xét.

- Chữ ký của người phụ trách phòng thí nghiệm

- Đối với các Dự án Quốc tế, nếu có tư vấn giám sát thì hồ sơ thí nghiệm cần có chữ ký của Tư vấn vào phiếu lấy mẫu và kết quả thí nghiệm mẫu.

###### d, Quy định đối với đơn vị gửi mẫu thí nghiệm.

- Các đơn vị khi gửi mẫu tới P.T.N cần thực hiện yêu cầu sau:

- Mẫu phải đúng quy cách về số lượng quy định.

- Phiếu lấy mẫu và đề cương yêu cầu TN các phép thử.

- Tên và địa chỉ giao dịch, phản hồi khác vv.

###### e, Quy định kết quả TN; Sử dụng và bảo quản mẫu.

- Đơn vị hoặc cá nhân nào gửi mẫu thí nghiệm thì đơn vị và cá nhân đó nhận được thông báo hoặc kết quả thí nghiệm.


- Khi nhận kết quả thí nghiệm yêu cầu ký nhận vào sổ giao nhận tài liệu.

- Kết quả bản gốc TN được lưu trữ tại P.T.N.

- Mẫu TN được lưu trữ đặc trưng tại P.T.N như quy định.

#### 2 Tổ chức.

##### a, Người phụ trách.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 9/22

- Tổng số cán bộ thí nghiệm trong phòng thí nghiệm tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển và của Công ty và yêu cầu công việc cụ thể nhằm đảm bảo công việc được triển khai một cách hiệu quả, tối ưu.

- Trưởng phòng thí nghiệm là người phụ trách chung có nhiệm vụ : Hướng dẫn các kỹ thuật viên (nhân viên) của mình nội dung các phép thử theo tiêu chuẩn quy định. Người phụ trách chịu trách nhiệm về kết luận của mình.

- Các nhân viên TN phải nghiêm chỉnh thực hiện nội dung TN do trưởng phòng đã phổ biến theo đúng quy trình hoặc tổ chức quy định.

- Nhân viên TN phải chịu trách nhiệm về kết quả các phép thử do mình thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện có gì sai sót cần báo cáo để trưởng phòng nắm được và tìm biện pháp khắc phục.

- Trưởng phòng TN chịu trách nhiệm xác nhận hoặc ký xác nhận báo cáo kết quả của phòng.

*b, Phân công trách nhiệm.*


- Do tiến độ yêu cầu và tính chất công việc, do đó yêu cầu mỗi nhân viên phải thành thạo mọi phép thử khác nhau.

- Căn cứ tổ chức và năng lực của nhân viên thí nghiệm phân công nhiệm vụ như sau:  
 + Đồng chí: Đồng Phú Khanh - Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc, kiểm tra thí nghiệm và chất lượng thí nghiệm.

- Căn cứ khối lượng công việc cụ thể, trưởng phòng TN sẽ phân công cho từng tổ nhóm thực hiện công việc sao cho hiệu quả và đạt tiến độ đề ra.

*c, Nâng cao trình độ CBCNV.*

- Có kế hoạch thường xuyên bố trí CBCNV tập huấn tại các lớp chuyên đề nghiệp vụ chuyên môn do các viện khoa học đào tạo chủ trì, mặt khác thường xuyên tham khảo các tài liệu Quy trình kỹ thuật có liên quan tới chuyên môn nhằm mục đích không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao

 ISO 17025:2005 Mã số: STCL	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 10/22

**PHẦN II**  
**CÁC CHÍNH SÁCH CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI**  
**CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN**

**CHƯƠNG I: HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

**1. Yêu cầu chung đối với hệ thống quản lý chất lượng**

Công ty xây dựng thiết lập văn bản thực hiện và duy trì HTQLCL và thường xuyên nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chất lượng thông qua các hành động cụ thể:

- Xác định các quá trình cần thiết trong hệ thống quản lý chất lượng, xác định nhu cầu và văn bản hoá các quá trình của hệ thống. Các loại văn bản trên được phổ biến đến các cán bộ liên quan để triển khai áp dụng.
- Đảm bảo việc văn bản hoá các quá trình phải thể hiện được trình tự và các quá trình trong hệ thống quản lý chất lượng. Các văn bản HTQLCL được xây dựng chủ yếu bằng các sơ đồ dòng chảy và chúng dẫn chiếu đến nhau. Sự tương tác của các quá trình trong hệ thống được mô tả theo Phụ lục 1.
- Xác định các tiêu chí và phương pháp cần thiết đảm bảo cho công việc và kiểm soát các quá trình.
- Đảm bảo sẵn có các nguồn lực và thông tin cần thiết.
- Theo dõi, đo lường khi thích hợp và phân tích các quá trình, thực hiện các hành động cần thiết để thường xuyên cải tiến.

Khi có nhu cầu cần thuê, mua nguồn lực bên ngoài để hỗ trợ cho quá trình thực hiện công việc thì Công ty sẽ kiểm soát các quá trình này để dịch vụ luôn phù hợp với các yêu cầu và không ngừng cải tiến thoả mãn yêu cầu khách hàng. Các quá trình này được kiểm soát theo tiêu chuẩn ISO 17025: 2005.


**2. Yêu cầu về hệ thống tài liệu**

Tài liệu hệ thống chất lượng của Công ty bao gồm:

- Các văn bản công bố chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng.
- Sổ tay chất lượng.
- Các thủ tục dạng văn bản và các hồ sơ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.
- Các tài liệu bao gồm cả hồ sơ khác như qui định, qui chế của Công ty,.
- Các văn bản pháp quy, các tiêu chuẩn liên quan.

**3. Sổ tay chất lượng**

Công ty xây dựng và duy trì sổ tay chất lượng bao gồm:

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

- Các nội dung chi tiết và những giải thích về các yêu cầu mà Công ty không áp dụng.
- Các thủ tục dạng văn bản được thiết lập cho HTQLCL hoặc việc dẫn đến chúng.
- Mô tả sự tương tác của chúng ảnh hưởng đến HTQLCL (*sơ đồ tương tác của các quá trình trong HTQLCL theo Phụ lục 1*)

#### **4. Kiểm soát tài liệu**


Công ty xây dựng một thủ tục kiểm soát tài liệu nhằm đáp ứng các yêu cầu tại quy định của ISO 17025:2005 và kiểm soát các tài liệu của Công ty.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình kiểm soát tài liệu QT01

#### **5. Kiểm soát hồ sơ**

Công ty xây dựng thủ tục văn bản để kiểm soát hồ sơ chất lượng để đảm bảo rằng các hồ sơ đều dễ nhận biết, bảo quản, bảo vệ, sử dụng, có thời gian lưu trữ và huỷ bỏ đều được quy định. Các hồ sơ chất lượng cần thiết đều được xác định và lập danh mục hồ sơ theo từng phòng. Mỗi phòng đều thiết lập và lưu giữ một danh mục hồ sơ chất lượng. Danh mục qui định thời gian lưu giữ, trách nhiệm lưu, phương pháp lưu, phương pháp huỷ bỏ các hồ sơ chất lượng.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình kiểm soát hồ sơ QT02


 ISO 17025:2005 Mã số: STCL	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 12/22

## CHƯƠNG II: TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO

### 1. Cam kết của lãnh đạo

Lãnh đạo Công ty cam kết xây dựng và thực hiện HTQLCL, thường xuyên cải tiến và nâng cao hiệu lực của hệ thống bằng các biện pháp cụ thể như sau:

- Tổ chức phổ biến đến toàn thể nhân viên trong Công ty về chính sách chất lượng của Công ty.
- Mở các lớp tập huấn theo yêu cầu của ISO 17025:2005 và các tiêu chuẩn ISO tương đương để mọi người hiểu rõ trách nhiệm các công việc mà mình được giao trong HTQLCL của Công ty.
- Các nhân viên trong Công ty hiểu rõ và thoả mãn yêu cầu của khách hàng về mặt chất lượng trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước và quy định của Công ty.
- Lãnh đạo xây dựng chính sách chất lượng và cam kết thực hiện chính sách chất lượng
- Đảm bảo chính sách chất lượng được thực hiện nghiêm túc và thường xuyên cải tiến. Công ty thực hiện các mục tiêu chất lượng được hoạch định theo từng thời kỳ.
- Để đảm bảo HTQLCL thực hiện và thường xuyên được cải tiến, Giám đốc Công ty cam kết đáp ứng các nguồn lực cần thiết để xây dựng chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

## 2. Định hướng khách hàng

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các yêu cầu của khách hàng được xác định nhằm đáp ứng, nâng cao sự thoả mãn của khách hàng. Các phòng chuyên môn, các bộ phận, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tiếp nhận xác định rõ các yêu cầu của khách hàng, tiến hành theo dõi thu thập các thông tin liên quan đến sự thoả mãn của khách hàng trên cơ sở đó có các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và tăng cường sự thoả mãn của khách hàng.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình đánh giá sự thoả mãn của khách hàng QT07

## 3. Chính sách chất lượng

Chính sách chất lượng là định hướng và cam kết lâu dài của Công ty, được Lãnh đạo Công ty thiết lập và truyền đạt tới mọi thành viên trong phạm vi áp dụng của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 17025:2005 của Phòng thí nghiệm thiết lập chính sách chất lượng:

**“Khách quan, trung thực, chính xác và cải tiến liên tục để đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng”**

## 4. Hoạch định HTQLCL


### a) Mục tiêu chất lượng

Mục tiêu chất lượng được xây dựng trên cơ sở chính sách chất lượng. Mục tiêu chất lượng được xây dựng hàng năm, tại các phòng chuyên môn, các bộ phận chức năng xem xét xây dựng các mục tiêu chất lượng cho đơn vị mình trên cơ sở chính sách chất lượng và nhiệm vụ được giao. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm lập các biện pháp thực hiện mục tiêu chất lượng. Mục tiêu chất lượng được xây dựng, được xem xét đánh giá hàng năm tại cuộc họp xem xét của Lãnh đạo

### b) Hoạch định hệ thống chất lượng

Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng:

- Hoạch định HTQLCL để đáp ứng các yêu cầu nêu trong tiêu chuẩn ISO 17025: 2005 cũng như các mục tiêu chất lượng. Việc hoạch định thông qua việc xác định các quy trình, xây dựng hệ thống văn bản, các biện pháp để thực hiện mục tiêu chất lượng và xác định các nguồn lực cần thiết để thực hiện các mục tiêu chất lượng và thực hiện các quá trình.
- Đảm bảo tính nhất quán của HTQLCL được duy trì, khi các thay đổi với hệ thống được hoạch định và thực hiện.

 ISO 17025:2005 Mã số: STCL	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 14/22

## 5. Trách nhiệm và quyền hạn

### *a) Trách nhiệm và quyền hạn*

Lãnh đạo Công ty xác định trách nhiệm và các mối quan hệ trong công việc và bảo đảm quyền hạn của các thành viên trong Công ty để thực hiện công việc được giao thông qua:

- Chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, các bộ phận, cá nhân,
- Sơ đồ Phòng thí nghiệm
- Các quy trình trong HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 17025:2005.
- Đảm bảo toàn bộ nhân viên trong Công ty nhận thức được yêu cầu của khách hàng về mặt chất lượng dịch vụ thông qua các biện pháp tuyên truyền nội bộ các cuộc họp giao ban.

### *b) Đại diện lãnh đạo*

Giám đốc Công ty bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty làm Đại diện của lãnh đạo về chất lượng (ĐDLĐ), ngoài các trách nhiệm khác, ĐDLĐ có trách nhiệm đảm bảo duy trì hiệu lực, hiệu quả HTQLCL, tiến hành các cải tiến (nếu có) và thường xuyên báo cáo về tình trạng HTQLCL cho Giám đốc Công ty.


### *c) Trao đổi thông tin nội bộ*

Hệ thống thông tin được trao đổi thường xuyên giữa các phòng ban của Công ty dựa trên bản phân công chức năng nhiệm vụ do Giám đốc ban hành.

## 6. Xem xét của lãnh đạo

Lãnh đạo Công ty định kỳ xem xét HTQLCL 12 tháng/ lần để đưa ra các quyết định duy trì và cải tiến hiệu lực, hiệu quả của HTQLCL theo như yêu cầu tại điều 5.6 tiêu chuẩn ISO 17025:2005.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình xem xét của lãnh đạo QT06

 ISO 17025:2005 Mã số: STCL	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> <b>HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM</b> <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 15/22

## CHƯƠNG III: QUẢN LÝ NGUỒN LỰC

### 1. Cung cấp nguồn lực

Lãnh đạo Công ty xác định và cung cấp, nguồn lực cần thiết kịp thời để thực hiện duy trì HTQLCL nhằm:

- Không ngừng nâng cao tính hiệu lực của hệ thống.
- Đảm bảo thoả mãn nhu cầu của khách hàng thông qua việc đáp ứng các yêu cầu và trên cơ sở pháp luật của Nhà nước.

### 2. Nguồn nhân lực

Các nhân viên trong Công ty khi được phân công công việc có ảnh hưởng tới sự phù hợp với các yêu cầu của dịch vụ đều phải có năng lực thông qua việc giáo dục, đào tạo có kỹ năng và các kinh nghiệm thích hợp được xác định thông qua văn bản mô tả công việc.

Để đảm bảo các nhân viên trong công ty có đủ năng lực thực hiện các công việc được giao, Công ty tiến hành:


- Xác định năng lực cần thiết của những người thực hiện các công việc ảnh hưởng đến sự phù hợp với các yêu cầu của công việc.
- Đào tạo hoặc những hành động khác để đạt được năng lực cần thiết.
- Đánh giá hiệu lực của hành động thực hiện.
- Đảm bảo rằng các nhân viên trong công ty nhận thức được mối liên quan và tầm quan trọng của các hoạt động của họ và họ đóng góp như thế nào đối với việc đạt được mục tiêu chất lượng.
- Duy trì hồ sơ thích hợp về giáo dục, đào tạo, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn.

### 3. Cơ sở hạ tầng

Ban lãnh đạo Công ty xác định, cung cấp, duy trì cơ sở hạ tầng cần thiết để bảo đảm sự phù hợp đối với yêu cầu của dịch vụ cung cấp cho các khách hàng và yêu cầu của các quá trình thực hiện công việc.

Cơ sở hạ tầng bao gồm:


- Nhà cửa, không gian làm việc và các điều kiện kèm theo.
- Trang thiết bị phục vụ công việc (cả phần mềm và phần cứng), hệ thống công nghệ thông tin an toàn lao động vệ sinh môi trường.
- Dịch vụ hỗ trợ cho thực hiện các công việc (vận chuyển hoặc trao đổi thông tin hay hệ thống thông tin...).

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 16/22

**Tài liệu liên quan:** Quy trình quản lý thiết bị QT10

#### **4. Môi trường làm việc**

Công ty đảm bảo xác định và quản lý môi trường làm việc cần thiết để đạt sự phù hợp với các yêu cầu của dịch vụ, trong đó chú ý tạo môi trường làm việc thuận lợi, có văn hóa để cán bộ làm việc có hiệu quả hơn.

 ISO 17025:2005 Mã số: STCL	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 17/22

## **CHƯƠNG IV: QUÁ TRÌNH TẠO SẢN PHẨM**

### **1. Hoạch định**

Công ty tiến hành lập kế hoạch và triển khai các quá trình cần thiết để thực hiện các công việc để cung cấp các dịch vụ. Các quá trình này đều nhất quán với các yêu cầu khác của HTQLCL. Trong quá trình xây dựng kế hoạch và các qui trình, hướng dẫn thực hiện cho một loại dịch vụ, Công ty xem xét các vấn đề sau:

- Các mục tiêu chất lượng và các yêu cầu đối với dịch vụ.
- Nhu cầu thiết lập các quá trình và tài liệu cũng như cung cấp các nguồn lực cụ thể đối với mỗi loại dịch vụ cụ thể.
- Các hoạt động kiểm tra xác nhận, xác nhận giá trị sử dụng, theo dõi, đo lường, kiểm tra phê duyệt cụ thể cần thiết đối với từng loại dịch vụ hành chính và các yêu cầu cụ thể đối với các dịch vụ cung cấp.
- Các hồ sơ cần thiết để cung cấp bằng chứng chứng tỏ rằng các quá trình thực hiện và dịch vụ hành chính cung cấp cho các khách hàng được đáp ứng các yêu cầu.


### **2. Các quá trình liên quan đến khách hàng**

Lãnh đạo Công ty, các phòng chuyên môn, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng theo nhiệm vụ của mình. Khi tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng cần xác định các yêu cầu liên quan đến các dịch vụ cung cấp, bao gồm yêu cầu của Pháp luật, của Khách hàng và các yêu cầu của Công ty.

Công ty tiến hành xem xét các yêu cầu liên quan đến việc cung cấp dịch vụ để đảm bảo Công ty có khả năng đáp ứng được yêu cầu này. Quá trình xem xét phải đảm bảo yêu cầu về dịch vụ cung cấp được xác định rõ và đáp ứng các yêu cầu của khách hàng, các yêu cầu trong bằng các loại văn bản liên quan nếu thấy khác với những gì đã nêu trước đó phải được giải quyết ổn thoả.

Khi các yêu cầu về dịch vụ thay đổi, Công ty đảm bảo rằng các văn bản tương ứng được sửa đổi và các cá nhân liên quan đến nhận thức được các yêu cầu thay đổi đó.

Trong quá trình thực hiện công việc, nếu cần thiết phải bổ sung những thông tin liên quan đến yêu cầu của khách hàng, bộ phận/ cá nhân giải quyết có trách nhiệm trao đổi với khách hàng biết để bổ sung. Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về dịch vụ, bộ phận/ cá nhân giải quyết phải tiếp nhận và hướng dẫn cho khách hàng làm lại các thủ tục cần thiết.

 ISO 17025:2005 Mã số: STCL	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 18/22

Khi có sai sót trong kết quả dịch vụ do khách hàng khiếu nại, bộ phận trực tiếp xử lý phải ghi nhận vào hồ sơ và báo cáo kịp thời với lãnh đạo biết để có biện pháp xử lý khắc phục. Những văn bản (hay thông qua Fax, điện thoại, email,) khiếu nại của khách hàng phải được lưu giữ để làm cơ sở cho hành động khắc phục/ phòng ngừa sai sót.

### 3. Thiết kế sản phẩm

*Không áp dụng.*

### 4. Quá trình mua hàng

Công ty tiến hành đánh giá, lựa chọn và theo dõi các nhà cung cấp và kiểm tra sản phẩm mua vào để đảm bảo sản phẩm mua vào luôn phù hợp với các yêu cầu quy định, cách thức và mức độ kiểm soát đối với người cung ứng và sản phẩm mua vào phụ thuộc vào sự tác động của sản phẩm mua vào đối với việc cung cấp dịch vụ của Công ty.

Thông tin mua hàng miêu tả sản phẩm được mua bao gồm: quy cách số lượng, địa điểm giao hàng, các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm.... Các thông tin mua hàng được thể hiện trên hợp đồng hoặc đơn đặt hàng.

Các sản phẩm mua vào được kiểm tra thử nghiệm để bảo đảm các yêu cầu mua hàng theo quy định. Phòng chuyên môn, bộ phận hoặc cá nhân có liên quan có trách nhiệm tiến hành kiểm tra các sản phẩm mua vào trước khi nhập kho hoặc bàn giao đưa vào sử dụng.

### 5. Kiểm soát và cung cấp dịch vụ

#### a) Kiểm soát các quá trình cung cấp dịch vụ

Các bộ phận/ cá nhân khi thực hiện các công việc đều có trách nhiệm tuân thủ các qui trình, hướng dẫn công việc, các văn bản pháp luật liên quan.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình đánh giá sự thỏa mãn khách hàng QT07

Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09

Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu QT10


Quy trình thí nghiệm QT08

#### b) Xác định giá trị sử dụng của quá trình cung cấp dịch vụ

Công ty phải xác định giá trị sử dụng đối với các quá trình cung cấp dịch vụ, khi kết quả đầu ra không thể kiểm tra xác nhận bằng cách theo dõi, xem xét, phê duyệt sau đó.

Đối với các quá trình trên, khi có thể, Công ty tiến hành xem xét vấn đề sau:

- Các yêu cầu, qui định để xem xét và phê duyệt các quá trình thực hiện các công việc.
- Phê duyệt trình độ năng lực của nhân viên.
- Xây dựng các hướng dẫn và thủ tục thực hiện các công việc cụ thể;
- Các yêu cầu về hồ sơ cần lưu giữ.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

- Tái xác nhận giá trị sử dụng.

**c) Nhận biết và xác định nguồn gốc dịch vụ**

Các dịch vụ cung cấp được nhận biết bằng tên khách hàng, số mã hiệu hợp đồng, ngày tháng ban hành văn bản, số mã hiệu văn bản....

Trong quá trình thực hiện cung cấp từng loại dịch vụ cụ thể, ở từng giai đoạn thích hợp, kết quả giải quyết công việc sẽ được xem xét, phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền theo qui định của Công ty.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09

Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu QT10

Quy trình thí nghiệm QT08

**d) Tài sản của khách hàng**

Khi tiếp nhận các tài sản của khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ các nhân viên của công ty phải xem xét, khi cần thiết, phải ghi số, mã hoá và lập biên bản tiếp nhận các tài sản (khi cần thiết). Các nhân viên của công ty phải đảm bảo các tài sản của khách hàng phải được lưu giữ cẩn thận và phải nhận biết được tình trạng của các tài liệu.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09

Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu QT10

Quy trình thí nghiệm QT08

**e) Bảo toàn dịch vụ**

Các loại tài liệu, hồ sơ trong quá trình giải quyết công việc, khi chuyển giao cho khách hàng đều được xem xét để đảm bảo tài liệu, hồ sơ không bị thất lạc, đến tận tay khách hàng có yêu cầu.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09


Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu QT10

Quy trình thí nghiệm QT08

**6. Kiểm soát phương tiện theo dõi đo lường**

Công ty thiết lập một thủ tục để kiểm tra các thiết bị kiểm tra đo lường thử nghiệm để đảm bảo có độ chính xác đạt yêu cầu đề ra và yêu cầu của tiêu chuẩn ISO17025:2005.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình quản lý thiết bị QT11

 ISO 17025:2005 Mã số: STCL	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 20/22

## CHƯƠNG V: ĐO LƯỜNG, PHÂN TÍCH, CẢI TIẾN

### 1. Theo dõi và đo lường

#### *a) Sự thỏa mãn của khách hàng*

Phòng Thí nghiệm tiến hành thu thập ý kiến khách hàng thông qua phiếu góp ý và có trách nhiệm tập hợp và chuyển các phòng chuyên môn, các bộ phận liên quan, lãnh đạo Công ty xem xét để triển khai thực hiện các hành động cải tiến theo qui trình hành động khắc phục/phòng ngừa.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình hành động khắc phục, phòng ngừa QT04  
 Quy trình đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng QT06

#### *b) Đánh giá chất lượng nội bộ*

Công ty tiến hành đánh giá chất lượng nội bộ ít nhất 12 tháng/một lần để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng:

- Phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn, yêu cầu của HTQLCL được thiết lập.
- Được áp dụng một cách có hiệu lực, được duy trì.

Kế hoạch đánh giá, chương trình đánh giá được xây dựng dựa trên tình trạng và tầm quan trọng của các quá trình, khu vực được đánh giá và kết quả của các cuộc đánh giá trước.

- Chuyên gia đánh giá là những người không được đánh giá công việc của mình.
- Đại diện lãnh đạo có trách nhiệm xem xét báo cáo đánh giá có chất lượng nội bộ.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ QT03  
 Quy trình hành động khắc phục, phòng ngừa QT06


#### *c) Theo dõi và đo lường các quá trình*

Công ty tổ chức các phương pháp thích hợp cho việc kiểm tra, phê duyệt các quá trình thực hiện công việc của nhân viên trong công ty theo qui định nhằm đảm bảo kết quả của các công việc được thực hiện đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng, yêu cầu của Công ty và các yêu cầu Pháp luật.

#### *d) Theo dõi và đo lường sản phẩm*

- Công ty tiến hành theo dõi, kiểm tra, phê duyệt các kết quả giải quyết công việc để xác nhận rằng dịch vụ cung cấp đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và các yêu cầu về Luật định.

- Các kết quả theo dõi, kiểm tra, phê duyệt được thực hiện thông qua các văn bản giải quyết công việc ở từng giai đoạn thích hợp theo qui định.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
	Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

**Tài liệu liên quan:** Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu QT09  
 Quy trình thí nghiệm QT08

## 2. Kiểm soát sự không phù hợp

Các nhân viên trong công ty có trách nhiệm xác định, thực hiện xử lý các vấn đề không phù hợp trong quá trình thực hiện các công việc cung cấp dịch vụ liên quan. Kết quả sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu về luật định. Sự không phù hợp có thể là:

- Các tài liệu hướng dẫn khách hàng không đạt yêu cầu.
- Các sai sót trong quá trình giải quyết công việc.
- Các kết quả đánh giá nội bộ, đánh giá của khách hàng, đánh giá của bên thứ ba có liên quan đến sự không phù hợp.
- Thời gian thực hiện công việc, cung cấp dịch vụ chậm trễ, không đạt yêu cầu....
- Khiếu nại của các cá nhân tổ chức về các dịch vụ cung cấp.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình kiểm soát sự không phù hợp QT05

## 3. Phân tích dữ liệu

Công ty tiến hành xác định, thu nhập và phân tích các dữ liệu tương ứng để chứng tỏ sự thích hợp và tính hiệu lực của HTQLCL và đánh giá xem sự cải tiến thường xuyên hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng.

Các thông tin cần phân tích là các thông tin thu thập từ các ý kiến khách hàng, các khiếu nại của khách hàng, thông tin các kết quả giải quyết công việc.

## 4. Cải tiến


### a) Cải tiến thường xuyên

Công ty thường xuyên nâng cao tính hiệu lực của HTQLCL thông qua việc sử dụng chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, kết quả đánh giá, phân tích dữ liệu, hành động khắc phục phòng ngừa và xem xét của lãnh đạo.

### b) Hành động khắc phục, phòng ngừa

Công ty phải thực hiện hành động khắc phục/phòng ngừa nhằm loại bỏ các nguyên nhân của sự không phù hợp để ngăn chặn sự tái diễn/ xuất hiện. Việc thực hiện các hành động khắc phục/ phòng ngừa tương ứng với tác động của sự không phù hợp gặp bao gồm:

- Xem xét sự không phù hợp
- Xác định nguyên nhân của sự không phù hợp
- Xem xét thực hiện các biện pháp cần có để bảo đảm rằng sự không phù hợp không tái diễn/ xuất hiện.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>SỔ TAY CHẤT LƯỢNG</b>		
Mã số: STCL	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 22/22

- Xác định và thực hiện các hành động cần thiết.
- Lưu hồ sơ các kết quả của hàng được thực hiện.
- Xem xét hiệu lực của các hành động khắc phục đã được thực hiện.

**Tài liệu liên quan:** Quy trình hành động khắc phục, phòng ngừa QT04

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Địa chỉ: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu

Số điện thoại: 0919,918,518 – 0963.870.563

=====O00000O000=====

**QUY TRÌNH  
NHẬN MẪU VÀ LƯU MẪU**

**Mã số: QT01**




**Lần ban hành: 01**

**Lai Châu, tháng 02 năm 2026**

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH NHẬN VÀ LƯU MẪU</b>		
	Mã số: QT01	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

### THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Ngày	Vị trí trong tài liệu	Nội dung sửa đổi	Ghi chú

	Người biên soạn	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Kiều Duy Văn	Đồng Phú Khanh	Vũ Hoàng Tinh
Chức vụ	Thí Nghiệm Viên	TP. Thí nghiệm	Giám đốc
Chữ ký			

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH NHẬN VÀ LƯU MẪU</b>		
	Mã số: QT01	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy định các bước cần thực hiện trong công tác nhận mẫu thí nghiệm nhằm đảm bảo mẫu được nhận đúng; đủ, đảm bảo mẫu được lưu đúng quy trình và không bị thất lạc cũng như thời gian lưu mẫu được theo dõi.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho mẫu thí nghiệm do khách hàng mang đến phòng thí nghiệm cũng như mẫu do nhân viên thí nghiệm lấy ngoài công trường mang về phòng.

## 3. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Sổ tay chất lượng

## 4. THUẬT NGỮ - ĐỊNH NGHĨA

STCL      Sổ tay chất lượng.

## 5. NỘI DUNG



ISO 17025:2005

**CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

**QUY TRÌNH NHẬN VÀ LƯU MẪU**

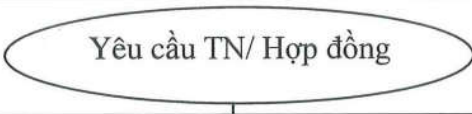
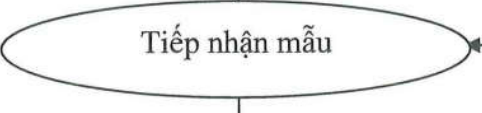

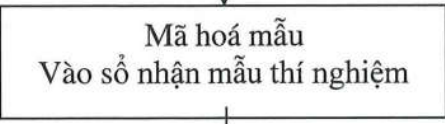
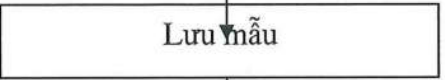
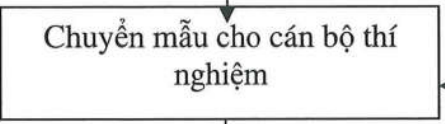
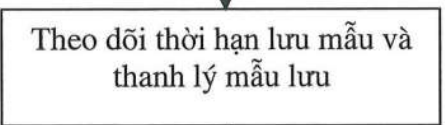
Mã số: QT01

Ngày ban hành: 02/02/2026

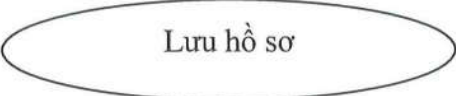
Lần ban hành: 01

Trang: 4/7

**5.1. Lưu đồ:**

Trách nhiệm	Tiến trình	Mô tả/ Biểu mẫu
Cán bộ tiếp nhận/ Người được giao		5.2.1
Cán bộ tiếp nhận		5.2.2
Cán bộ tiếp nhận		5.2.3
Cán bộ tiếp nhận		5.2.4 BM
Cán bộ lưu mẫu		5.2.5
Cán bộ lưu mẫu		5.2.6 BM
Cán bộ lưu mẫu/ Người được giao		5.2.7

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH NHẬN VÀ LƯU MẪU</b>		
	Mã số: QT01	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

Cán bộ lưu Hồ sơ/ Phòng KT		5.2.8
-------------------------------	--	-------

## 5.2. Diễn giải:

### 5.2.1. Tiếp nhận yêu cầu thí nghiệm:

Đối với công việc lấy mẫu theo Hợp đồng/Dự án mà Công ty đã ký kết với khách hàng phòng thí nghiệm sẽ tiến hành lấy mẫu trong phòng hoặc ngoài hiện trường theo tiến độ thi công của Dự Án

- Đối với các mẫu không thực hiện theo Dự Án/Hợp đồng mà do khách hàng yêu cầu lẻ, trực tiếp thì trước khi thực hiện công tác lấy mẫu phải Báo cáo lãnh đạo/Người phụ trách các yêu cầu đó phải được xem xét khả năng thực hiện khả thi thì mới tiếp nhận sau đó công việc lấy mẫu phải được tiến hành đầy đủ các bước như khi làm dự án/Hợp đồng.

### 5.2.1. Tiếp nhận và kiểm tra mẫu thí nghiệm:

Nhân viên tại phòng Thí nghiệm đã được phân công có trách nhiệm tiếp nhận mẫu do khách hàng mang đến phòng hoặc do cán bộ được phân công lấy mẫu ngoài hiện trường mang về phòng thí nghiệm.

Mẫu thí nghiệm chỉ được tiếp nhận sau khi cán bộ tiếp nhận kiểm tra mẫu, đảm bảo mẫu được nhận đúng, đủ, phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn, phương pháp thí nghiệm và yêu cầu của khách hàng.

Đối với trường hợp tiếp nhận mẫu đồng thời tiếp nhận cả yêu cầu của khách hàng thì cán bộ tiếp nhận phải xem xét yêu cầu của khách hàng, xác định khả năng đáp ứng được hay không các yêu cầu của khách hàng. Khi không thể quyết định được, cán bộ tiếp nhận phải báo cáo lãnh đạo phòng/ lãnh đạo công ty để xin ý kiến giải quyết.

### 5.2.2. Mã hóa mẫu, vào sổ giao nhận và lưu mẫu:

Cán bộ tiếp nhận tiến hành mã hoá mẫu tiếp nhận để theo dõi, vào sổ giao nhận và lưu mẫu theo biểu mẫu BM.

Quy định mã hóa mẫu thí nghiệm:

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH NHẬN VÀ LƯU MẪU</b>		
	Mã số: QT01	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

- Đối với các mẫu thí nghiệm được thực hiện theo Hợp đồng/Dự án thì Mẫu thí nghiệm sẽ được quy định mã hóa như sau:

Ký hiệu mã hóa mẫu là: HA/B

Trong đó: + H là quy định mã hóa cho mẫu theo Hợp đồng, dự án mà Công ty có ký kết Hợp đồng với khách hàng

+ A: là thứ tự mẫu trong một năm thí nghiệm được đánh số thứ tự từ 0001-9999

+ B: là ký hiệu loại mẫu thí nghiệm được quy tại phòng như sau:

- Mẫu thí nghiệm xi măng: XM

- Mẫu thí nghiệm Bê tông: BT

- Mẫu thí nghiệm vữa xi măng: VX

- Mẫu thí nghiệm cốt liệu cát, đá, sỏi: CD

- Mẫu thí nghiệm Đất: Đ

- Mẫu thí nghiệm nhựa Bitum: NBT

- Mẫu thí nghiệm Bê tông nhựa: BTN

- Mẫu thí nghiệm mẫu gạch xây: GX

- Mẫu thí nghiệm gạch bloc bê tông: GBT

- Đối với các mẫu thí nghiệm được thực hiện theo không qua ký kết Hợp đồng/Dự án mà công ty đã ký kết mà là do khách hàng yêu cầu trực tiếp, các mẫu lẻ thì Mẫu thí nghiệm sẽ được quy định mã hóa như sau:

Ký hiệu mã hóa mẫu là: LA/B

Trong đó: + L là quy định mã hóa cho mẫu không theo Hợp đồng/Dự án mà Công ty có ký kết Hợp đồng với khách hàng, do yêu cầu trực tiếp của khách hàng, yêu cầu đơn lẻ

Các quy ký hiệu còn lại theo quy định trên

### **5.2.3. Lưu mẫu:**

Trường hợp có yêu cầu phải lưu mẫu trước khi đưa vào thí nghiệm, cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm chuyển mẫu cho cán bộ phụ trách quản lý theo phân công của phòng thí nghiệm.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH NHẬN VÀ LƯU MẪU</b>		
	Mã số: QT01	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

Cán bộ được phân công phụ trách lưu mẫu có trách nhiệm thực hiện việc quản lý mẫu lưu theo quy định:

- Mẫu lưu phải thực hiện đúng quy trình lưu mẫu về điều kiện môi trường, bao gói...
- Thời gian lưu theo yêu cầu của khách hàng hoặc tuân thủ quy định của các tiêu chuẩn thí nghiệm.

**5.2.4. Chuyển mẫu cho cán bộ thí nghiệm:**

Khi có sự phân công của lãnh đạo phòng Thí nghiệm, cán bộ tiếp nhận/ cán bộ lưu mẫu có trách nhiệm chuyển giao mẫu cho cán bộ được phân công tiến hành thí nghiệm.

Quá trình giao nhận mẫu phải được ghi nhận vào sổ giao theo dõi hoạt động thí nghiệm (BM).

**5.2.5. Theo dõi thời hạn lưu mẫu và thanh lý mẫu lưu:**

Cán bộ lưu mẫu có trách nhiệm theo dõi thời hạn lưu mẫu, nếu hết hạn lưu mẫu thì đề xuất phương án thanh lý mẫu lưu trình lãnh đạo phòng Thí nghiệm/ lãnh đạo công ty phê duyệt.

Cán bộ lưu mẫu/ cán bộ được phân công thanh lý mẫu tiến hành thanh lý theo phương án đã được phê duyệt và phải luôn đảm bảo về bảo vệ môi trường trong quá trình thanh lý mẫu.

**5.2.6. Lưu hồ sơ:**

Phòng Thí nghiệm có trách nhiệm lưu các hồ sơ theo quy định tại mục 6 của quy trình này.

**6. Hồ sơ:**

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu hồ sơ	Thời gian lưu	Nơi lưu
1	Sổ theo dõi hoạt động thí nghiệm	BM	Theo quy định	Phòng Thí nghiệm

**7. Phụ lục:**

- Sổ theo dõi hoạt động thí nghiệm: BM

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Địa chỉ: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu

Số điện thoại: 0919,918,518 – 0963.870.563

=====O000000000=====

**QUY TRÌNH  
SỐ HÓA HỒ SƠ**

**Mã số: QT01  
Lần ban hành: 01**

**Lai Châu, tháng 2 năm 2026**



ISO 17025:2005

Mã số: QT02

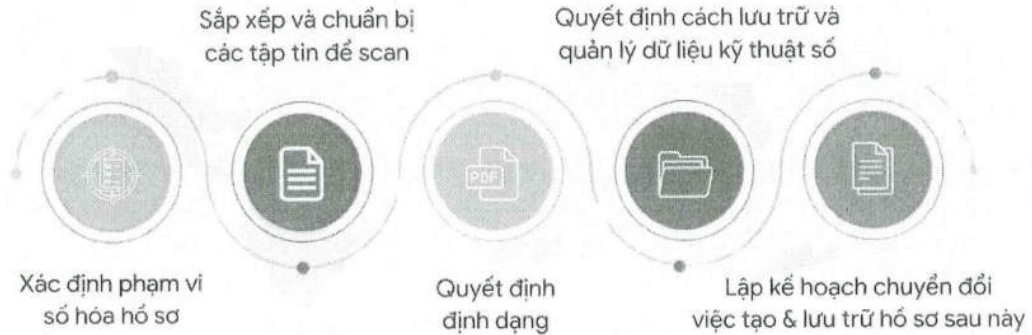
**CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
**QUY TRÌNH SỐ HÓA HỒ SƠ**

Ngày ban hành: 02/02/2026

Lần ban hành: 01

Trang: 2/4

**5 BƯỚC SỐ HÓA HỒ SƠ**



	<b>Người biên soạn</b>	<b>Người kiểm tra</b>	<b>Người phê duyệt</b>
Họ và tên	Kiều Duy Văn	Đông Phú Khanh	Vũ Hoàng Tinh
Chức vụ	Thí Nghiệm Viên	TP. Thí nghiệm	Giám đốc
Chữ ký			



 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>QUY TRÌNH SỐ HÓA HỒ SƠ</b>		
Mã số: QT02	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 3/4

## 1. Mục đích:

Quy định việc lập, lưu trữ, bảo quản và hình thức huỷ bỏ (nếu có) đối với các hồ sơ của Công ty.

## 2. Phạm vi:

Áp dụng cho những hồ sơ thuộc quyền quản lý của các phòng chuyên môn.

## 3. Tài liệu liên quan:

Các quy trình liên quan:

## 4. Định nghĩa:

\* *Hồ sơ*: Là văn bản, sổ sách lưu lại kết quả công việc đã thực hiện.

\* *Tài liệu*: Là văn bản hướng dẫn thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.

## 5. Nội dung:

### 5.1. Lập hồ sơ:

Cán bộ CNVC khi thực hiện các quy trình, hướng dẫn v.v. có trách nhiệm lập các hồ sơ theo đúng quy định của các quy trình liên quan.

### 5.2. Lưu trữ và bảo quản:

Các phòng có trách nhiệm áp dụng các hình thức lưu trữ và bảo quản phù hợp với bộ phận và theo quy định chung, đảm bảo hồ sơ lưu trữ khoa học, dễ lấy khi cần sử dụng, tránh hư hỏng mất mát do tác động của môi trường và các nguyên nhân khác.

### 5.3. Quản lý hồ sơ:

Hồ sơ thuộc bộ phận do các bộ phận được theo dõi bằng danh mục các hồ sơ chất lượng theo biểu mẫu:

**5.4. Thời gian lưu trữ:** Các hồ sơ tùy theo giá trị sử dụng được lưu trữ hợp lý theo từng quy trình quy định.

Khi huỷ hồ sơ phải có biên bản huỷ bỏ và bảng kê huỷ bỏ có sự phê duyệt của người có thẩm quyền.

*Đối với các loại hồ sơ không được quy định kiểm soát tại các quy trình của Công ty, các phòng phải quy định cách thức kiểm soát vào biểu mẫu và tổ chức thực hiện theo đúng quy định.*

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH SỐ HÓA HỒ SƠ</b>		
	Mã số: QT02	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

#### 6. Hồ sơ:

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu hồ sơ	Trách nhiệm lưu
1.	Danh mục hồ sơ		Đại diện lãnh đạo Các phòng
2.	Biên bản hủy		Các phòng liên quan

#### 7. Phụ lục:

- Danh mục hồ sơ: BM

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Địa chỉ: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu

Số điện thoại: 0919,918,518 – 0963.870.563


=====O000000000=====

**QUY TRÌNH  
LẤY MẪU, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN MẪU**

Mã số: QT02  
Lần ban hành: 01

Lai Châu, Tháng 2 năm 2026



 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>QUY TRÌNH LẤY MẪU, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN MẪU</b>		
Mã số: QT02	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 3/7

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy định các bước cần thực hiện trong công tác nhận mẫu thí nghiệm nhằm đảm bảo mẫu được lấy đúng, lấy đủ, đảm bảo tiêu chuẩn, đảm bảo tính khách quan và sự nguyên dạng của mẫu, không bị các điều kiện tác động khác từ bên ngoài làm thay đổi tính chất cơ, lý, hóa của mẫu, quá trình vận chuyển và bảo quản đảm bảo công tác an toàn, chính xác trước khi mẫu được nhận và lưu và thí nghiệm.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho mẫu thí nghiệm do khách hàng yêu cầu và phải lấy trực tiếp ngoài hiện trường.


## 3. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Sổ tay chất lượng

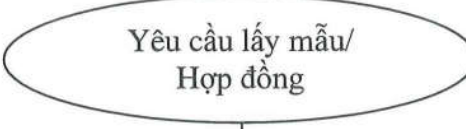

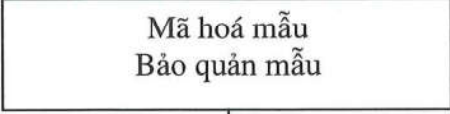
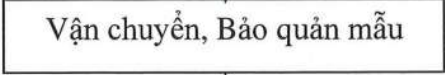
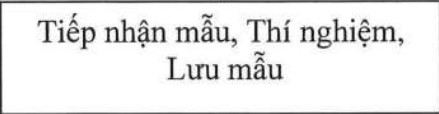
## 4. THUẬT NGỮ - ĐỊNH NGHĨA

STCL : Sổ tay chất lượng.

## 5. NỘI DUNG

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH LẤY MẪU, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN MẪU</b>		
	Mã số: QT02	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01


### 5.1. Lưu đồ:

Trách nhiệm	Tiến trình	Mô tả/ Biểu mẫu
Cán bộ tiếp nhận/ Người được giao		5.2.1
Cán bộ lấy mẫu/ Thí nghiệm viên		5.2.2 BM
Cán bộ lấy mẫu/ Thí nghiệm viên		5.2.3 BM
Cán bộ lấy mẫu/ Thí nghiệm viên		5.2.3
Cán bộ tiếp nhận/ Người được giao		5.2.4 BM

### 5.2. Diễn giải:

#### 5.2.1. Tiếp nhận yêu cầu lấy mẫu và phân công nhiệm vụ:

- Đối với công việc lấy mẫu theo Hợp đồng/Dự án mà Công ty đã ký kết với khách hàng, Chủ đầu tư. Theo tiến độ thực hiện dự án khi có yêu lấy mẫu thì cán bộ tiếp nhận sẽ vào sổ theo dõi thông tin khách hàng, báo cáo người phụ trách hoặc trực tiếp phân công cho Cán bộ thí nghiệm (khi có Ủy quyền) chuẩn bị các công cụ, dụng

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>QUY TRÌNH LẤY MẪU, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN MẪU</b>		
Mã số: QT02	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 5/7

cụ cần thiết phục vụ cho công tác lấy mẫu tại hiện trường và vận chuyển, bảo quản mẫu về phòng thí nghiệm hoặc lấy mẫu và bảo quản mẫu khi Chủ đầu tư, khách hàng mang mẫu đến Phòng thí nghiệm

- Đối với các mẫu không thực hiện theo Dự Án/Hợp đồng mà do khách hàng yêu cầu lẻ, trực tiếp thì trước khi thực hiện công tác lấy mẫu phải Báo cáo lãnh đạo/Người phụ trách các yêu cầu đó phải được xem xét khả năng thực hiện khả thi thì mới tiếp nhận sau đó công việc lấy mẫu phải được tiến hành đầy đủ các bước như khi làm dự án/Hợp đồng.

+ Lưu ý: Tất cả các mẫu phải được kiểm tra kỹ về số lượng, các thông tin cần thiết trước khi vào sổ giao nhận mẫu và phải có chữ ký của đầu đủ các bên theo quy định, tất cả các mẫu lấy đều phải có biên bản lấy mẫu (Nếu mẫu được lấy tại Hiện trường, và phải được ghi chép đầy đủ, có chữ ký của Khách hàng vào sổ nếu mẫu do khách hàng mang đến)

### **5.2.2. Lấy mẫu thí nghiệm, bảo quản mẫu thí nghiệm:**


Cán bộ thí nghiệm xác định tiêu chuẩn thí nghiệm, số lượng mẫu cần lấy, vị trí mẫu cần lấy phù hợp với điều kiện của công trường, quy định của tiêu chuẩn phải đảm bảo mẫu được đúng, đủ, phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn, phương pháp thí nghiệm và yêu cầu của khách hàng.

Tiến hành lấy mẫu trước sự chứng kiến của các đơn vị (Đơn vị yêu cầu, tư vấn giám sát, chủ đầu tư, đơn vị thi công...) sau khi lấy mẫu lập biên bản lấy mẫu tại hiện trường theo biểu mẫu BM

Đối với trường hợp vị trí công trường, cấu kiện không đủ các điều kiện lấy mẫu và đảm bảo cả yêu cầu của khách hàng, yêu cầu của tiêu chuẩn, phương pháp thử thì cán bộ tiếp nhận phải xem xét yêu cầu của khách hàng, xác định khả năng đáp ứng được hay không các yêu cầu của khách hàng. Khi không thể quyết định được, cán bộ tiếp nhận phải báo cáo lãnh đạo phòng/lãnh đạo công ty để xin ý kiến giải quyết.

Sau khi lấy mẫu tại hiện trường có biên bản đã ký kết, Cán bộ lấy mẫu phải mã hoá mẫu, dán tem mẫu, theo quy định của phòng thí nghiệm, các mẫu lấy tại hiện trường phải được bảo quản tùy theo từng yêu cầu của tiêu chuẩn

Quy định về mã hóa mẫu thí nghiệm:

 ISO 17025:2005 Mã số: QT02	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH LẤY MẪU, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN MẪU</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 6/7

### 5.2.3. Vận chuyển mẫu

Sau khi mã hóa, đóng gói bảo quản mẫu tại hiện trường, các mẫu thử được cán bộ lấy mẫu đảm bảo theo đúng quy trình, mẫu sẽ được vận chuyển về phòng thí nghiệm hoặc kho lưu mẫu của công ty bằng các phương tiện phù hợp với quy định về yêu cầu thí nghiệm hoặc yêu cầu của tiêu chuẩn đảm bảo rằng các mẫu vận chuyển phải được đảm bảo không làm thay đổi các tính chất cơ, lý, hóa và các đặc tính của mẫu thử.

### 5.2.4: Tiếp nhận mẫu, Thí nghiệm, Lưu mẫu


Sau khi mẫu lấy tại hiện trường được vận chuyển về phòng thí nghiệm, cán tiếp nhận mẫu vào sổ theo dõi, tiếp nhận mẫu. Tùy thuộc vào đặc điểm và yêu cầu cụ thể của từng thí nghiệm mà mẫu sẽ được chuyển ngay cho Cán bộ thí nghiệm để thực hiện thí nghiệm hoặc chuyển cho cán bộ phải lưu mẫu trước khi đưa vào thí nghiệm, cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm chuyển mẫu cho cán bộ phụ trách quản lý theo phân công của phòng thí nghiệm.

Cán bộ được phân công phụ trách lưu mẫu có trách nhiệm thực hiện việc quản lý mẫu lưu theo quy định:

- Mẫu lưu phải thực hiện đúng quy trình lưu mẫu về điều kiện môi trường, bao gói...
- Thời gian lưu theo yêu cầu của khách hàng hoặc tuân thủ quy định của các tiêu chuẩn thí nghiệm.

## 6. Hồ sơ:

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu hồ sơ	Thời gian lưu	Nơi lưu
1	Biên bản lấy mẫu	BM	Theo quy định	Phòng Thí nghiệm
2	Tem mẫu	BM	Theo quy định	Phòng Thí nghiệm
3	Sổ giao - nhận và lưu mẫu	BM	Theo quy định	Phòng Thí nghiệm

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>QUY TRÌNH LẤY MẪU, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN MẪU</b>		
Mã số: QT02	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 7/7

**7. Phụ lục:**

- Sổ giao nhận và lưu mẫu: BM
- Tem mẫu: BM

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Địa chỉ: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu

Số điện thoại: 0919.918.518 – 0963.870.563


=====OOOOOOOOO=====

**QUY TRÌNH  
THÍ NGHIỆM**

Mã số: QT03  
Lần ban hành: 01

Lai Châu, tháng 2 năm 2026



 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> <b>HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM</b>		
	<b>QUY TRÌNH THÍ NGHIỆM</b>		
Mã số: QT08	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 3/7

## 1. MỤC ĐÍCH

- Quy trình chỉ quy định chi tiết quá trình thực hiện công việc thí nghiệm kể từ khi Hợp đồng đã được ký kết hoặc đã được thỏa thuận với các cấp Lãnh đạo của Công ty, Công việc chỉ được bắt đầu khi có yêu cầu tiếp nhận mẫu hoặc yêu cầu lấy mẫu tại hiện trường
- Quy trình hoạt động nhằm xác định rõ các hoạt động, lĩnh vực thí nghiệm do phòng Thí nghiệm thực hiện.
- Xác định trách nhiệm, nhiệm vụ của mỗi cán bộ, nhân viên phụ trách từng lĩnh vực trong quá trình thí nghiệm.
- Kiểm tra việc thực hiện công tác đúng quy trình, tiêu chuẩn hiện hành.
- Công việc đạt hiệu quả cao, chất lượng sản phẩm tốt, có quy trình hợp lý, nhanh chóng, gọn nhẹ.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với hoạt động thí nghiệm tại phòng Thí nghiệm và các bộ phận có liên quan.

## 3. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Sổ tay chất lượng
- ISO 17025:2005
- Quy trình quản lý thiết bị
- Quy trình nhận mẫu và lưu mẫu
- Quy trình lấy mẫu, vận chuyển, bảo quản mẫu
- Các tiêu chuẩn có liên quan.

## 4. THUẬT NGỮ - ĐỊNH NGHĨA

- TCXDVN : Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.  
TCVN : Tiêu chuẩn Việt Nam  
STCL : Sổ tay chất lượng.

## 5. NỘI DUNG

### 5.1. Lưu đồ :



ISO 17025:2005

**CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**  
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**QUY TRÌNH THÍ NGHIỆM**

Mã số: QT08

Ngày ban hành: 02/02/2026


Lần ban hành: 01

Trang: 4/7

Trách nhiệm	Tiến trình	Mô tả /biểu mẫu
Cán bộ tiếp nhận/ Cán bộ Thí nghiệm	<b>Yêu cầu TN/Hợp đồng</b>	5.2.1 BM-
Trưởng phòng	<b>Phân công nhiệm vụ</b>	5.2.2 BM-08-02
Cán bộ thí nghiệm	<b>Chuẩn bị thí nghiệm</b>	5.2.3
Cán bộ thí nghiệm	<b>Thực hiện các phép thử</b>	5.2.4
Cán bộ thí nghiệm	<b>Phân tích số liệu</b>	5.2.5
Cán bộ thí nghiệm	<b>Xuất kết quả thí nghiệm</b>	5.2.6
Trưởng phòng Giám đốc	<b>Xem xét/ Duyệt</b>	5.2.7
Cán bộ tiếp nhận/ Cán bộ thí nghiệm	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ</b>	5.2.8 BM

**5.2. Diễn giải****5.2.1. Yêu cầu Thí nghiệm/Hợp đồng thí nghiệm:**

Khi có yêu cầu của khách hàng về việc tiếp nhận mẫu hoặc các mẫu thí nghiệm được lấy tại Hiện trường mang về phòng thí nghiệm thì nhân viên tại phòng Thí nghiệm đã được phân công có trách nhiệm tiếp nhận lập phiếu yêu cầu thí nghiệm theo BM-08-03.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH THÍ NGHIỆM</b>		
	Mã số: QT08	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

Mẫu thí nghiệm chỉ được tiếp nhận sau khi cán bộ tiếp nhận kiểm tra mẫu, đảm bảo mẫu được nhận đúng, đủ, phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn, phương pháp thí nghiệm và yêu cầu của khách hàng. Tất cả các mẫu đủ điều kiện tiếp nhận đều phải ghi nhận đủ thông tin vào sổ theo dõi hoạt động thí nghiệm của công ty theo BM

Đối với trường hợp tiếp nhận mẫu đồng thời tiếp nhận cả yêu cầu của khách hàng thì cán bộ tiếp nhận phải xem xét yêu cầu của khách hàng, xác định khả năng đáp ứng được hay không các yêu cầu của khách hàng. Khi không thể quyết định được, cán bộ tiếp nhận phải báo cáo lãnh đạo phòng/lãnh đạo công ty để xin ý kiến giải quyết.

Trong trường hợp khác mọi thông tin của khách hàng về yêu cầu thí nghiệm, yêu cầu kiểm tra.... dưới các hình thức khác nhau như: Điện thoại, Fax, Email, công văn, trực tiếp từ khách hàng, từ kết quả đấu thầu các dự án....Khi tiếp nhận thông tin của khách hàng, cán bộ tiếp nhận phải ghi nhận đầy đủ nội dung yêu cầu và các thông tin cần thiết khác vào Sổ theo dõi yêu cầu của khách hàng/Thực hiện công việc theo biểu mẫu BM. Các yêu cầu này phải được chuyển đến Trưởng phòng hoặc Lãnh đạo công ty để báo cáo và giải quyết.

#### **5.2.2. Phân công công việc:**

Trưởng phòng Thí nghiệm có trách nhiệm phân công cán bộ có đủ năng lực tiến hành thí nghiệm theo phiếu yêu cầu giao việc BM-08-02

Căn cứ để quyết định lựa chọn cán bộ thực hiện:


- Yêu cầu công việc.
- Năng lực cán bộ hiện có.
- Thực tế công việc tại phòng.

Trưởng phòng Thí nghiệm phân công và theo dõi cán bộ thực hiện thông qua Sổ theo dõi yêu cầu của khách hàng/Thực hiện công việc theo biểu mẫu

#### **5.2.3. Chuẩn bị thí nghiệm:**

Cán bộ tại phòng Thí nghiệm được phân công thực hiện thí nghiệm tiến hành các công tác chuẩn bị để thí nghiệm. Nội dung chuẩn bị bao gồm:

- Chuẩn bị, kiểm tra các thiết bị, dụng cụ cần thiết (Thiết bị, dụng cụ của phòng Thí nghiệm được kiểm soát theo quy trình quản lý thiết bị.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	<b>QUY TRÌNH THÍ NGHIỆM</b>		
Mã số: QT08	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 6/7

- Chuẩn bị các tài liệu, hướng dẫn và các biểu mẫu có liên quan.
- Kiểm tra, chuẩn bị mẫu thí nghiệm (Việc lấy mẫu được thực hiện theo các tiêu chuẩn, phương pháp tương ứng với từng phép thử sẽ thực hiện).
- Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết khác.

#### **5.2.4. Tiến hành thí nghiệm :**

Cán bộ thí nghiệm có trách nhiệm tiến hành thực hiện thí nghiệm theo các tiêu chuẩn, phương pháp thí nghiệm phù hợp với năng lực của phòng. Phương pháp thí nghiệm có thể do khách hàng yêu cầu hoặc nếu khách hàng không yêu cầu thì phải sử dụng các tiêu chuẩn, phương pháp thí nghiệm đã được kiểm soát trong hệ thống quản lý chất lượng của công ty và được cập nhật thường xuyên thông qua danh mục tài liệu có nguồn gốc bên ngoài theo biểu mẫu BM. Thông tin trong quá trình thực hiện thí nghiệm được ghi chép đầy đủ vào Sổ nhật ký thí nghiệm theo biểu mẫu BM-08-02 và biên bản chứng kiến thí nghiệm (nếu cần).

#### **5.2.5. Phân tích số liệu và xuất kết quả :**

Trên cơ sở số liệu thô thu được trong quá trình thí nghiệm, cán bộ thí nghiệm tiến hành thực hiện việc phân tích số liệu (phương pháp phân tích số liệu cho từng chỉ tiêu được quy định tại các tiêu chuẩn, phương pháp liên quan đối với từng phép thử). Phương pháp phân tích số liệu và kết quả phân tích phải được ghi chép đầy đủ vào Sổ nhật ký thí nghiệm theo biểu mẫu BM

Cán bộ thí nghiệm lập báo cáo kết quả thí nghiệm theo các mẫu biểu quy định của công ty. Trong trường hợp cần thiết, cán bộ thí nghiệm lập báo cáo kết quả theo mẫu do khách hàng yêu cầu đã được thoả thuận, thống nhất.

#### **5.2.6. Duyệt kết quả :**

Cán bộ thí nghiệm ký báo cáo kết quả, trình trưởng phòng Thí nghiệm xem xét ký thông qua kết quả thí nghiệm trước khi trình Giám đốc công ty ký duyệt.

#### **5.2.7. Trả kết quả, lưu hồ sơ :**

Cán bộ chuyên trách được phân công hoặc Cán bộ thí nghiệm tiến hành trả kết quả cho khách hàng, đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu về thời gian đã thống nhất với khách hàng.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH THÍ NGHIỆM</b>		
	Mã số: QT08	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

Tất cả các Hồ sơ kết quả thí nghiệm, Hồ sơ thí nghiệm liên quan được lưu giữ theo quy định tại mục 6 của quy trình này.

#### 6. HỒ SƠ:

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu hồ sơ	Thời gian lưu	Nơi lưu
1	Sổ theo dõi yêu cầu của khách hàng	BM	Theo quy định	Phòng Thí nghiệm
2	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng		Theo quy định	Phòng Thí nghiệm
3	Sổ theo dõi thực hiện công việc	BM	Theo quy định	Phòng Thí nghiệm
4	Phiếu giao việc	BM	Lâu dài	Phòng Thí nghiệm
5	Biên bản chứng kiến thí nghiệm		Lâu dài	Phòng Thí nghiệm
6	Báo cáo kết quả thí nghiệm		Lâu dài	Phòng Thí nghiệm

#### 7. HỒ SƠ:

- Sổ theo dõi yêu cầu của khách hàng : BM-
- Sổ theo dõi thực hiện công việc : BM-
- Phiếu giao việc: BM
- Phiếu yêu cầu thí nghiệm: BM

# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Địa chỉ: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu

Số điện thoại: 0919,918,518 – 0963.870.563

=====OOOO000000=====

## QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TÀI LIỆU

Mã số: QT05  
Lần ban hành: 01

Lai Châu, tháng 2 năm 2026



 ISO 17025:2005 Mã số: QT05	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> <b>HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM</b> <b>QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TÀI LIỆU</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 3/10

	Người biên soạn	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Kiều Duy Văn	Đông Phú Khanh	Vũ Hoàng Tinh
Chức vụ	Thí Nghiệm Viên	TP. Thí nghiệm	
Chữ ký			

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TÀI LIỆU</b>		
	Mã số: QT05	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

### 1. Mục đích:

Thông nhất phương pháp quản lý và ban hành các loại tài liệu thuộc hệ thống quản lý chất lượng được sử dụng tại Công ty.

### 2. Phạm vi:

Quy trình này áp dụng cho tất cả các loại tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng. Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty bao gồm:

- Sổ tay chất lượng.
- Các quy trình.
- Các hướng dẫn công việc.
- Các biểu mẫu.
- Các nội quy, quy định của Công ty.
- Các tài liệu có nguồn gốc bên ngoài như: Tài liệu do khách hàng cung cấp, các tiêu chuẩn, các văn bản pháp quy .....

### 3. Tài liệu liên quan:

- Sổ tay chất lượng.

### 4. Định nghĩa:

- Tài liệu nội bộ: Là tài liệu do Công ty xây dựng, ban hành, soát xét sửa đổi và áp dụng tại Công ty.

- Tài liệu bên ngoài: Là các tài liệu do các tổ chức bên ngoài xây dựng được áp dụng tại Công ty.

- Tài liệu có kiểm soát: là các tài liệu có đóng xanh đã kiểm soát tài liệu của Công ty trên trang đầu tiên của tài liệu.

- Tài liệu không kiểm soát: Là tài liệu không có dấu đỏ của Công ty và không phải cập nhật khi thay đổi.

- Đối với các biểu mẫu: Dấu hiệu kiểm soát được thể hiện ở tên biểu mẫu, ký hiệu và ngày ban hành.

- Quy định ký hiệu các loại tài liệu nội bộ:

- Sổ tay chất lượng : STCL
- Quy trình : QT

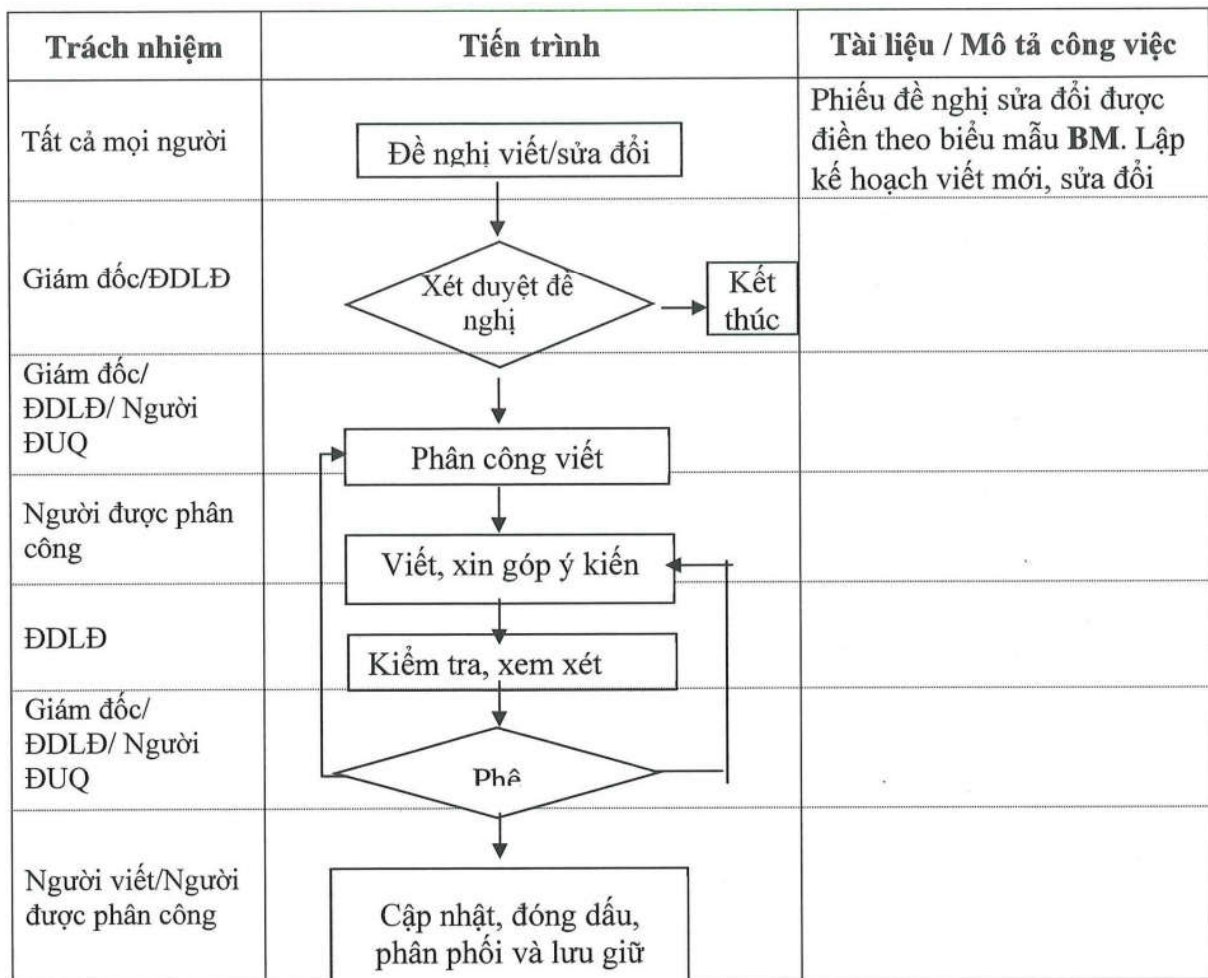
 ISO 17025:2005 Mã số: QT05	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TÀI LIỆU</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 5/10

- Biểu mẫu : BM
- Hướng dẫn công việc : HD
- Người được uỷ quyền : Người ĐUQ
- Đại diện lãnh đạo : ĐDLĐ

**5. Nội dung:**

**5.1. Quy định về kiểm soát tài liệu nội bộ:**

**5.1.1 Sơ đồ :**



**5.1.2. Trách nhiệm biên soạn, kiểm tra và phê duyệt tài liệu:**

- Mọi tài liệu thuộc hệ thống quản lý chất lượng đều phải được phê duyệt của người có trách nhiệm, có thẩm quyền trước khi ban hành.

 ISO 17025:2005 Mã số: QT05	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TÀI LIỆU</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 6/10

- Lãnh đạo phải quy định cụ thể về các cấp có thẩm quyền phê duyệt từng loại tài liệu. Cụ thể về trách nhiệm biên soạn, kiểm tra và phê duyệt tài liệu theo biểu sau:

Tên tài liệu	Biên soạn	Kiểm tra	Phê duyệt
Sổ tay chất lượng	Người được giao	ĐDLĐ	Giám đốc
Quy trình	Người được giao	ĐDLĐ	Giám đốc
Hướng dẫn	Người được giao	ĐDLĐ/Trưởng phòng	Giám đốc
Quy định nội bộ	Người được giao	Giám đốc/ Phó Giám đốc	Giám đốc
Biểu mẫu	Được thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn liên quan.		

#### **5.1.3. Hình thức của tài liệu (trừ biểu mẫu):**

- Trang bìa, trang đầu và các trang tiếp theo của quy trình, sổ tay chất lượng và các hướng dẫn được quy định như tài liệu này.

#### **5.1.4. Nội dung tài liệu:**

**a. Sổ tay chất lượng:** Sổ tay chất lượng của Công ty bao gồm ít nhất những nội dung như sau:

- Bảng theo dõi những thay đổi
- Chính sách chất lượng
- Giới thiệu về Công ty
- Sơ đồ tổ chức
- Giới thiệu về hệ thống quản lý chất lượng của Công ty
- Các chương của hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại Công ty

#### **b. Các quy trình:**

Nội dung của quy trình bao gồm các mục sau:

- 1. Mục đích:** Nêu lên mục đích của tài liệu
- 2. Phạm vi:** Nêu lên phạm vi mà tài liệu được áp dụng
- 3. Tài liệu liên quan:** Những tài liệu có việc dẫn đến trong quy trình

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TÀI LIỆU</b>		
	Mã số: QT05	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

**4. Định nghĩa:** Nêu lên định nghĩa hoặc các chữ viết tắt trong tài liệu, nếu có.

**5. Nội dung:** Nêu lên nội dung chi tiết của quy trình.

**6. Hồ sơ:** Nêu lên các loại hồ sơ liên quan đến quy trình và cách thức lưu trữ các hồ sơ đó.

**7. Phụ lục:** Nêu lên các loại biểu mẫu và tài liệu diễn giải cần thiết kèm theo (nếu có).

c. Hướng dẫn công việc:

Hướng dẫn công việc: tùy thuộc vào từng loại hướng dẫn mà có thể bao gồm các nội dung như quy trình hoặc đi thẳng vào nội dung hoặc có các nội dung sau:

- Chuẩn bị
- Thực hiện
- Kết thúc

d. Các tài liệu nội bộ khác:

Nội dung cụ thể tùy thuộc vào mục đích sử dụng tài liệu đó.

**5.1.5. Nhận biết, cách đánh mã hiệu và kiểm soát tài liệu:**

a. Các thông tin nhận biết tài liệu:

- Tên công ty.
- Tên tài liệu.
- Mã hiệu: Là mã hiệu của tài liệu.
- Lần ban hành: Là lần ban hành tài liệu.
- Ngày có hiệu lực: Là ngày tài liệu được đưa vào sử dụng.
- Trang: Ghi số thứ tự trang/ tổng số trang tài liệu.
- Con dấu tài liệu kiểm soát đóng trên trang đầu tài liệu.

b. Cách đánh mã hiệu của tài liệu:

- **Sổ tay chất lượng** có ký mã hiệu: STCL
- **Các quy trình** có mã hiệu: QT-XX  
 Trong đó: QT - Quy trình  
 XX – Số thứ tự của quy trình (XX: 01-99).
- **Các hướng dẫn** xuất phát từ quy trình có ký mã hiệu:  
 HD-XX-YY

 ISO 17025:2005 Mã số: QT05	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TÀI LIỆU</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 8/10

Trong đó: HD - Hướng dẫn

XX – Số thứ tự của quy trình (XX: 01-99).

YY - Số thứ tự của hướng dẫn; (ví dụ: HD-01-01 là hướng dẫn số 01 liên quan đến Quy trình 01).

Trường hợp Hướng dẫn không xuất phát từ Quy trình thì có ký hiệu là:

HD-XX

Trong đó: HD - Hướng dẫn;

XX – Số thứ tự của hướng dẫn (XX: 01-99).

**- Các biểu mẫu có ký mã hiệu:**

BM-XX-YY

Trong đó: BM - Biểu mẫu;

XX – Số thứ tự của quy trình (XX: 01-99).

ZZ- Số thứ tự của biểu mẫu trong quy trình tương ứng; ngoài ra trên biểu mẫu có in ngày tháng ban hành biểu mẫu (ngày tháng được in ở góc phải bên dưới) theo thứ tự ngày, tháng, năm; ví dụ ngày 12 tháng 10 năm 2026 viết là 12/10/2026

**- Các quy định nội bộ:** Theo quy chế của Công ty.

c. Dấu hiệu kiểm soát:

- Các tài liệu gốc thuộc hệ thống chất lượng là các tài liệu có chữ ký “tươi” của người có thẩm quyền sau khi được phê duyệt trên trang bìa.

- Tài liệu kiểm soát khi được phô tô cho các phòng thì sử dụng xanh “TÀI LIỆU ĐÃ KIỂM SOÁT) của công ty trên trang đầu tiên và được phân phối tới từng phòng.

**3. Tài liệu không kiểm soát:** là các bản phô tô copy có dấu đen qua máy phô tô là tài liệu không được kiểm soát.

d. Phân phối, quản lý, thu hồi tài liệu lỗi thời:

Ban ISO (Người quản lý hệ thống) có trách nhiệm quản lý các tài liệu thuộc hệ thống QLCL của Công ty như: Sổ tay chất lượng, Các quy trình, Các hướng dẫn, các biểu mẫu,... Lập danh sách, cập nhật và lưu giữ Danh mục các tài liệu bên ngoài và danh mục tài liệu nội bộ biểu mẫu **BM**

 ISO 17025:2005 Mã số: QT05	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> <b>HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM</b> <b>QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TÀI LIỆU</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 9/10

Khi phân phối tài liệu Ban ISO (Người quản lý hệ thống) lập danh sách phân phối tài liệu theo biểu mẫu **BM**

Khi phân phối tài liệu mới thay thế tài liệu lỗi thời thì cán bộ phân phối có trách nhiệm thu lại tài liệu lỗi thời.

Ban ISO (Người quản lý hệ thống) có trách nhiệm lưu lại bản tài liệu lỗi thời gần nhất gạch chéo trang bìa để làm tài liệu tham khảo, các tài liệu khác phải huỷ bỏ để tránh sử dụng nhầm lẫn.

Quy định về ký hiệu trong sổ theo dõi tài liệu nội bộ và tài liệu bên ngoài như sau:

Tài liệu nội bộ được ký hiệu bằng chữ cái: A

Tài liệu bên ngoài được ký hiệu bằng chữ cái: B

### **5.2. Quy định về kiểm soát tài liệu bên ngoài.**

#### **Các loại tiêu chuẩn, kỹ thuật, quy định, văn bản pháp quy:**

- Tiêu chuẩn Việt nam, tiêu chuẩn nước ngoài.
- Văn bản pháp quy.

Ban ISO (Người quản lý hệ thống) có trách nhiệm cập nhật các tài liệu nêu trên, thông báo, phân phối như phân phối các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng tới các phòng liên quan. Các phòng có trách nhiệm lập Danh mục các tài liệu bên ngoài và Danh mục tài liệu nội bộ theo biểu mẫu **BM**.

Các quy định, văn bản pháp quy do ĐDLĐ trực tiếp kiểm soát thông qua Danh mục các tài liệu hiện hành. ĐDLĐ có trách nhiệm duy trì Danh mục này đồng thời thông báo/phân phối các tài liệu này tới những người liên quan.

### **5.3 Thay đổi, cập nhật tài liệu:**

Tất cả thay đổi cập nhật đối với các tài liệu của hệ thống chất lượng đều được thực hiện theo sơ đồ trình bày trong phần 5.1.1.

Nội dung thay đổi được ghi trong bảng theo dõi thay đổi, cập nhật ở trang 1 của mỗi tài liệu. Trên mỗi trang nếu nội dung thay đổi dưới 1/3 trang thì phần nội dung đó được in nghiêng, nếu nội dung thay đổi nhiều hơn 1/3 trang thì phần thay đổi đó không phải in nghiêng và ở Bảng theo dõi những thay đổi ghi thay đổi cả trang.

 ISO 17025:2005 Mã số: QT05	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TÀI LIỆU</b>		
	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01	Trang: 10/10

Khi sửa đổi tài liệu, lần sửa đổi tăng lên 01 đơn vị. Sau 05 lần sửa đổi thì tài liệu được ban hành mới.

Với biểu mẫu: khi thay đổi thì thay biểu mẫu khác và được kiểm soát bằng ngày ban hành biểu mẫu đó mà không nhất thiết phải thay đổi cả quy trình.

Sau khi ban hành, tài liệu mới được đóng dấu đỏ của Công ty, bản gốc tài liệu lỗi thời gần nhất được gạch chéo trên trang bìa dùng để lưu và tham khảo.

- Các bản tài liệu lỗi thời nói trên được lưu đến khi có bản lỗi thời mới. Các bản lỗi thời khác được huỷ đi.

- Tài liệu bên ngoài khi thay đổi phải được cập nhật vào danh mục tài liệu bên ngoài theo quy định về kiểm soát tài liệu bên ngoài, bản lỗi thời được gạch bỏ dùng để tham khảo và lưu đến khi có bản lỗi thời mới

- Các nội quy, quy định kiểm soát theo chế độ hành chính.

#### 5.4. Kiểm soát dữ liệu:

Các dữ liệu thuộc hệ thống chất lượng như :

- Danh mục các tài liệu hiện hành
- Các sổ theo dõi, v.v... đều được kiểm soát qua ngày cập nhật và chữ ký của người có thẩm quyền trên các tài liệu đó.

#### 6. Hồ sơ :

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu	Nơi lưu
1.	Phiếu yêu cầu sửa đổi tài liệu	BM	Người phụ trách
2.	Danh mục tài liệu có nguồn gốc bên ngoài và Danh mục tài liệu tài liệu nội bộ	Bm	Các phòng chuyên môn
3.	Danh sách phân phối tài liệu	BM	Người phụ trách

#### 7. Phụ lục:

- Phiếu yêu cầu sửa đổi tài liệu : BM
- Danh mục tài liệu bên ngoài và Danh mục tài liệu nội bộ : BM
- Danh sách phân phối tài liệu : BM

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Địa chỉ: Số 318 Đường Bế Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu

Số điện thoại: 0919,918,518 – 0963.870.563

=====O000000000=====

**QUY TRÌNH  
QUẢN LÝ THIẾT BỊ**

Mã số: QT06  
Lần ban hành: 01

Lai Châu, Tháng 2 năm 2026



 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH QUẢN LÝ THIẾT BỊ</b>		
	Mã số: QT06	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

## 1. MỤC ĐÍCH

Đảm bảo thiết bị đưa vào sử dụng trong phòng Thí nghiệm phải chính xác, đủ độ tin cậy và các phép đo đều có liên kết từ chuẩn quốc gia và quốc tế.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho hoạt động quản lý trang thiết bị có liên quan và ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm thuộc Phòng Thí nghiệm.

## 3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sổ tay chất lượng
- Tiêu chuẩn ISO 17025:2005
- Các tiêu chuẩn có liên quan.



## 4. THUẬT NGỮ - ĐỊNH NGHĨA

STCL : Sổ tay chất lượng.

## 5. NỘI DUNG

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH QUẢN LÝ THIẾT BỊ</b>		
	Mã số: QT06	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

**5.1. Lưu đồ :**

Trách nhiệm	Tiến trình	Mô tả /biểu mẫu
Lãnh đạo phòng Thí nghiệm	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Nhận bàn giao thiết bị</div>	5.2.1
Cán bộ được phân công	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Lập mã số nhận dạng và lập hồ sơ quản lý thiết bị</div>	5.2.1 BM
Lãnh đạo phòng Thí nghiệm	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Lập kế hoạch bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị</div>	5.2.3 BM
Cán bộ được phân công/ nhà thầu	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tiến hành bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị</div>	5.2.4 BM
Lãnh đạo phòng Thí nghiệm	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">  </div>	5.2.5
Cán bộ sử dụng	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Sử dụng và theo dõi sử dụng thiết bị</div>	5.2.6
Lãnh đạo phòng Thí nghiệm	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">  </div>	5.2.7
Cán bộ được phân công	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Thanh lý thiết bị</div>	5.2.8
Lãnh đạo phòng Thí nghiệm	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Lưu hồ sơ</div>	5.2.9

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH QUẢN LÝ THIẾT BỊ</b>		
	Mã số: QT06	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

## **5.2. Diễn giải:**

### **5.2.1. Nhận, bàn giao và lắp đặt:**

Trưởng phòng Thí nghiệm có trách nhiệm nhận bàn giao và lắp đặt thiết bị khi mang ra/vào phòng Thí nghiệm. Các thiết bị nhập vào phòng Thí nghiệm dưới bất kỳ hình thức nào đều phải trải qua các bước nghiệm thu sau:

- Kiểm tra về số lượng, kiểu loại, phụ tùng kèm theo.
- Xem xét tình trạng thiết bị.
- Kiểm tra các tài liệu (Giấy chứng nhận hiệu chuẩn, các tài liệu hướng dẫn sử dụng ...)
- Lắp đặt và vận hành thử thiết bị theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và kiểm tra sự phù hợp các thông số kỹ thuật so với yêu cầu đặt ra khi mua.
- Ký thẩm xét các biên bản bàn giao thiết bị.

### **5.2.2. Xác định mã số nhận dạng thiết bị, phụ tùng, tài liệu và tình trạng của thiết bị:**

Thiết bị sau khi được tiếp nhận, lãnh đạo phòng Thí nghiệm phân công cán bộ quản lý, tiến hành xác định mã số nhận dạng thiết bị, phụ tùng, tài liệu và tình trạng của thiết bị theo các bước:

- Xác định thiết bị sẵn sàng hoạt động, các thiết bị đang hoặc chưa lắp đặt, các chi tiết và các thiết bị không được sử dụng.
- Nhãn nhận dạng phải được dán ở nơi dễ nhìn.
- Lập hồ sơ thiết bị:

Các hồ sơ thiết bị bao gồm:

- Lý lịch thiết bị
- Phiếu bảo trì sửa chữa thiết bị
- Biên bản bàn giao (nếu có)
- Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị (nếu có)
- Các tài liệu đi kèm theo thiết bị (nếu có)
- Cập nhật các kết quả hiệu chuẩn, kiểm tra, bảo trì và các thông tin liên quan khác.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH QUẢN LÝ THIẾT BỊ</b>		
	Mã số: QT06	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

- Tổ chức việc biên soạn các hướng dẫn sử dụng, bảo trì các thiết bị chủ yếu.

### **5.2.3. Lập danh mục thiết bị:**

### **5.2.4. Lập kế hoạch bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị:**

01 Hàng năm, Lãnh đạo phòng Thí nghiệm có trách nhiệm lập và cập nhật danh mục các thiết bị đang sử dụng tại phòng theo biểu mẫu BM-10-01 và có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị theo biểu mẫu BM-10-01, lập tờ trình Giám đốc công ty xem xét, phê duyệt sau đó tiến hành mời đơn vị đo lường hiệu chuẩn đến để kiểm tra, hiệu chuẩn lại thiết bị theo quy định.

### **5.2.5. Thực hiện bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị:**

Căn cứ vào kế hoạch đã được duyệt, phòng Thí nghiệm tiến hành tổ chức bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn các thiết bị.

Đối với thiết bị mà phòng Thí nghiệm có đủ năng lực tiến hành bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn, cán bộ được phân công của phòng Thí nghiệm tiến hành thực hiện và ghi chép kết quả vào phiếu theo dõi bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn theo biểu mẫu BM-10-02.

Đối với các loại dụng cụ thiết bị được thực hiện bảo trì, hiệu chuẩn/ kiểm định tại cơ sở ngoài công ty, phòng Thí nghiệm có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có đủ năng lực và thẩm quyền để thực hiện.

Trường hợp đột xuất, lãnh đạo phòng Thí nghiệm có thể đề nghị việc hiệu chuẩn, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa trực tiếp với Giám đốc công ty mà không cần lập kế hoạch trước.

### **5.2.6. Đánh giá, kiểm tra lại thiết bị:**

Sau khi bảo trì, sửa chữa, kiểm định và hiệu chuẩn xong, lãnh đạo phòng Thí nghiệm tiến hành đánh giá, kiểm tra thiết bị:

- Kết quả đạt yêu cầu thì cho phép sử dụng thiết bị.
- Kết quả không đạt yêu cầu, tiến hành xử lý theo các cách sau:
  - + Tạm ngưng sử dụng thiết bị, đề nghị sửa chữa, bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn lại và tiếp tục đánh giá kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng.

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH QUẢN LÝ THIẾT BỊ</b>		
	Mã số: QT06	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

+ Cho phép sử dụng các phép thử khác có cấp chính xác thấp hơn.

+ Ngưng sử dụng thiết bị, đề nghị thanh lý.

#### **5.2.7. Sử dụng và theo dõi thiết bị:**

Cán bộ sử dụng các thiết bị phải đúng mục đích, trong điều kiện qui định các thiết bị đã được cho phép sử dụng và chỉ được sử dụng các thiết bị nếu đã qua đào tạo và được hướng dẫn về sử dụng thiết bị. Tiến hành vệ sinh, bảo trì trong phạm vi công việc được giao.

Trong quá trình thử nghiệm, khi có nghi ngờ về độ chính xác của thiết bị thì cán bộ sử dụng phải ngưng ngay việc sử dụng và báo cáo cho lãnh đạo phòng để có phương án xử lý thích hợp.

Cán bộ làm việc tại phòng Thí nghiệm không được sử dụng các thiết bị có dán nhãn “Không được sử dụng” và không được tự ý mang ra/ vào thiết bị khi chưa có sự đồng ý của lãnh đạo phòng.

#### **5.2.8. Thanh lý thiết bị:**

Các thiết bị qua kiểm tra không còn đạt yêu cầu, lãnh đạo phòng Thí nghiệm lập đề nghị thanh lý trình Giám đốc công ty phê duyệt và tổ chức thanh lý thiết bị.

#### **5.2.9. Lưu hồ sơ:**

Phòng Thí nghiệm có trách nhiệm lưu các hồ sơ theo quy định tại mục 6 của quy trình này.

### **6. Hồ sơ:**

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu hồ sơ	Nơi lưu
1	Danh mục thiết bị	BM	Phòng Thí nghiệm
2	Kế hoạch bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị	BM	Phòng Thí nghiệm
3	Phiếu theo dõi kết quả bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị	BM	Phòng Thí nghiệm

 ISO 17025:2005	<b>CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG</b> HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM <b>QUY TRÌNH QUẢN LÝ THIẾT BỊ</b>		
	Mã số: QT06	Ngày ban hành: 02/02/2026	Lần ban hành: 01

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu hồ sơ	Nơi lưu
4	Biên bản nghiệm thu		Phòng Thí nghiệm
5	Chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn		Phòng Thí nghiệm
6	Hồ sơ thiết bị		Phòng Thí nghiệm
7	Hồ sơ thanh lý thiết bị		Phòng Thí nghiệm

#### 7. Phụ lục:

- Danh mục thiết bị: BM
- Kế hoạch bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị: BM
- Phiếu theo dõi kết quả bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị: BM

Lai Châu, ngày 05 tháng 2 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu.
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

**1. Tên tổ chức hoạt động chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Anh Dũng.**

- Địa chỉ: Số 318 Đường Bé Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu
- Điện thoại: 02313793505 - 0963.870.563.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200075490 đăng ký lần đầu ngày 17/02/2014 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 17/07/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở tài chính tỉnh Lai Châu
- Mã số thuế: 6200075490.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

- Địa chỉ: Tổ , Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu.
- Điện thoại: 0963.870.563 - 0919.918.518

**2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.**

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
<b>I</b>	<b>CƠ LÝ XI MĂNG</b>			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200. Bình tỷ trọng xi măng	Bùi Văn Nam Đông Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ; Máy trộn vữa xi măng Dung tích: 5 lít; Máy nén	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 - TCVN 8875:2012	Dụng cụ VICA - .TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	
4	Xác định độ giãn nở Autoclave và Lechatelier	TCVN 8877:2021; TCVN	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ và bình dưỡng mẫu	

		6017:2015		
5	Độ tách nước và độ tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:1993	Ống đong nước dung tích từ 50 - 200 ml; Pipet dung tích 5 ml	
6	Hàm lượng cặn không tan	TCVN 141:2008	Tủ sấy; lò nung; bình hút ẩm; bát sứ; chén sứ; chén bạch kim; phễu lọc; giấy lọc không tro	
7	Hàm lượng mất khí nung	TCVN 141-2008	Lò nung; khay; cân; tủ sấy	
8	Xác định độ nở Sunfat	TCVN 2068:2004	Khuôn nở sunphat 4x4x16 bằng sắt	
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>			
9	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22	Bộ côn thử độ sụt	
10	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:22	Bộ côn thử độ sụt, đầm rung, đồng hồ, nhớt kế	
11	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:22	Thước, cân, tủ sấy	
12	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22	Bộ côn thử độ sụt, đầm rung, đồng hồ, cân, sàng, khay sắt thước	
13	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:22	Bộ côn thử độ sụt, đầm rung, đồng hồ, cân, sàng, khay sắt thước	
14	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:22	Bình thử bọt khí đầm dung, khuôn mẫu . máy nén khí	
15	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22	Cân, tủ sấy, bình thủy tinh	
16	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	Cân, tủ sấy, bình thủy tinh, bàn chải, đá mài, thùng ngâm	
17	Xác định độ mài mòn	TCVN 3113:22	Máy mài , cân, thước kẹp	
18	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:22	Thước, cân, tủ sấy	
19	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:22	Máy thử độ chống thấm, khuôn D15x15, bàn chải	
20	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	Máy nén bê tông, thước đo	
21	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22	Máy nén bê tông, thước đo	
22	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:22	Máy nén bê tông, thước đo	
23	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén	TCVN 5762:22	Máy nén bê tông, thước đo	
24	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12	Bình thủy tinh, nhiệt kế, đồng hồ bắn giây	
25	Xác định độ PH của vữa và bê tông	TCVN 9339:12	Bình thủy tinh, nhiệt kế, đồng hồ bắn giây	

Bùi Văn Nam  
 Đồng Phú Khanh  
 Kiều Duy Văn  
 Hồ Chà Đường  
 Đào Ngọc Thanh  
 Nguyễn Văn Quyền

26	Xác định hàm lượng hạt và có kích thước nhỏ hơn 75µm (cát nghiền)	TCVN 9205:2012	Cân; tủ sấy; sàng	
27	Xác định hàm lượng sét (cát nghiền)	TCVN 344:1985	Cân kỹ thuật; bộ sàng; ống đong	
28	Thủ độ co	TCVN 3117:2022	Khuôn đo; thước đo; đồng hồ chia vạch; cân; tủ bảo dưỡng	
29	Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu liên kết chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén bê tông; thước đo	
30	Xác định độ chảy của vữa bơm	ASTM C939	Phễu; khay chứa; đồng hồ bấm giây	
31	Xác định độ trương nở và tách nước của vữa bơm	ASTM C940	Bình thủy tinh; nhiệt kế; đồng hồ bấm giây	
<b>III</b>	<b>VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎ), CẤP PHỐI</b>			
32	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn	
33	Xác định thành phần thanh lọc	TCVN 7572-3:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn	
34	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105oC đến 110oC; Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;	
35	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06		
36	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6; TCVN 10322:14	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, thùng ngâm mẫu, bình thủy tinh, tủ sấy, công thử độ sụt bình giữ ẩm, sàng, que chọc, thước kẹp, bàn chải, thùng đong, phễu chứa, thước lá, dụng cụ đảo mẫu, thùng rửa, đồng hồ bấm giây, tấm kính	
37	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06; TCVN 10321:14		
38	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572:-8:06		
39	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng, ống đong, thang màu, Dung dịch NaOH 3%	
40	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	Máy nén, máy khoan, cát, mài, thước, thùng ngâm mẫu	
41	Xác định độ nén đập trong và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy nén, sàng, tủ sấy, thùng ngâm, cân, bộ xi lanh	
42	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06	Bộ máy mài mòn, cân, sàng, tủ sấy.	

Bùi Văn Nam  
 Đồng Phú Khanh  
 Kiều Duy Văn  
 Hồ Chà Đường  
 Đào Ngọc Thanh  
 Nguyễn Văn Quyên

43	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	Thước kẹp, cân, sàng, tủ sấy	
44	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic	TCVN 7572-14:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng, bình giữ nhiệt, bình thủy tinh, tủ sấy, khuôn thép, đồng hồ, bàn dẫn, côn thử độ sụt	
45	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:06	Máu khoan rút lõi, thìa, que gạt, tới ninol, búa, chày, cân, tủ sấy, giấy lọc, bếp đun, sàng, natri, axit, H2O2	
46	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN -16:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng, bình giữ nhiệt, bình thủy tinh, tủ sấy, cốc nung, natriclorua	
47	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06	cân, tủ sấy, sàng, búa, kính lúp, thước	
48	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	cân, tủ sấy, sàng, búa, kính lúp, thước	
49	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	cân, tủ sấy, sàng, giấy nhám, đĩa thủy tinh	
50	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91	Cân kỹ thuật, bộ sàng, ống đồng	
51	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883-99	Thiết bị thí nghiệm góc nghỉ tự nhiên	
<b>IV</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>			
52	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12	Cân, tủ sấy, bình thủy tinh,	
53	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12	Cân, tủ sấy, bình dưỡng mẫu, khay	
54	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12	Cân, tủ sấy, bình dưỡng mẫu, khay, bộ thí nghiệm chảy và dẻo	
55	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14	Cân, tủ sấy, sàng	
56	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12	Cân, tủ sấy, máy cắt phẳng	
57	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12	Cân, tủ sấy, máy nén lún tam niên	
58	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12;	Cân, tủ sấy, khuôn đầm, chày đầm,	
59	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12	Cân, tủ sấy, khuôn đầm, chày đầm,	
60	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:11	Cân, tủ sấy, bộ khuôn đầm CBR chày đầm, đồng hồ	
61	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01		
62	Xác định hệ số thấm K	AASHTO-T49; ASTM D2434-00	Cân, tủ sấy, máy nén lún tam niên	Bùi Văn Nam Đông Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền

63	Xác định đẳng trung tan rã của đất	TCVN 8718:12		
64	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12		
65	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012	Cân; tủ sấy; bình thủy tinh; búa cao su; sàng; ống hút ống chia độ; giấy lọc; natri cacbonnat	
<b>V</b>	<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG</b>			
66	Thử kéo	TCVN 197:2014	Máy kéo nén vạn năng, bộ uốn mẫu, kích thủy lực, bộ đai ốc bu lông. Thước kẹp . bộ kẹp mẫu	Bùi Văn Nam Đồng Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền
67	Thử uốn	TCVN 1651:08; TCVN 198:08		
68	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10		
69	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10		
70	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:10		
71	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:10		
72	Thép dùng trong bê tông cốt thép - Phương pháp thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:97		
73	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:00		
74	Thử nghiệm lực căng của tấm lưới (dùng làm rọ đá)	ASTM A 975-03; ASTM A83		
75	Thử kéo bu lông - đai ốc	TCVN 1916:95; TCVN 256:85; ASTM A370:02		
76	Thử ứng suất neo	TCVN 8870:2011		
77	Thép B40 - Phương pháp thử nghiệm Kéo, nén, giãn dài, khối lượng tăng phù	TCVN 1824:1993; TCVN 4392:1986		
<b>VI</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>			
78	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	Máy marshall và bộ đo đồng hồ, cung lực 30kN	Bùi Văn Nam Đồng Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền
79	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11	Máy chiết nhựa, giấy lọc, cân, tủ sấy. lò nung	
80	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-	cân, tủ sấy, bộ sàng theo tcvn	

		3:11	13567	
81	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	cân, tủ sấy, khuôn đúc mẫu, bộ đầm mẫu, máy hút chân không, Bình đưng	
82	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11		
83	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Cân, tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, chảo bay	
84	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	ống đồng, phễu, tấm kính, dao gạt, cân, tủ sấy	
85	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	Cân, tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, chảo bay, khuôn đúc	
86	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	PP tính toán	
87	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	PP tính toán	
88	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	PP tính toán	
89	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	PP tính toán	
90	Bộ khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984	Lò nung, khay, cân, tủ sấy, bông sàng, khay, bình dưỡng mẫu chén sứ, nhiệt kế, bộ sàng, Hóa chất, kính lúp, dầu hỏa, khuôn mẫu, máy hút chân không, bộ vica xi măng	
91	Kiểm tra hình dáng bên ngoài;	22TCN 58:1984	Thước đo độ chính xác 0.1mm	
<b>VII</b>	<b>NHỰA BI TUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỰ TƯƠNG AXÍT</b>			
92	Xác định độ kim lún và chỉ số kim lún PI ở 25°C	TCVN 7495:05	Bộ đo độ kim lún, tủ sấy, cân, bình ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	
93	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05	Bộ máy thí nghiệm kéo dài, tủ sấy, bình ổn nhiệt, nhiệt kế	
94	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05	Bộ thí nghiệm vòng bi, tủ sấy, bình ổn nhiệt, nhiệt kế	
95	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-1:11	Bộ thí nghiệm bắt lửa, tủ sấy, que diêm	
96	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5 giờ	TCVN 7499:05	Cân, tủ sấy, cốc đựng mẫu	Bùi Văn Nam Đồng Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền

97	Xác định tỷ lệ độ kim lún nhựa đường sau khi đun nóng ở 163°C trong 5 giờ so với độ kim lún ở 25°C	22TCN 279:01	Bộ đo độ kim lún, tủ sấy, cân, bình ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	
98	Xác định độ hòa tan của nhựa trong tricloetylen	TCVN 7500:05	Cốc thử kèm lưới lọc thủy tinh, Bình tam giác 250ml có vòi nút cao su, ống cao su	
99	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05	Bình thủy tinh, bình ổn nhiệt, nhiệt kế, cân, tủ sấy	
100	Xác định độ nhớt động, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05; TCVN 8818-5:11	Bộ thí nghiệm nhớt kế, nhiệt kế, đồng hồ	
101	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:05	Máy xác định hàm lượng paraffin. Cân, bình giữ ẩm, giấy lọc, nhiệt kế	
102	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05	Dây buộc, bình thủy tinh, bếp đun, nhiệt kế	
103	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-4:2011	Bình chưng cất thủy tinh; ống dẫn; bếp đun; hộp kim loại; nhiệt kế	
<b>VII</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>			
104	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02-71; TCVN 8729:12	Cân, côn, bộ dao đai, khay	
105	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12	Phễu rót cát, côn, cân, búa đục, khay	
106	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11	Cần đo và tấm ép tròn, đồng hồ	
107	Xác định modul đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11	Cần Benkenman. Đồng hồ	
108	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11	Bộ thí nghiệm rắc cát	
109	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11	Thước 3 M và con nôm	
110	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:12	Máy đo Điện Trở	
111	Phương pháp điện tử xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12	Thước đo và máy siêu âm	
112	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12	Kính thủy lực, đồng hồ đo	
113	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12	Súng bật nảy	
114	Phương pháp không phá hủy kết	TCVN 9335:12		

Bùi Văn Nam  
Đông Phú Khanh  
Kiều Duy Văn  
Hù Chà Đường  
Đào Ngọc Thanh  
Nguyễn Văn Quyền

	hộp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông		Máy Siêu âm	
115	Đo lún công trình, chuyển dịch ngang, độ nghiêng công trình bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9360:12; TCVN 9399:12; TCVN 9400:12	Máy trắc địa	
116	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM D4429:92	Bộ dụng cụ CBR hiện trường	
117	Thí nghiệm Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ PH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định	TCVN 9395:12	Bộ thí nghiệm Bentonite	
118	Sức kháng trượt xác định bằng con lắc Anh	TCVN 10271	Bộ thí nghiệm con lắc anh	
119	Xác định cường độ kéo nhỏ neo	TCVN 9490:2012	Kích thủy lực và đồng hồ	
<b>IX</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>			
120	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03	Bộ sàng tiêu chuẩn có kích thước lỗ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm, 0,14mm (TCVN 342 : 1986) và sàng có kích thước lỗ 0,08mm; Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; Tủ sấy điện có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ ở 1050C + 50C và 600C	
121	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dần)	TCVN 3121-3:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam;- bàn dần vữa, thước kẹp	
122	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm.	
123	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, bình chứa 1 lít -Phễu có đường kính trong 154 mm – 156 mm, chiều cao 20mm -Đồng hồ bấm giây.-Giấy lọc loại chày trung bình, 20 g/m2, có đường kính bằng đường kính trong của phễu. -Thiết bị thử độ lưu động theo TCVN 3121-3: 2003.	
124	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam;- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ;- Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm;- Cân thủy tĩnh.	Bùi Văn Nam Đông Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chả Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền

125	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam;- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ;- Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm;- Cân thủy tĩnh.	
126	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:03	Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đầm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu- Mảnh vải cotton, - Tấm kính- Máy thử uốn, có khả năng chịu tải đến 5 KN- Máy thử nén máy nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KN- Tấm nén phải đảm bảo phẳng, khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm;	
127	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:03	Thiết bị bám dính vữa- Keo dán, giấy nhám	
128	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03	Cân kỹ thuật (1g), - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 2000C, - Khăn lau mẫu- Thước lá	
<b>X</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH</b>			
129	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.	
130	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	Máy nén thủy lực, thước lá	
131	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo ....	
132	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	Tủ sấy tới 200°C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
133	Xác định khối lượng thể tích	TCVN6355-5:09	Tủ sấy tới 200°C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
134	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Tủ sấy tới 200°C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
135	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc. Máy nén	
136	Gạch bê tông nhẹ - bê tông khí không chung áp - PP thử	TCVN 9030:2011	Máy nén; thước đo; gối uốn; khay mẫu; tủ sấy; cân; bình bảo ôn	
137	Gạch bê tông nhẹ - bê tông khí chung áp AAC - PP thử	TCVN 7959:2011	Máy nén; thước đo; gối uốn; khay mẫu; tủ sấy; cân; bình bảo ôn	

Bùi Văn Nam  
 Đồng Phú Khanh  
 Kiều Duy Văn  
 Hồ Chà Đường  
 Đào Ngọc Thanh  
 Nguyễn Văn Quyền

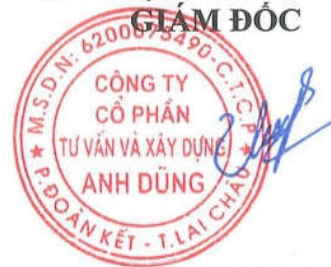
138	Thử nghiệm cơ gạch Terrazzo	TCVN 7744:2013	Máy nén; thước đo; gô; uôn; khay mẫu; tủ sấy; cân; bình bảo ôn	
<b>XI</b>	<b>THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ</b>			
139	Thí nghiệm gỗ: Xác định số vòng năm,; độ ẩm khi thử cơ lý; độ hút ẩm; độ hút nước và độ giãn dài; độ co nút; khối lượng thể tích; giới hạn bền kéo, nén; giới hạn bền khi uốn tĩnh; giới hạn bền khi trượt và cắt	TCVN 357:70; TCVN 367:70; TCVN 361:70; TCVN 8048:09	Quan sát bằng mắt thườngKính lúp, dao gọt mẫu, thước lá;Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy cưa gia công mẫu, thùng ngâm mẫu;Máy cưa gia công mẫu, thùng ngâm mẫu máy nén thủy lực có thang phù hợp, bộ gá uôn mẫu, thước kẹp mẫu	Bùi Văn Nam Đồng Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền
<b>XII</b>	<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP XI MĂNG ĐÁT</b>			
140	Xác định độ đầm chặt phương pháp khô và ướt	ASTM D559:96	Chày đầm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu- Mảnh vải cotton, - Tấm kính- Máy thử uôn, có khả năng chất tải đến 5 KN- Máy thử nénmáy nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KNTấm nén phải đảm bảo phẳng, khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm;	Bùi Văn Nam Đồng Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền
141	Xác định độ bền theo thời gian	ASTM D560:96	Máy nén, thước đo	
142	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633:00	Máy nén, thước đo	
143	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634:00	Máy nén, thước đo	
<b>XII I</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA LÝ NƯỚC CHO XÂY DỰNG</b>			
144	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:12	Phễu và giấy lọc băng xanh ;Bình trụ dung tích 1000 ml;Tủ sấy .300ocCân kỹ thuật chính xác tới 0,001g;Cốc thủy tinh	
145	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88	Bát sứ dung tích 500 mlBếp điện ;Tủ sấy .300ocCân kỹ thuật chính xác tới 0,001g; Đũa thủy tinhPi pet, nước cất ; Dung dịch natri cacbonat 1%	Bùi Văn Nam Đồng Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền
146	Độ PH	TCVN 6492:11	Giấy quỳ đo độ PH vạn năng (pp thông thường) Cốc thủy tinh	
147	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88	Bình định mức có dung tích 1 lít; Bình hình nón có dung tích 250 ml; Hoá chất bạc nitrat dung tích 0.05NKali cromat dung tích 5 %	
148	Hàm lượng ion sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>-</sup> )	TCVN 6200:96	Ống hút 50 mlỐng đo màu sắcỐng chuẩn độ vi lượng .HCl nồng độ 5%Mê tin da cam 0.1%BaCl 10%H2SO4 0.1N	

149	Hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:96	Ống hút 50 ml Ống đo màu Ống chuẩn độ vi lượng .HCl nồng độ 5% Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g Đũa thủy tinh, Pi pet Nước cất	
150	Hàm lượng natri và Kali	TCVN 61933-3:00	Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g Đũa thủy tinh Pi pet, nước cất Bình định mức có dung tích 1 lít Bình hình nón có dung tích 250 ml	
151	Kiểm tra váng dầu mỡ và màu sắc	TCVN 4506:212	Kiểm tra bằng mắt	
<b>VI X</b>	<b>KÍNH XÂY DỰNG</b>			
152	Xác định khuyết tật ngoại quan, chiều dày	TCVN 7219-2002	Thước đo độ chính xác 0.1mm	Bùi Văn Nam Đông Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền
153	Xác định độ bền nhiệt	TCVN 7364-2004	Tủ sấy; nồi đun hơi nước	
<b>XV</b>	<b>CƠ LÝ BENTONITE</b>			
154	Lượng mất nước	TCVN 9395:12	Bình chưng cất thủy tinh; ống dẫn; bếp ga hoặc bếp từ; hộp kim loại; nhiệt kế	Bùi Văn Nam Đông Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền
<b>XV I</b>	<b>VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM</b>			
155	Xác định độ dày tiêu chuẩn	ASTM D 5199-1991	PP đo bằng thước kẹp	
156	Xác định khối lượng riêng đơn vị diện tích	ASTM D 5261-1991	Cân, tủ sấy,	
157	Kích thước lỗ lọc của vải	ASTM D 4751-1991	Thước đo, kính lúp	
158	Cường độ xé rách chiều cuộn	ASTM D 4533-1991	Thiết bị kéo, ngàm kẹp, thước đo	
159	Cường độ xé rách chiều khổ	ASTM D 4595-1991	Thiết bị kéo, ngàm kẹp, thước đo	
160	Độ giãn dài kéo đứt chiều khổ, kéo đứt chiều cuộn	ASTM D 4595-1991	Máy kéo vải địa, thước đo	
161	Độ giãn dài ứng với cường độ chịu kéo tính toán $\leq 10\%$	ASTM D 4595-1991	Thước đo và tính toán	Bùi Văn Nam Đông Phú Khanh Kiều Duy Văn Hù Chà Đường Đào Ngọc Thanh Nguyễn Văn Quyền
162	Khả năng chống xuyên CBR của vải địa kỹ thuật	ASTM D 4833-1991	Thiết bị xác định lực nén xuyên thùng CBR, Mũi xuyên, Ngàm kẹp, Giá đỡ ngàm kẹp	
163	Xác định sức trục thùng bằng PP rơi côn	BS 6906P6;1997	Côn rơi, thước đo	
164	Xác định hệ số thẩm đơn vị	ASTM D 4491-1991	PP tính toán	

165	Cường độ bền chịu kéo giật, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật, bắc thăm	ASTM D 4632-1991	Thiết bị kéo, ngâm kẹp, thước đo	
-----	--	------------------	----------------------------------	--

- Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Anh Dũng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ  
XÂY DỰNG ANH DŨNG  
GIÁM ĐỐC**



**Vũ Hoàng Tinh**





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0718.26

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type): TYE-2000 Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): 083

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN

Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0740.26

STT (№)	Chỉ thị trên máy (Indicated on TYE 2000) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
<b>Thang đo (Range)(0 ÷ 800) kN; d = 2,5 kN</b>		
01	0	0,0
02	150	150,0
03	300	298,7
04	450	453,0
05	600	603,3
06	750	755,6
<b>Thang đo (Range)(0 ÷ 2000) kN; d = 5 kN</b>		
01	0	0,0
02	300	301,7
03	600	601,9
04	900	907,7
05	1200	1199,8
06	1500	1502,0
07	1800	1806,7

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0719.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân kỹ thuật**

Kiểu (Type) : **GS-ALC6** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **3021622006**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Nhật**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 6000 g**

**Độ phân giải (Resolution): d = 1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Bộ quả cân chuẩn F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

  
**Trần Đình Loan**

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0719.26

STT (No)	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBBĐ U (Uncertainty) g
1	100	100	0	0,8
2	200	200	0	0,9
3	500	500	0	0,9
4	1000	1000	0	0,9
5	2000	2000	0	1,0
6	6000	6001	-1	1,0

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0720.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **GS-ALC-30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **5882501190**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Nhật**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max = 30 kg**

**Độ phân giải (Resolution): d = 1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Bộ quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Hải*

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0720.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	1000	1000	0	0,2
2	5000	5000	0	0,2
3	10000	10000	0	0,5
4	15000	15001	-1	0,5
5	20000	20001	-1	0,7
6	30000	30001	-1	0,8

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\% (k=2)$

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0721.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **GS-ALC-30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **2037852222**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Nhật**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max = 30 kg**

**Độ phân giải (Resolution): d = 1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Bộ quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Toán**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0721.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBB U, g
1	1000	1000	0	0,5
2	5000	5000	0	0,6
3	10000	10000	0	0,7
4	15000	15000	0	0,7
5	20000	20001	-1	0,8
6	30000	30001	-1	0,8

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0722.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **BC - 15** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **8025240226**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Ohaus - USA**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max = 15 kg**

**Độ phân giải (Resolution): d = 0,5 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0722.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	500	500,0	0,0	0,12
2	1.000	1.000,0	0,0	0,12
3	2.000	2.000,0	0,0	0,23
4	5.000	5.000,0	0,0	0,24
5	10.000	10.000,5	-0,5	0,24
6	15.000	15.000,5	-0,5	0,34

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0723.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **RC21P30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **8334350305**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **OHAUS - USA**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max = 30 kg**  
**Độ phân giải (Resolution): d = 1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Quả cân F2**


**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

  
**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Loan**

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0723.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	1000	1000	0	0,2
2	5000	5000	0	0,2
3	10000	10000	0	0,5
4	15000	15000	0	0,5
5	20000	20001	-1	0,7
6	30000	30001	-1	0,8

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.0724.26

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo nén** (Tensile and Compression Testing Machine)

Kiểu (Type): WE-1000B Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 161203

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 1000 kN

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)  
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12.10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Loan*

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0724.26

Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)	Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
<b>Thang đo (0 ÷ 1000) kN; d = 2 kN</b>		<b>Thang đo (0 ÷ 500) kN; d = 1 kN</b>	
0	0,00	0	0,00
150	150,15	80	80,67
300	301,50	160	161,23
450	452,54	240	243,43
600	605,54	320	325,55
750	756,23	400	405,66
900	918,21	480	487,76
<b>Thang đo (0 ÷ 200) kN; d = 0,5 kN</b>			
0	0,00		
30	30,32		
60	60,23		
90	91,22		
120	122,44		
150	153,55		
180	184,23		

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0728.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **HCB602H** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **950241**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max = 600 g**

**Độ phân giải (Resolution): d = 0,01 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.35 - Bộ quả cân E2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0728.26

STT (No)	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBĐ U (Uncertainty) g
1	10	10,00	0,00	0,0082
2	20	20,00	0,00	0,0082
3	50	50,00	0,00	0,0082
4	100	100,00	0,00	0,0084
5	200	200,00	0,00	0,0084
6	500	500,01	-0,01	0,0086
6	600	600,01	-0,01	0,0096

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0730.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy nén Marshall**  
Kiểu (Type) : **MSY-30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №) : **161201**  
Số cung: **15190**

Nơi sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : **Phạm vi đo đến: 30 kN**  
**Đồng hồ so (0 - 10) mm; Số đồng hồ so: H847359; Giá trị độ chia: d = 0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

**Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10<sup>-2</sup>**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**  
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0730.26

	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch $\times 0,01$ mm)
1	0	0,0
2	3	17,0
3	6	33,9
4	9	50,2
5	12	66,0
6	15	82,4
7	18	99,5
8	21	115,5
9	24	131,5
10	27	147,5

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,1832x - 0,1233$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0734.26

Tên phương tiện đo (Object) : Tủ sấy (Oven)

Kiểu (Type) : HN101-2A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 377P

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): Max 300°C

Độ phân giải (Resolution): 0,1°C

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4-07

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8402-20/HIOKI;

Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Lân*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC. 0734.26

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
80,0	81,6	81,3	81,7
120,0	122,3	122,8	122,5
140,0	142,4	142,7	142,5
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Trang: 2/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

IMC.0735.26

Tên phương tiện đo (Object): **Lò nung**

Kiểu (Type): KSW-5-12 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 1902024

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): Max 1200°C

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4-08

Lò Nung - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh ;

Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**

*Trần Đình Lân*

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0735.26

Thiết bị đặt (°C)	Chuẩn đo được (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
750	755	-5	3
800	806	-6	
850	856	-6	

Trang: 2/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0739.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo nén**  
Kiểu (Type): **WE - 1000B** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **023**  
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất (Max range): **1000 kN**  
Độ phân giải (Resolution): **0,01 kN**  
Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

**Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**   
Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia  
(The Standard devices are traceable to National standards)


Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Toán**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe công đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0739.26

SET (№)	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0	0
2	200	201,05	-0,53
3	400	401,92	-0,48
4	600	602,85	-0,48
5	800	803,78	-0,47
6	900	904,26	-0,47

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  
 $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  
 $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0740.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type): **TYE-2000** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **022**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): **(0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN**  
Phạm vi đo (Range): **(0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

**Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10<sup>-2</sup>**

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia  
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

(Date of issue)  
**GIAM ĐỐC**  
(Director)  
**Trần Đình Tuấn**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0740.26

STT (No)	Chỉ thị trên máy (Indicated on TYE 2000) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
<b>Thang đo (Range)(0 ÷ 800) kN; d = 2,5 kN</b>		
01	0	0,0
02	150	149,9
03	300	300,7
04	450	451,4
05	600	602,5
06	750	753,1
<b>Thang đo (Range)(0 ÷ 2000) kN; d = 5 kN</b>		
01	0	0,0
02	300	299,5
03	600	601,1
04	900	902,5
05	1200	1203,6
06	1500	1504,4
07	1800	1805,5

- 32Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  
 $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  
 $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0741.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): **JY-302**

Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): **08902**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **OHAUS-USA**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max = 300 g**

Độ phân giải (Resolution): **d = 0,01 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.35 - Bộ quả cân F1**

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results):

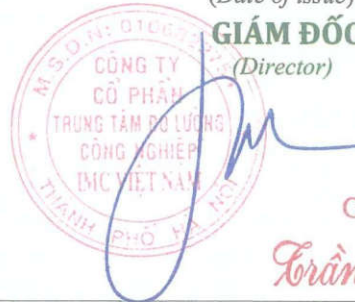
Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Loan**

Trang: 1/2  
(Số of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0741.26

STP (No)	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBĐ U (Uncertainty) g
1	50	50,00	0,00	0,008
2	100	100,00	0,00	0,008
3	150	150,00	0,00	0,009
4	200	200,00	0,00	0,010
5	250	250,00	0,00	0,010
6	300	300,01	-0,01	0,012

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
P = 95,45% (k=2)

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0747.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **HAW-6A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **5882501191**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Nhật Bản**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max = 6000 g**

Độ phân giải (Resolution): **d = 0,1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Quả cân F2**

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) :

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Lân*

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0747.26

STT (No)	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBĐ U (Uncertainty) g
1	100	100,0	0,0	0,2
2	200	200,0	0,0	0,2
3	500	500,0	0,0	0,2
4	1000	1000,0	0,0	0,3
5	2000	2000,1	-0,1	0,3
6	6000	6000,1	-0,1	0,3

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	22,0	55,0
Kết thúc	22,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0753.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type) : **HN101-2** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **126P**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): đến 300 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C**


Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

  
**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Toán**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

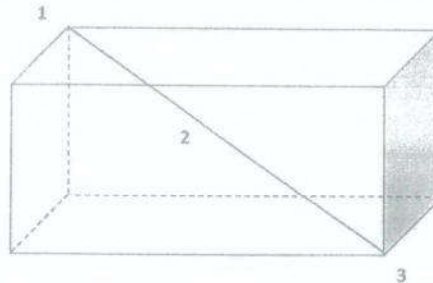
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0753.26



Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
80	80,8	80,9	80,5
105	106,5	107,8	106,7
120	121,7	121,9	121,5
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0758.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type) : **HN101-2A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **2800**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): đến 300 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Loan**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

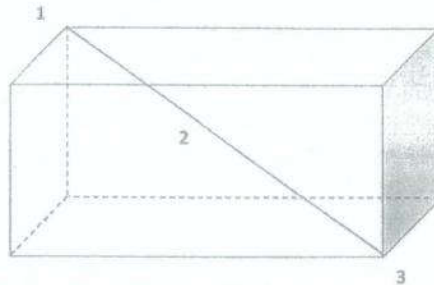
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0758.26



Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
80	81,8	81,9	81,5
105	107,5	107,8	107,7
120	122,7	122,9	122,5
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

**IMC.0764.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Lò nung**

Kiểu (Type): **SX2-4-10** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **32717**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 1000°C**

**Độ phân giải (Resolution): 1°C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-08**

**Lò Nung - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh ;**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C**

Kết quả (Results):

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0764.26

Thiết bị đặt (°C)	Chuẩn đo được (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
750	755	-5	3
800	808	-8	
850	860	-10	

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0780.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type) : **TYA-2000** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **220627**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : **Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 2000 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

**Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**


(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 04 - 27**

**Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0780.26

STT (No)	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0,0	0,00
2	200	200,7	-0,35
3	400	401,4	-0,35
4	600	602,9	-0,48
5	800	803,2	-0,40
6	1200	1204,4	-0,37
7	1400	1405,5	-0,39
8	1800	1806,8	-0,38

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy P H 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , P H 95%).

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0781.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **GS-ALC-30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **9138564217**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Japan**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max = 30 kg**

**Độ phân giải (Resolution): d = 0,5 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Bộ quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)


Kết quả (Results) :

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 04 - 27**

**Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0781.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	1000	1000,0	0,0	0,5
2	5000	5000,0	0,0	0,6
3	10000	10000,0	0,0	0,7
4	15000	15000,0	0,0	0,8
5	20000	20000,0	0,0	0,8
6	30000	30000,5	-0,5	0,8

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0782.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type) : **HN101-2A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **5111**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 300 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh ;**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,2$  °C**

Kết quả (Results) :

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 04 - 27**

**Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Loan**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC. 0782.26

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
80	80,8	80,5	79,8
105	104,1	105,2	105,1
120	121,3	122,0	119,1
250	248,3	248,9	251,5
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0767.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Vòng đo lực**  
Kiểu (Type): **Ứng biến** Số (Serial No) / Mã QL (Tag No): **A3600**  
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo đến: 50 kN**  
**Đồng hồ so (0 - 5) mm; Giá trị độ chia: d = 0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**  
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Loan**

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0767.26

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch $\times 0,01$ mm)
1	0	0,0
2	5	21,9
3	10	43,3
4	15	64,6
5	20	85,9
6	25	107,2
7	30	128,6
8	35	149,9
9	40	171,2
10	45	192,5
11	50	213,8

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,2345x - 0,1467$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0725.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị hoá mềm nhựa tự động**

Kiểu (Type): **CXS-2806** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **160507**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Đến 125 °C**

**Độ phân giải (Resolution): 0,1 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,2$  °C**

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)  
**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0725.26

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P = 95 % CL, k=2) (°C)
50	50,4	0,4	2,0
80	80,5	0,5	
120	120,7	0,7	

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0726.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị xác định độ lún của nhựa đường**

Kiểu (Type) : **CXS-2801** Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): **150115**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **AASHTO T49, ASTM D5**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-10**

**Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Lực kế chuẩn,  $U = 0,14.10^{-2}$**

**Thước cặp  $d = 0,001$  mm**

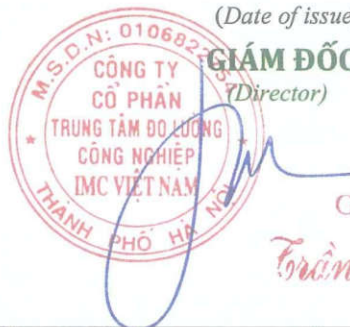
Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0726.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Khối lượng trục kim và kim	$(50 \pm 0,05)$ g	50,03 g	0,02 g
2	Khối lượng quả tải trọng 1	$(50 \pm 0,05)$ g	50,02 g	0,03 g
3	Khối lượng quả tải trọng 2	$(100 \pm 0,05)$ g	100,03 g	0,02 g
4	Đường kính thân kim	$(1,00 \pm 1,02)$ mm	1,01 mm	0,005 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(23 \pm 2)$  °C với  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

Trang: 2/2  
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0727.26

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**  
Kiểu (Type): Cơ khí (Mechanical) Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 116595  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm  
Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

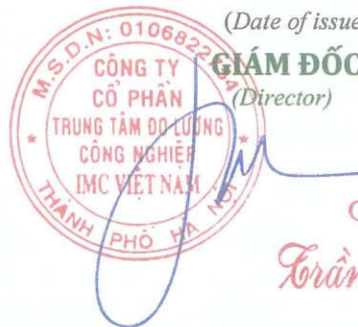
Kết quả (Results): Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Toán**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0727.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	5	10	2	8

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ: 26°C; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Trang: 2/2  
(№ of pages)

*Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam*  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0729.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**

Kiểu (Type): **Cơ khí (Mechanical)** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **E23331G**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): **(0 - 10) mm**  
Giá trị độ chia (Div): **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 75 : 2001**

**Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**

(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm**  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results): **Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Toán**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0729.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	8	15	10	15

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ: 26°C; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Trang: 2/2  
(№ of pages)

*Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam*

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)*

*Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:*

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0731.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Vòng đo lực**  
Kiểu (Type) : **Ứng biến** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №) : **02230112**  
Nơi sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : **Phạm vi đo đến: 50 kN**  
**Đồng hồ so (0 - 10) mm; Số đồng hồ so: 214299; Giá trị độ chia: d = 0,01 mm**  
Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0731.26

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch $\times 0,01$ mm)
1	0	0,0
2	3	11,0
3	6	22,0
4	9	34,1
5	12	45,5
6	15	56,3
7	18	67,2
8	21	79,0
9	24	90,5
10	27	102,0
11	30	113,0
12	35	132,2
13	40	151,3
14	45	170,4

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,264x + 0,0969$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0732.26

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị siêu âm bê tông**

Kiểu (Type): C369N Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): C369N/AE/0043

Nơi sản xuất (Manufacturer): Italia

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Thang đo: 0.1 - 9999  $\mu$ s  
Độ phân giải: 0.1  $\mu$ s (< 793  $\mu$ s), 1  $\mu$ s (> 793  $\mu$ s)  
Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp đo thời gian truyền sóng

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo, kiểm tra chức năng hoạt động của máy  
Phép đo thời gian truyền sóng siêu âm qua thanh mẫu chuẩn 53  $\mu$ s

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thanh mẫu chuẩn 53,2  $\mu$ s

Kết quả (Results):

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả ( $\mu$ s)	53,3	53,2	53,2	53,3	53,3

- Nhiệt độ thực hiện:  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ; độ ẩm 70 %RH

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Loan*

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

**Kết quả hiệu chuẩn**  
(Calibration results)



**Trang: 2/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.0733.26

Tên phương tiện đo (Object): **Súng thử bật nảy**  
Kiểu (Type): N/A Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 150499-145  
Nơi sản xuất (Manufacturer): MATEST ITALY  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (10 ÷ 100) R  
Độ phân giải: 2R

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 150 : 2004

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy - Quy trình hiệu chuẩn  
(Concrete strength test instrument with rebound method - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB1.13 - Đe hiệu chuẩn  $60 \pm 2$ ; U = 2R

Kết quả (Results): Giá trị bật nảy của búa khi thử trên đe chuẩn

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả	61	59	60	59	60

- Nhiệt độ hiệu chuẩn :  $(24 \pm 2)$  °C;
- Với độ không đảm bảo đo : U = 2,0 R, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Loan*

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



**Trang: 2/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)*

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0736.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy chiết nhựa ly tâm**

Kiểu (Type): **SLF-400** Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): **150703**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):  
Tốc độ vòng quay: **2900 vòng/phút**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

**Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Toán*

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0736.26

STT	Giá trị đặt (vòng/p)	Đo được (vòng/p)
1	1800	1801
2	2600	2604
3	2900	2909

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0738.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type): **MH-I** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **0738.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn TCVN 7572-2006**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

**Máy thử mài mòn Los Angeles - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results):  
Tốc độ đo được: **30,3 vòng/phút**  
Đường kính bi (mm): **47,0 ~ 47,3**  
Trọng lượng bi (g): **393 ~ 400**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

**Kết quả hiệu chuẩn**  
(Calibration results)



**Trang: 2/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)*

*Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:*

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0763.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy thử mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type) : **MH-I** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **0763.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn TCVN 7572-2006**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

**Máy thử mài mòn Los Angeles - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results) : **Tốc độ đo được: 30,5 vòng/phút**  
**Đường kính bi (mm): 47,1 ~ 47,3**  
**Trọng lượng bi (g): 393 ~ 400**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tấn*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

**Kết quả hiệu chuẩn**  
(Calibration results)



**Trang: 2/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0737.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Con lắc Anh thí nghiệm độ chống trượt**

Kiểu (Type) : **BM-III** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **30927**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **8791 : 2011, EN 1097-8**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp;  
Theo yêu cầu của khách hàng**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn

Thước cặp điện tử  $U = (5 + 8L) \mu\text{m}$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0737.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả (k = 2, P ≈ 95%)	
1	Trọng lượng đặt	1500 ± 30 g	1512g	0,6 g
2	Trọng tâm của trọng lực	410 ± 5 mm	413 mm	1mm
3	Tầm cao su trên đường đến áp suất tĩnh	2263 g	2262g	1g

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k = 2).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0742.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**

Kiểu (Type): **Cơ khí (Mechanical)** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **13748**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm**  
**Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 75 : 2001**

**Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**

(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm**  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results): **Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0742.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	12	10	15	12

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^{\circ}C$ ; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.0743.26

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**

Kiểu (Type): Cơ khí (Mechanical) Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 210664

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm  
Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results): Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Loan*

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0743.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	8	10	9	8

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^{\circ}C$ ; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0744.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Đồng hồ đo chuyển vị**  
Kiểu (Type) : Cơ khí (Mechanical) Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): B24763G  
Nơi sản xuất (Manufacturer) : Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm  
Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results) : Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Toán*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0744.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	9	7	8	8

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^{\circ}C$ ; Độ ẩm tương đối:  $70\%RH$

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.0745.26

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**  
Kiểu (Type): Cơ khí (Mechanical) Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 115618  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm  
Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results): Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
Trần Đình Toán

Trang: 1/2  
(Số of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0745.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	7	9	10	9

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ: 26°C; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Trang: 2/2  
(No of pages)

*Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam*

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)*

*Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:*

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.0746.26

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyên vị**  
Kiểu (Type): Cơ khí (Mechanical) Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 210791  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm  
Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results): Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Loan**

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0746.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu\text{m}$ )	8	9	8	4

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^\circ\text{C}$ ; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0749.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy thử mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type) : T10001 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 140640

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn TCVN 6065:1995

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4 - 09

Máy thử mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (Results) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Lân*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0749.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Giá trị đo được
1	Tốc độ vòng quay của đĩa	(30 ~ 33) vòng/phút	(30 ~ 33) vòng/phút

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ .  
(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ .)

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0750.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy trộn xi măng (Cement Mortar Mixer)**

Kiểu (Type): JJ-5 Số (Serial No) / Mã QL (Tag No): 110714

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): TCVN 6016-2011

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4 - 14

Máy trộn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn mẫu cấp 1

Thiết bị đo tốc độ vòng quay,  $U = \pm(0,05\% \pm 1 \text{ digit})$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Lân**

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0750.26

TT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Description	Giá trị danh nghĩa/ Nominal values	Kết quả/ Results	
			Giá trị đo được/ Measured values	U/ Uncertainty
<b>1. Tốc độ cánh trộn (Rotation)</b>				
01	Chuyển động quanh trục, tốc độ thấp/ Shaft rotation, low speed.	(140 ± 5) (r/min)	143,0 (r/min)	1,20 (r/min)
02	Chuyển động quanh trục, tốc độ cao/ Shaft rotation, high speed.	(285 ± 10) (r/min)	286,5 (r/min)	1,60 (r/min)
03	Chuyển động hành tinh, tốc độ thấp/ Planetary rotation, low speed.	(62 ± 5) (r/min)	62,6 (r/min)	1,20 (r/min)
04	Chuyển động hành tinh, tốc độ cao/ Planetary rotation, high speed.	(125 ± 5) (r/min)	126,5 (r/min)	1,55 (r/min)
<b>2. Khe hở cánh trộn và cối trộn/ Working gap</b>				
05	Khe hở nhỏ nhất giữa cánh trộn và cối trộn/ Working gap between mixing blade and bowl	(3 ± 1) mm	3,2 mm	0,24 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C.  
(The equipment was calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0762.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy chiết nhựa ly tâm**

Kiểu (Type): **SLF-400** Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): **0762.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):  
Tốc độ vòng quay: **2900 vòng/phút**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

**Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0762.26

STT	Giá trị đặt (vòng/p)	Đo được (vòng/p)
1	1800	1805
2	2600	2608
3	2900	2912

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(25 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  
 $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(25 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  
 $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0760.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Áp kế - Bơm hút chân không**

Kiểu (Type): **Lò xo** Số (Serial Số) / Mã QL (Tag Số): **0760.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **KK Gauges**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range):  **$(-76 \div 0) \text{ kg/cm}^2$**

Giá trị vạch chia nhỏ nhất:  **$2 \text{ kg/cm}^2$**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-17**

**Áp kế - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Áp kế chuẩn;**

**Chuẩn được liên kết đến Trung tâm đo lường Quân đội**

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Toán**

Trang: 1/2  
(Số of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0760.26

TT	P chuẩn (standard) kg/cm <sup>2</sup>	P đo tb (test mean) kg/cm <sup>2</sup>	$\Delta P$ kg/cm <sup>2</sup>	(*)U <sub>exp</sub> kg/cm <sup>2</sup>
1	-70	-69	1	0,2
2	-60	-59	1	0,2
3	-50	-48	2	0,2
4	-40	-39	1	0,2
5	-30	-30	0	0,2
6	-20	-19	1	0,2
7	-10	-10	0	0,2
8	0	0	0	0,2

### Điều kiện hiệu chuẩn (Calibration conditions) :

Nhiệt độ (Temperature): (23 ± 2) °C

Độ ẩm (Humidity): (60 ± 10) %RH

Trang: 2/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0755.26**

Tên phương tiện đo (Object):

**Vòng đo lực - CBR2**

Kiểu (Type): **Ứng biến**

Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **03555**

Nơi sản xuất (Manufacturer):

**Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo đến: 50 kN**

**Đồng hồ so (0 - 10) mm; Số đồng hồ so: 214299; Giá trị độ chia:  $d = 0,01$  mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

**Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**

*(The Standard devices are traceable to National standards)*

Kết quả (Results):

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
*(See the results of the calibration on the next page)*

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

*(Date of issue)*

**Trưởng phòng thí nghiệm**

*(Head of calibration Laboratory)*

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

*(Director)*



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
*(№ of pages)*

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)*

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0755.26

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch $\times 0,01$ mm)
1	0	0
2	3	12,9
3	6	25,8
4	9	39
5	12	52,6
6	15	65,5
7	18	78,5
8	21	91,7
9	24	104,8
10	27	117,9
11	30	131,07
12	36	157,3
13	42	183,6
14	45	196,7

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,2286x + 0,0446$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0752.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị đo tỉ trọng**

Kiểu (Type) : NB-1 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range):  $(0,96 \div 3,0) \text{ g/cm}^3$

Độ phân giải (Resolution):  $d = 0,01 \text{ g/cm}^3$

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp**


Chuẩn được sử dụng (Standards used): Nước cất ở 25 °C

Kết quả (Results) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0752.26

Lần đọc	Giá trị chuẩn Nước cất ở 25 °C	Giá trị đọc trên thiết bị	ĐKĐBBĐ U P = 95 %, k = 2
	g/cm <sup>3</sup>		
1	1,0	1,01	0,01
2	1,0	1,02	
3	1,0	1,02	

Điều kiện môi trường (Environmental conditions):

Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
23,0	55,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k = 2).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0751.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Dụng cụ Vicat**

Kiểu (Type) : N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 0751.26

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): TCVN 6017 - 2015

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4-11

Dụng cụ Vicat - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Panme  $U = (1 + 6L) \mu\text{m}$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )

Lực kế chuẩn,  $U = 0,14 \cdot 10^{-2}$  ( $k = 1$ ;  $P \approx 95\%$ )

Thước cặp điện tử  $U = (5 + 8L) \mu\text{m}$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )

Kết quả (Results) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Lân*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0751.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả Giá trị đo được
1	Đường kính kim thử độ dẻo chuẩn	1,13 ± 0,05 mm	1,15 mm
2	Chiều dài kim thử độ dẻo chuẩn	50±1 mm	49,98 mm
3	Kích thước đỉnh khuôn đông kết	65±5 mm	64,48 mm
4	Kích thước đáy khuôn đông kết	75±5 mm	73,93 mm
5	Chiều cao khuôn đông kết	40±0,2 mm	40,17 mm

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
P = 95,45% (k = 2)

Trang: 2/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM**  
**ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0765.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Bể ổn nhiệt Marshall**

Kiểu (Type): **T16119** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **151209**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 100 °C**

**Độ phân giải (Resolution): 1°C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh;**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,2$  °C**

Kết quả (Results):

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Toán**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0765.26

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn đo được (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) $p = 95\%CL, k = 2$
40	40,5	0,5	2,0
60	61,3	1,3	
80	81,1	1,1	

Trang: 2/2  
(№ of pages)

*Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam*  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**